

# MỤC LỤC

<b>QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG</b>	<b>2</b>
NGO VAN NHAN <i>Thúc đẩy phát triển bền vững đất nước theo tinh thần nghị quyết Đại hội XIII của Đảng</i>	2
CAO THU HANG <i>Xây dựng, phát huy vai trò của vốn văn hóa trong thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"</i>	9
TRẦN VĂN PHÒNG <i>Một gia đình "Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh" mới có thể là cái nôi củng cố và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc</i>	16
<b>NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</b>	<b>19</b>
PHẠM VĂN ĐỨC <i>Chiến dịch "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" góp phần quan trọng trong việc xây dựng trụ cột trọng yếu cho phát triển bền vững ở Việt Nam</i>	19
HOÀNG ANH <i>Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần quan trọng trong bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin giai đoạn hiện nay</i>	22
HUỖNH VĂN TÁNH <i>Những vấn đề đặt ra đối với việc cần thiết vận dụng triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong giáo dục và đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay</i>	29
NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI <i>Những chỉ dẫn của chủ tịch Hồ Chí Minh về tự học, học tập suốt đời và sự vận dụng của Đảng ta</i>	37
<b>NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI</b>	<b>43</b>
ĐỖ THANH VÂN <i>Tư tưởng chiến lược giáo dục của Đặng Tiểu Bình</i>	43
PHẠM MINH ĐỨC NGUYỄN ANH TUẤN <i>Hòa quang đồng trần: từ Lão Tử, Trần Nhân Tông đến ngoại giao cây tre Việt Nam hiện nay</i>	50
PHẠM THANH HANG <i>Phật giáo và nhân quyền</i>	58
TRẦN ĐĂNG SINH NGUYỄN THU THỦY <i>Vu Lan báo hiếu</i>	63
VŨ THỊ MẠN <i>Một số phong tục của người dân tỉnh Hải Dương ảnh hưởng tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần ở Đền Kiếp Bạc</i>	67
NGUYỄN XUÂN TOÁN <i>Giáo dục chính trị cho sinh viên các trường cao đẳng nghề vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta hiện nay</i>	73
TRẦN THỊ NGỌC ANH <i>Tính triết học của nghệ thuật sống tối giản</i>	79
NGUYỄN DUY CƯỜNG <i>Những khó khăn trong việc nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam hiện nay</i>	85
<b>THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG HỘI</b>	<b>89</b>
<b>ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH</b>	<b>96</b>

<b>IMPLEMENTING THE RESOLUTION OF THE 13TH PARTY CONGRESS</b>	<b>2</b>
NGO VAN NHAN <i>Promoting sustainable development in the spirit of the resolution of the 13th party congress</i>	2
CAO THU HANG <i>Building and promoting the role of cultural capital in achieving the goals of "rich people, strong nation, just, democratic, and civilized society"</i>	9
TRAN VAN PHONG <i>Only a "warm, happy, progressive, civilized" family can be the cradle to consolidate and promote national cultural traditions.</i>	16
<b>NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</b>	<b>19</b>
PHAM VAN DUC <i>The campaign "Vietnamese Mother - Vietnamese Family" contributes significantly to building a key pillar for sustainable development in Vietnam.</i>	19
HOANG ANH <i>Research and creative implementation of Ho Chi Minh's thought: a key contribution to the protection and development of Marxism-Leninism in the current period</i>	22
HUYNH VAN TANH <i>Issues arising in the need of implementing Ho Chi Minh's educational philosophy in education and training in the Mekong Delta today</i>	29
NGUYEN THI TUYET MAI <i>Ho Chi Minh's guidance on self-education, lifelong learning, and its application by our party</i>	37
<b>NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI</b>	<b>43</b>
DO THANH VAN <i>Deng Xiaoping's thought of Education Strategy</i>	43
PHAM MINH DUC NGUYEN ANH TUAN <i>Soften the light, blend in with the dust: from Laozi, Tran Nhan Tong to bamboo diplomacy</i>	50
PHAM THANH HANG <i>Buddhism and human rights</i>	58
TRAN DANG SINH NGUYEN THU THUY <i>Vu Lan's filial piety festival</i>	63
VU THI MAN <i>Some customs of the people of Hai Duong province influenced by the worship of saint tran at Kiep Bac temple</i>	67
NGUYEN XUAN TOAN <i>Political education for students in vocational colleges for developing high-quality human resources in our country today</i>	73
TRAN THI NGOC ANH <i>The philosophical aspect of minimalist living art</i>	79
NGUYEN DUY CUONG <i>Barriers in the research and teaching of philosophy in contemporary Vietnam</i>	85
<b>INFORMATION</b>	<b>89</b>
<b>ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH</b>	<b>96</b>

# 1

## QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG

### THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

TS. NGỌ VĂN NHÂN\*

Phát triển bền vững và bảo đảm phát triển bền vững đã và đang trở thành xu thế bao trùm trên toàn thế giới. Quan điểm phát triển bền vững đất nước là quan điểm nhất quán, toàn diện, xuyên suốt của Đảng trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở trình bày khái lược về phát triển bền vững, bài viết tập trung phân tích quan điểm của Đảng về bảo đảm phát triển bền vững và luận giải một số giải pháp có tính định hướng nhằm thúc đẩy phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

----- Từ khóa -----  
Phát triển, phát triển bền vững, Nghị quyết Đại hội XIII, giải pháp bảo đảm phát triển bền vững

----- Nhận bài -----  
09/08/2024; biên tập: 10/08/2024;  
phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

#### 01. Khái niệm phát triển bền vững

Theo quan điểm duy vật biện chứng, “phát triển là phạm trù triết học dùng để khái quát quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn” [6, tr.227].

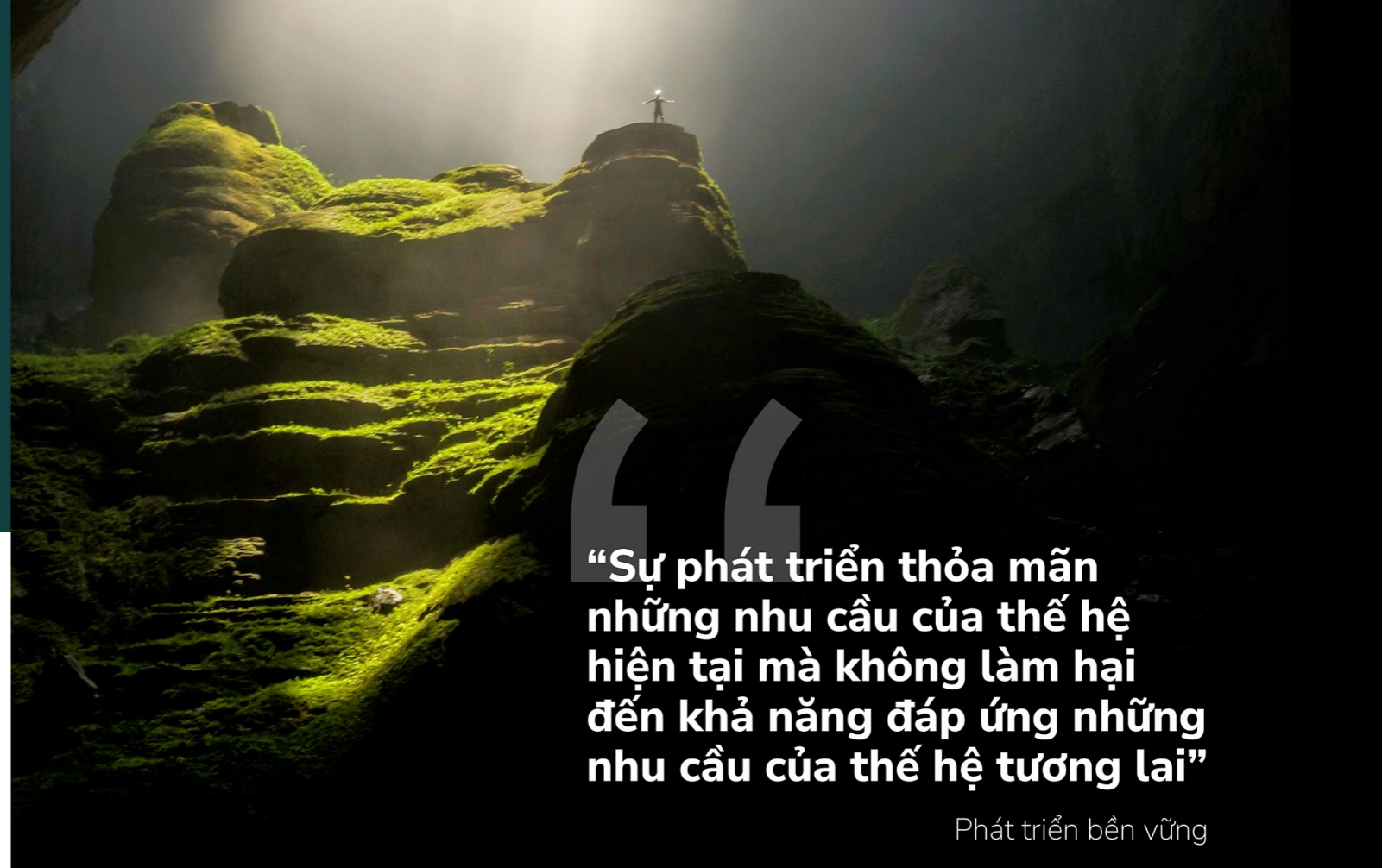
Trong hiện thực khách quan, sự phát triển không diễn ra theo con đường bằng phẳng mà có sự quanh co, phức tạp và có thể có cả bước thụt lùi tương đối. Sự phát triển mang tính phổ biến, nghĩa là nó diễn ra ở tất cả các lĩnh vực - từ tự nhiên đến xã hội và tư duy, từ hiện thực khách quan đến những phạm trù, khái niệm phản ánh hiện thực khách quan ấy. “Trong xã hội, sự phát triển biểu hiện ở năng lực chinh phục tự nhiên, cải tạo xã hội để tiến tới mức độ ngày càng cao trong sự nghiệp giải phóng con người” [6, tr. 227 - 228]. Xã hội loài người xuất hiện trên nền tảng tự nhiên.

Từ bao đời nay, vì sự phát triển xã hội và nhằm thỏa mãn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của mình, con người đã không ngừng nghỉ trong việc chinh phục, cải tạo, khai thác tự nhiên. Tuy nhiên, của cải trong tự nhiên không phải là vô tận; nếu con người cứ nhân danh “sự phát triển”, mãi khai thác theo kiểu bóc lột tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ mình một cách vô điều kiện thì đến một thời điểm nào đó, cái gọi là “sự phát triển xã hội” sẽ chuyển hóa thành mặt đối lập của nó - “sự hủy diệt xã hội”.

Để tránh thảm họa hủy diệt có thể xảy ra trong tương lai, sự phát triển trong tư duy đã định hướng cho con người nhận thức lại rằng, đã đến lúc phải thay đổi quan điểm về phát triển: không thể phát triển bằng mọi giá, mà phải phát triển bền vững.

Sự xuất hiện khái niệm “phát triển bền vững” (sustainable development) là cả một quá trình, phản ánh cuộc đấu tranh giữa các nước giàu có, phát triển và các nước nghèo, chậm phát triển. Sau

\*Trường Đại học luật Hà Nội 2



“Sự phát triển thỏa mãn  
những nhu cầu của thế hệ  
hiện tại mà không làm hại  
đến khả năng đáp ứng những  
nhu cầu của thế hệ tương lai”

Phát triển bền vững

chiến tranh thế giới thứ hai, khái niệm phát triển chỉ thuần túy mang nội dung kinh tế. Chương trình xây dựng quốc gia, những chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các nước chỉ chú ý tới vấn đề sản xuất lương thực, hiện đại hóa nông nghiệp; tiến hành công nghiệp hóa, sản xuất thay thế nhập khẩu và phục vụ xuất khẩu... Khi đó, phát triển kinh tế đồng nghĩa với tăng trưởng kinh tế, không có sự phân biệt, so sánh giữa số lượng và chất lượng. Đối với các nước nghèo, có nền kinh tế chậm phát triển thì nhu cầu chủ yếu là gia tăng sản xuất, xúc tiến các chương trình phục vụ quốc kế dân sinh.

Vào đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, khái niệm “phát triển bền vững” lần đầu tiên được sử dụng trong Chiến lược bảo tồn thế giới do Hiệp hội bảo toàn thiên nhiên quốc tế, Quỹ động vật hoang dã thế giới và Chương trình môi trường Liên hợp quốc đề xuất. Khái niệm này chính thức được sử dụng rộng rãi trên thế giới từ năm 1987 sau khi nó được Ủy ban thế giới về Môi trường và Phát triển do bà Gro Harlem Brundtland làm chủ tịch tiếp thu, khai triển trong Báo cáo phúc trình mang tựa đề “Tương lai chung của chúng ta” (thường được gọi là Báo cáo Brundtland). Theo Báo cáo Brundtland, phát triển bền vững là “sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu

cầu của thế hệ tương lai” [5, tr.59]. Theo cách tiếp cận này, khái niệm “phát triển bền vững” được hiểu theo nghĩa rộng, có thể triển khai với nhiều lĩnh vực một cách linh hoạt. Trên lĩnh vực kinh tế, đó là quá trình phát triển dựa vào nguồn tài nguyên có thể tái tạo, tôn trọng những quá trình sinh thái cơ bản, sự đa dạng sinh học và những hệ thống trợ giúp tự nhiên đối với cuộc sống của con người, động vật và thực vật. Trong lĩnh vực xã hội, phát triển bền vững hàm chứa sự phát triển con người, sự bình đẳng giữa các nước giàu và các nước nghèo, giữa các thế hệ; thậm chí cả sự cần thiết của việc giải trừ quân bị, giảm chi phí quốc phòng nhằm giải phóng nguồn tài chính phục vụ phát triển bền vững. Phát triển bền vững không chỉ là nỗ lực kết hợp giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, mà còn bao hàm cả các khía cạnh chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội; hướng tới thực hiện công bằng xã hội và tiến bộ xã hội. Kể từ khi xuất hiện, khái niệm “phát triển bền vững” đã gây được sự chú ý và thu hút sự quan tâm của toàn nhân loại nói chung, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, đảng phái chính trị, các phong trào xã hội, chính phủ các quốc gia... nói riêng. Đối với từng quốc gia, việc soạn thảo, xây dựng các quan điểm, chính sách, chương trình và kế hoạch kinh tế - xã hội đều đi theo phương hướng và tinh thần của phát triển bền vững.

## 02. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo đảm phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay

Ở nước ta, khái niệm “phát triển bền vững” được biết đến, được triển khai nghiên cứu lý luận bởi các nhà khoa học vào khoảng cuối thập kỷ 80 - đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Cùng với các nước trên thế giới, phát triển bền vững đã trở thành nhu cầu/yêu cầu cấp bách và là xu thế tất yếu trong tiến trình xây dựng, phát triển đất nước Việt Nam theo đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, quan điểm phát triển bền vững của Đảng được nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 là: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [1, tr. 162]. Đây là lần đầu tiên trực tiếp tam giác tăng trưởng kinh tế - thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội - bảo vệ môi trường với tư cách là những thành tố có mối liên hệ gắn kết chặt chẽ với nhau tạo nên sự phát triển bền vững được Đảng ta đề cập một cách cụ thể, rõ ràng và trở thành một quan điểm phát triển chính thức của Đảng. “Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học” [1, tr.163 -164].

Quan điểm phát triển bền vững tiếp tục được Đảng ta đề cập, phát triển cụ thể hơn, sâu sắc hơn trên từng lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường trong văn kiện các kỳ đại hội sau. Trong văn kiện Đại hội XI, quan điểm phát triển bền vững đặt ra yêu cầu phát triển bền vững phải được biểu hiện cụ thể ở từng lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế; bởi lẽ, phát triển kinh tế là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển các lĩnh vực khác. Kinh tế tăng trưởng, phát triển lại là điều kiện quan trọng để Nhà nước, xã hội chăm lo phát triển văn hóa, giáo dục, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và tăng cường mạnh mẽ công tác bảo vệ môi trường. “Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế... Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu” [2, tr.98 - 99].

Văn kiện Đại hội XII của Đảng đề cập trực tiếp mục tiêu phát triển bền vững trong từng phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước” [3, tr.270].

Quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển bền vững tiếp tục được quán triệt, thể hiện một cách nhất quán, xuyên suốt trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 được Đại hội XIII thông qua có chủ đề: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao” [4, tr. 206]; theo đó, phát triển nhanh và bền vững đất nước vừa là mục tiêu, yêu cầu, vừa là nhiệm vụ xuyên suốt trong triển khai thực hiện Chiến lược. Đánh giá về bối cảnh quốc tế hiện nay, Đại hội XIII nhận định: “Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới” [4, tr. 207-208].

Trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước, một trong các quan điểm chỉ đạo được Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh là: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên” [4, tr. 110].

Một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước” [4, tr.114].

Có thể khẳng định rằng, quan điểm phát triển bền vững đất nước là quan điểm nhất quán, toàn diện, xuyên suốt của Đảng trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhận thức về phát triển bền vững trong xã hội ngày càng được nâng cao, việc hiện thực hóa quan điểm phát triển bền vững đã và đang đi vào chiều sâu và thực chất hơn. Đó cũng là những tiền đề quan trọng để chúng ta tiếp tục thúc đẩy phát triển bền vững đất nước bằng những phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

## 03. Những giải pháp có tính định hướng thúc đẩy phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

### 3.1 Những giải pháp bảo đảm thúc đẩy phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế

Thứ nhất, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, gia tăng hàm lượng khoa học - công nghệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên nhằm phát triển kinh tế nhanh, bền vững; “chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế” [4, tr.120-121]. Việc đổi mới mô hình tăng trưởng đòi hỏi phải cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường... Điều đó cũng đồng nghĩa với phát triển

mô hình tăng trưởng xanh, thúc đẩy phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng bảo đảm phát triển bền vững, Việc cơ cấu lại nền kinh tế tập trung vào nâng cao hiệu quả đầu tư công, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thị trường tài chính - tiền tệ đáp ứng yêu cầu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, thị trường bất động sản, đất đai, tài nguyên để đất đai, tài nguyên được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả cao. “Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các lĩnh vực, các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế, nhiều hàm lượng công nghệ có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao. Cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp, phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng tập trung vào những lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; lành mạnh hoá tài chính, nâng cao trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt vai trò là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước” [4, tr.121-122]. Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển lành mạnh các loại thị trường, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp... phải luôn bám sát và đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí phát triển bền vững.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh trên cơ sở “công nghiệp hóa sạch”. Yêu cầu đặt ra là: “Nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường” [4, tr.123]. Điều đó có nghĩa, ngay từ ban đầu phải quy hoạch sự phát triển công nghiệp, xây dựng với cơ cấu ngành nghề, thiết bị, công nghệ bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi

trường; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp, xây dựng; sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên không tái tạo được; giảm thiểu việc thải vào môi trường các chất độc hại và khó phân hủy nhằm bảo đảm phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế.

Thứ tư, phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn; trong đó: nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững và phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển lâm nghiệp toàn diện, bền vững, trong đó: “Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị” [4, tr.124]. Trong khi phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa phải đặc biệt coi trọng vấn đề chất lượng hàng hóa, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; bảo tồn và phát triển được các nguồn tài nguyên đất, nước, không khí và đa dạng sinh học; giữ gìn, bảo vệ sinh thái, môi trường tự nhiên ở nông thôn trong điều kiện phát triển công nghiệp, dịch vụ, làng nghề, áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trong điều kiện xây dựng nông thôn mới; xây dựng các cộng đồng địa phương phát triển bền vững.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện tốt Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Tổ chức tốt việc xây dựng và quản lý thống nhất quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và chuyên ngành về biển, đảo. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả các ngành kinh tế biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp và các đô thị ven biển. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển, nhất là nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; xây dựng cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển [4, tr.125-126].

### 3.2 Những giải pháp bảo đảm thúc đẩy phát triển bền vững trong lĩnh vực xã hội

Phát triển bền vững trong lĩnh vực xã hội có nghĩa là cần phải tạo dựng được một xã hội yên bình, con người được sống trong môi trường xã hội hài hòa, công bằng, dân chủ, văn minh, có an sinh và hạnh phúc.

Thứ nhất, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển mạnh khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động lực then chốt cho quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước theo tinh thần: “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước. Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [4, tr.136]. Cần thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Cùng với việc phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nhanh và bền vững, Đảng ta cũng nhấn mạnh yêu cầu phát triển mạnh khoa học và công nghệ để khoa học và công nghệ thực sự là “động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế” [4, tr.140]; qua đó, thúc đẩy quá trình phát triển nhanh và bền vững. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Thứ hai, xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, chăm lo phát triển văn hóa một cách toàn diện, đồng bộ trên các lĩnh vực văn hóa, bao gồm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, cách mạng; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại; thực hiện

các chuẩn mực văn hoá gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh; phát triển hệ thống thông tin đại chúng, văn học, nghệ thuật; phát huy sức mạnh mềm của văn hoá Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị và thành tựu mới của văn hoá, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới. “Gắn phát triển văn hoá với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hoá cho các thế hệ mai sau” [4, tr.143-144]. Phát triển bền vững về văn hóa, đòi hỏi phải vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, quản lý phát triển xã hội bền vững, thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội. Đại hội XIII của Đảng đề ra giải pháp: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người.

Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa” [4,147-148].

Đối với giải pháp này cần tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm, chính sách tiền lương, từng bước cải thiện, nâng cao thu nhập cho người lao động; huy động các nguồn lực để tập trung thúc đẩy công tác xóa đói, giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản; hoàn thiện các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và trợ giúp xã hội với sự ưu tiên dành cho nhóm các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương.

Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm...

Đảng, Nhà nước cần chú trọng nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển; tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích

ứng với già hoá dân số; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em nhằm giảm thiểu áp lực dân số và gia tăng chất lượng dân số. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ và tầm vóc người Việt Nam, bảo đảm toàn dân đều được quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ.

Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và thuốc chữa bệnh...

### 3.3 Những giải pháp bảo đảm thúc đẩy phát triển bền vững trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường

Yêu cầu bảo đảm phát triển bền vững chính thức xuất hiện từ “tiếng chuông” cảnh báo về việc con người khai thác ngày càng cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và gây ra vấn nạn ô nhiễm môi trường. Phát triển bền vững trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường đòi hỏi phải bảo vệ khả năng tái sinh của hệ sinh thái, giữ cho nhịp độ sử dụng tài nguyên có khả năng tái sinh thấp hơn tốc độ tái sinh; việc sử dụng tài nguyên không có khả năng tái sinh phải tùy thuộc vào khả năng sáng chế tư liệu thay thế; mức độ ô nhiễm môi trường phải thấp hơn khả năng tự tái tạo của môi trường tự nhiên.

Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về khai thác, sử dụng tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường. Đối với tài nguyên đất đai, phải “bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, bền vững, hiệu quả, tiết kiệm trong sử dụng đất” [4, tr.152].

Đối với tài nguyên nước, phải “khai thác, sử dụng tài nguyên nước bảo đảm công bằng, hiệu quả, bền vững trên nguyên tắc của kinh tế thị trường và quản lý tổng hợp nguồn nước, bảo đảm nghiêm ngặt an ninh nguồn nước, nhất là nước sạch cho sinh hoạt” [4, tr.153]. Về phía Nhà nước, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng và tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường. “Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp

luật, nghiên cứu cơ bản và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về tài nguyên, môi trường, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu” [4, tr.155].

Thứ hai, tăng cường lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường vào quá trình xây dựng, soạn thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư; coi đó là một yêu cầu có tính bắt buộc thực hiện một cách nghiêm ngặt nhằm bảo đảm thúc đẩy phát triển bền vững. Đối với các chương trình, dự án đầu tư đã triển khai thực hiện trước đây chưa coi trọng bảo vệ môi trường thì phải khắc phục thiếu sót đó. Các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường.

Trong giai đoạn tới cần tập trung chống suy thoái, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển; bảo vệ và

phát triển rừng; giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp; quản lý có hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại; bảo tồn đa dạng sinh học; giảm nhẹ biến đổi khí hậu và hạn chế những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu góp phần phòng, chống thiên tai. “Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân. Tập trung xử lý chất thải, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải gắn với hình thành chuỗi sản xuất tiếp nối, liên tục. Huy động, ưu tiên các nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu” [4, tr.154].

Thứ ba, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản; hạn chế và tiến tới không xuất khẩu tài nguyên khoáng sản chưa qua chế biến. Quản lý, khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch.

#### 04. Kết luận

Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không gây phương hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc bảo đảm phát triển bền vững đất nước, thể hiện trong văn kiện các kỳ đại hội của Đảng, đặc biệt là văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Từ quan điểm về phát triển bền vững, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra những giải pháp có tính định hướng nhằm bảo đảm thúc đẩy phát triển bền vững đất nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và tài nguyên - môi trường. Để triển khai thực hiện thành công các giải pháp đó, cũng có nghĩa là đưa đất nước thực sự phát triển bền vững, đòi hỏi sự nỗ lực, quyết tâm rất cao của Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành cũng như đông đảo các tầng lớp nhân dân./.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- Đoàn Thục Quyên (2022): Phát triển bền vững và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, Tạp chí Tài chính, số tháng 9/2022, Hà Nội.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999): Giáo trình Triết học Mác - Lênin, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

## XÂY DỰNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VỐN VĂN HÓA TRONG THỰC HIỆN MỤC TIÊU “DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG, VĂN MINH”

PGS.TS. CAO THU HẰNG\*

### TÓM TẮT

Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định việc tiếp tục thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” như là một đặc trưng quan trọng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng. Để thực hiện thành công hệ mục tiêu này, cần nhiều nguồn vốn, trong đó, vốn văn hóa có vai trò quan trọng, bởi đây là nguồn vốn nội sinh bền vững, dễ tái tạo, tích lũy và kế thừa; bảo đảm tính hài hòa trong thực hiện hệ mục tiêu trên. Vì thế, xây dựng và phát huy vốn văn hóa nhằm thực hiện thành công hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là nhiệm vụ quan trọng ở nước ta hiện nay.

#### Từ khóa

Vốn văn hóa, hệ mục tiêu, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

#### Nhận bài

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

### 01. Mở đầu

Theo Từ điển tiếng Việt, “vốn” được hiểu là “tổng thể nói chung những gì có sẵn hay tích lũy được, dùng trong một lĩnh vực hoạt động nào đó” [10]. Hiểu theo nghĩa này, có nhiều loại “vốn” khác nhau, có vốn kinh tế, vốn xã hội, vốn con người, vốn văn hóa...

Nhìn nhận văn hóa như là toàn bộ những giá trị văn hóa và tinh thần, thể hiện trong các sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể, do con người sáng tạo ra trong lịch sử nhằm đáp ứng nhu cầu và lợi ích của mình trong những giai đoạn nhất định, có thể thấy, vốn văn hóa chính là sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể, được sử dụng, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các lĩnh vực hoạt động của con người, nhằm tạo ra những lợi ích, thực hiện những mục tiêu của con người. Về cơ bản, vốn văn hóa thường tồn tại dưới dạng văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể và con người với tư cách là chủ thể văn hóa đồng thời cũng là chủ thể của vốn văn hóa.

### 02. Vai trò của vốn văn hóa trong việc thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” ở nước ta hiện nay

Vai trò rất quan trọng của vốn văn hóa trong thực hiện hệ mục tiêu mà Đại hội XIII của Đảng đã tiếp tục khẳng định, được thể hiện trên một số điểm như sau.

Thứ nhất, là nguồn vốn bền vững quan trọng cho việc thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Việc thực hiện bất cứ mục tiêu nào cũng cần những nguồn lực. Vốn văn hóa thể hiện trong các kiến trúc, di tích, tư duy, lối sống, truyền thống, lễ hội..., là nguồn tài sản vật chất và tinh thần to lớn, nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Khác với nguồn vốn tự nhiên, sử dụng trong một thời gian là có thể cạn kiệt. Với đặc điểm luôn được tái tạo, tích lũy và kế thừa, vốn văn hóa tạo nên nguồn lực bền vững để thực hiện hệ mục tiêu trên.

Thứ hai, vốn văn hóa tạo sức mạnh nội sinh trong thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Khi đề cập đến việc thực hiện hệ mục tiêu phát triển đất nước, người ta đặt câu hỏi: cái gì đã làm cho việc thực hiện mục tiêu đi đến thành công? Rõ ràng là, ngoài các yếu tố vốn tài nguyên thiên nhiên, thì những giá trị truyền thống, lối sống của mỗi dân tộc, hệ thống di sản văn hóa, những con người mang những phẩm chất đạo đức, tri thức... đã quyết định đến việc thực hiện thành công các mục tiêu phát triển. Sự phát triển thành công cũng như không thành công của một số nước trên thế giới, như Nhật Bản, hay một số quốc gia châu Phi, cho thấy vai trò của vốn văn hóa trong phát triển đất nước. Với Việt Nam, thực tiễn lịch sử cho thấy, nếu không có vốn văn hóa mạnh mẽ, có chiều sâu thể hiện ở tinh thần yêu nước, đoàn kết, lòng nhân ái, sự bao dung, tư duy dung hợp sử dụng khéo léo sự trợ giúp bên ngoài... thì chúng ta khó có thể vượt qua những khó khăn trong đấu tranh, xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời gian qua. Bài học lịch sử cho thấy, sử dụng vốn văn hóa sẽ góp phần thực hiện thành công hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Thứ ba, vốn văn hóa góp phần bảo đảm hài hòa trong thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Vốn văn hóa tồn tại trong các văn hóa vật thể và phi vật thể, trong mỗi cá nhân, cộng đồng. Điều đó, trong chừng mực nhất định, tạo ra những cơ hội công bằng cho mỗi người khi tiếp cận nguồn lực, mà ở đây là vốn văn hóa, để phát triển. Hơn nữa, vốn văn hóa là thứ nối kết con người với nhau, cùng nhau đồng thuận thực hiện mục tiêu chung. Nếu không có sự tác động tích cực của vốn văn hóa, các hoạt động kinh tế, sự cạnh tranh trong kinh tế rất dễ tạo ra những khía cạnh tiêu cực, như bất bình đẳng, vi phạm pháp luật, vô kỷ luật, quan liêu, độc đoán, gia trưởng...

Chúng ta có thể có sự tăng trưởng kinh tế, nhưng điều đó không có nghĩa là đất nước trở nên mạnh mẽ; là sẽ đạt được các mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh. Ở nước ta hiện nay, khả năng tạo lập những nhân tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực chính là vốn văn hóa. Vốn văn hóa tác động lên đời sống con người Việt Nam bằng tinh thần đấu tranh chống cái xấu, cái ác, xây dựng lối sống hướng thiện, theo cái đẹp, cái đúng, làm cho đất nước ta ngày càng trở nên giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Như vậy, có thể thấy, rất khó có thể thực hiện thành công hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân

chủ, công bằng, văn minh” nếu không có các chủ thể văn hóa, không có vốn văn hóa thể hiện trong các giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

### 03. Tình hình xây dựng, phát huy vai trò của vốn văn hóa ở Việt Nam những năm vừa qua

Thực tiễn cho thấy, trong thời gian qua, vốn văn hóa đã góp phần hiện thực hóa hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” ở nước ta. Vốn văn hóa biểu hiện trong văn hóa vật thể, phi vật thể đã được khai thác trong phát triển kinh tế (chẳng hạn như việc sử dụng tri thức bản địa của người dân tộc để tạo ra những sản phẩm du lịch, sản phẩm tiêu dùng, lưu niệm của đồng bào dân tộc thiểu số; việc thực hiện kinh tế di sản, kinh tế số...), xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh. Vốn văn hóa thể hiện trong các giá trị văn hóa, như tinh thần yêu nước, thương người, tinh thần dân chủ làng xã, đức tính khoan dung... là những nhân tố góp phần tạo ra sự công bằng, dân chủ ở đất nước ta hiện nay. Nó cũng góp phần tạo nên đặc tính văn minh của mỗi cá nhân, cộng đồng, thể hiện trong phương thức ứng xử, tổ chức đời sống, quản lý phát triển xã hội. Nhờ sự đóng góp đó, cho đến nay, từ một nền kinh tế nông nghiệp, lạc hậu, quy mô nhỏ bé, với GDP chỉ vón vện 14 tỷ USD và GDP bình quân đầu người khoảng 250 USD trong những năm đầu đổi mới [4], đến năm 2023 GDP của Việt Nam đạt khoảng 430 tỷ USD, GDP bình quân đầu người khoảng 4.284,5 USD [11], trở thành nước có thu nhập trung bình. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia ngày càng lớn mạnh. Việt Nam hiện có quan hệ với gần 200 quốc gia, vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế trên thế giới. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy, thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân trong việc giải quyết những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước [1, tr.71]. Các quyền và lợi ích về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của mỗi cá nhân, cộng đồng được bảo đảm. Phát triển kinh tế luôn được gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau”. Chỉ số phát triển con người HDI của Việt Nam từ năm 1990 đến năm 2022, giá trị HDI của Việt Nam thay đổi từ 0,492 lên 0,726, tăng gần 50%, đứng thứ 107 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ [7]. Quá trình hiện thực hóa hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ,

công bằng, văn minh” ngày càng thu được kết quả rõ nét ở Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đạt được, việc xây dựng và phát huy vốn văn hóa trong thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” ở nước ta còn có những hạn chế nhất định. Vốn văn hóa vật thể, đặc biệt là các di sản văn hóa vật thể, hoặc bị khai thác quá mức, hoặc bị xuống cấp trầm trọng, không được tu bổ; từ đó, ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò của chúng trong phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân. Vốn văn hóa phi vật thể, trong đó có di sản văn hóa phi vật thể, như đức tính khoan dung, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, phương thức ứng xử “có lý, có tình”, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc... có lúc có nơi chưa được coi trọng, còn bị mai một. Xuất hiện tình trạng làm giàu phi pháp, gia trưởng, độc đoán; hủ tục chưa được xóa bỏ. Vấn đề sử dụng đội ngũ tri thức trọng dụng nhân tài, chủ thể quan trọng của vốn văn hóa, có lúc có nơi chưa được chú ý đúng mức. Một bộ phận người dân có biểu hiện đề cao thái quá giá trị vật chất, coi nhẹ những giá trị trân quý của vốn văn hóa đã từng là sức mạnh cho mỗi cá nhân, cộng đồng người Việt Nam trong lịch sử, như lòng nhân ái, sự khoan dung, trung thực, khiêm tốn...

Những vấn đề nêu trên phần nào làm cho kinh tế phát triển, nhưng thành quả của sự phát triển kinh tế thì không phải người dân nào cũng được hưởng như nhau. Vẫn còn một bộ phận người dân, do những hoàn cảnh đặc thù, như ốm đau, tai nạn, hoặc người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... có cuộc sống khó khăn. Nếu như tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2023 của cả nước là 3,4%, thì khu vực thành thị là 1,2%; nông thôn là 4,8%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 10,7% và vùng Đông Nam bộ là 0,3% [11].

Đại hội XIII của Đảng đã nhận định: “Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật”, “thụ hưởng của người dân từ thành tựu phát triển của đất nước chưa hài hòa”, “có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường [1, tr.88, 89, 186, 108]. Mục tiêu “văn minh” chưa đạt như kỳ vọng, khi “quản lý phát triển xã hội và giải quyết một số vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức, chưa được kết hợp đồng bộ, chặt chẽ trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa; thể chế quản lý xã hội còn nhiều hạn chế; tình trạng gia tăng tội phạm, tệ nạn, tiêu cực,

mâu thuẫn, xung đột xã hội... ở một số nơi còn chậm khắc phục, gây bức xúc trong dư luận nhân dân” [1, tr.85]...

Xét từ góc độ xây dựng và phát huy vốn văn hóa trong thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” hiện nay, có thể thấy, nguyên nhân của tình trạng trên là “văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm. Các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa được phát huy tốt [1, tr.84, 88]. Công tác xây dựng môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa chưa được bền vững, còn mang tính phong trào, hình thức. Công tác giáo dục lịch sử - văn hóa có lúc, có nơi chưa được chú trọng. Giáo dục đạo đức, lối sống còn bị xem nhẹ...”

Có thể thấy, hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” sẽ khó thực hiện thành công nếu như chỉ có một bộ phận “dân giàu”, trong đó lại có bộ phận làm giàu không chính đáng, chứ không phải là toàn bộ người dân đều “cùng giàu”. Nước sẽ “không mạnh” nếu như uy tín, vị thế quốc gia trên trường quốc tế không được đánh giá cao; tiềm lực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại không vững vàng. Sẽ không có dân chủ thực chất nếu như vấn đề “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” chưa được thực hiện triệt để. Công bằng xã hội sẽ chỉ là hình thức nếu như vẫn còn một bộ phận người dân làm giàu không chính đáng, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của nhân dân không được bảo đảm. Đất nước sẽ không trở nên văn minh nếu như khoa học - kỹ thuật kém phát triển, không theo kịp thời đại; ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên không tuân theo những chuẩn mực xã hội, chuẩn mực pháp luật, đạo đức, chính trị...

Hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” cũng sẽ chỉ là hình thức nếu như chúng ta chỉ coi trọng một vài mục tiêu, mà bỏ qua các mục tiêu khác.

#### 04. Một số giải pháp tiếp tục xây dựng, phát huy vai trò của vốn văn hóa nhằm thực hiện thành công hệ mục tiêu đã nêu

Trong thời gian tới, để xây dựng và phát huy vốn văn hóa nhằm thực hiện thành công hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao vai trò của cấp ủy, chính quyền các cấp và các chủ thể khác trong xây dựng và phát huy vai trò của vốn văn hóa.

Các cấp ủy, chính quyền các cấp cần đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về văn hóa. Các cấp ủy, chính quyền cần định hướng phát triển các chủ thể có vai trò trong xây dựng và phát huy các vốn văn hóa, như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, gia đình, nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp,... Tạo điều kiện và có những cơ chế chính sách để các tổ chức này hoạt động có hiệu quả, phát huy cao nhất vai trò của mình. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các thuần phong mỹ tục, các giá trị văn hoá của dân tộc, tạo môi trường văn hóa lành mạnh. Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế chính sách và các giải pháp đẩy mạnh việc giáo dục các giá trị văn hóa. Chú ý tạo điều kiện cho việc nghiên cứu, giới thiệu vốn văn hoá, đặc biệt là vốn văn hóa truyền thống, thông qua các hoạt động văn hoá, lễ hội, các ngày lễ kỷ niệm; qua đó, tạo điều kiện cho người dân nhận thức được tầm quan trọng của vốn văn hóa. Đầu tư thích đáng cho việc xây dựng các thiết chế văn hoá, các nhà văn hoá, thư viện (đặc biệt là trong các khu công nghiệp), đội ngũ cán bộ làm công tác trong lĩnh vực giáo dục, văn hoá - tư tưởng, như các nhà giáo, nhà nghiên cứu, các văn nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Đẩy nhanh việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao khả năng tiếp cận văn hóa cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác quản lý thông tin trên mạng xã hội, đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch chuẩn trên các phương tiện truyền thông.

Gia đình và nhà trường có vai trò quan trọng trong xây dựng và phát huy vốn văn hóa. Gia đình là cái nôi đầu tiên giáo dục giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình, dòng họ, cộng đồng; góp phần hình thành nhân cách, chủ thể sáng tạo vốn văn

hóa. Theo đó, cần nâng cao kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, xây dựng mẫu hình gia đình văn minh, tiến bộ, con cháu thảo hiền, tạo nên dòng chảy của vốn văn hóa trong mỗi gia đình. Trong nhà trường, tiếp tục chú trọng, cải tiến phương pháp giảng dạy, nhất là các môn khoa học xã hội và nhân văn; có sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, kích thích tính tích cực của học sinh thông qua các buổi thảo luận, các trò chơi trên lớp; trong thi cử, cần có cách kiểm tra, ra đề thi tạo sự suy luận riêng của mỗi học sinh về những sự kiện lịch sử, xã hội...; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; xử lý nghiêm minh những hành vi không chuẩn mực trong mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh.

Các phương tiện truyền thông cần nắm rõ một cách đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các vấn đề văn hoá; từ đó, tuyên truyền, thông tin một cách chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách đó đến với toàn xã hội. Thông tin, giới thiệu, công bố việc nghiên cứu vốn văn hóa cần xây dựng, phát huy, đặc biệt là vốn văn hóa truyền thống của dân tộc, như các lễ hội, các danh nhân văn hoá, các di tích lịch sử,... Cần làm một cách thường xuyên, tránh tình trạng chỉ làm theo phong trào vào các dịp lễ, các ngày kỷ niệm. Rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ biên tập, phóng viên,... có sự hiểu biết sâu sắc về vốn văn hóa.

Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, các hộ sản xuất kinh doanh xây dựng, hình thành nên văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, tạo nên bản sắc “Việt Nam” khi tiếp xúc, giao lưu với các đối tác, du khách đi đến Việt Nam. Các tổ chức hội nghề nghiệp, như Hội Nhiếp ảnh, Hội văn nghệ... cần thông tin tới nhân dân các buổi sinh hoạt định kỳ, thông báo rộng rãi những kết quả nghiên cứu của mình về các sự kiện lịch sử, các danh nhân văn hoá, các giá trị văn hoá được sưu tầm trong nhân dân... Từ đó, giúp người dân hiểu biết sâu sắc hơn vốn văn hóa của đất nước, địa phương, khuyến khích họ tham gia tìm hiểu và tham gia vào các sinh hoạt của hội.

Trong xây dựng và phát huy vốn văn hóa, việc tạo ra dư luận xã hội mang tính tích cực trong việc bảo vệ những vốn văn hóa tốt đẹp của xã hội, cộng đồng, cá nhân là việc làm cần được khuyến khích. Dư luận xã hội cần cổ xúy các xu hướng văn hóa lành mạnh, đấu tranh với những xu hướng bất thường.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác giáo dục chủ thể vốn văn hóa.

Chủ thể vốn văn hóa có vai trò quan trọng trong thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân

chủ, công bằng, văn minh”. Bởi có thể thấy rằng, thực hiện hệ mục tiêu trên là do con người quyết định. Nếu mỗi chủ thể văn hóa có tri thức, có đạo đức, trình độ chuyên môn, có hoài bão, ý chí vượt khó khăn, quyết tâm thực hiện hệ mục tiêu, thì sẽ nỗ lực thực hiện. Ngược lại, nếu chủ thể vốn văn hóa không có tri thức, phẩm cách đạo đức, ý chí quyết tâm, tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, khoan dung thì không chỉ khó có thể thực hiện thành công các mục tiêu trên, mà còn gây trở ngại trong quá trình thực hiện hệ mục tiêu. Hơn nữa, chủ thể vốn văn hóa cũng chính là những người tạo ra vốn văn hóa. Do đó, đẩy mạnh công tác giáo dục chủ thể vốn văn hóa có vai trò quan trọng. Nó giúp mỗi cá nhân, mỗi thế hệ mới có thể kế thừa những di sản văn hóa, vốn văn hóa mà các thế hệ trước để lại; mới có thể nhận thức sâu sắc những vốn văn hóa đáng tự hào của cha ông. Cũng nhờ có giáo dục, mỗi cá nhân mới có thể tiếp thu được tri thức, văn hóa của thời đại để có thể hòa nhập vào đời sống xã hội, phát triển toàn diện năng lực của mình, như một nhà nghiên cứu đã từng khẳng định: “Con đường đặc trưng cơ bản để loài người (cũng tức là văn hoá của loài người) tồn tại và phát triển. Giáo dục chính là nơi gìn giữ truyền thụ và phát huy hệ thống giá trị chung của loài người, hệ thống giá trị truyền thống dân tộc” [3, tr.50]. Để thực hiện được công tác này, cần thiết đẩy mạnh đổi mới toàn diện, cơ bản giáo dục; hình thành nên những con người Việt Nam có thể giới quan đúng đắn, có đạo đức, kỹ năng sống trong một thế giới biến đổi, quản trị bản thân. Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống; phòng, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đối với đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý – những chủ thể vốn văn hóa có vai trò trong lãnh đạo, định hướng sự phát triển vốn văn hóa của Việt Nam.

Thứ ba, bảo đảm năng lực sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Bảo đảm sự sáng tạo của người dân có nghĩa là người dân có quyền được bày tỏ, thể hiện những sáng tạo mang dấu ấn, tính cách riêng của mình. Sự sáng tạo của người dân cần được tôn trọng, bởi sự sáng tạo của mỗi cá nhân khi được coi trọng thì tính đa dạng, sự phong phú của vốn văn hoá, của đời sống con người được tăng lên. Đồng thời, với tư cách là chủ thể của vốn văn hóa, việc nhân dân được tạo điều kiện năng lực sáng tạo và hưởng thụ văn hóa lại tạo điều kiện cho sự gia tăng vốn văn hóa của mỗi cá nhân, cộng đồng

Là một quốc gia đa dân tộc, có thể thấy, Việt Nam có một nguồn lực sáng tạo rất phong phú từ quần chúng nhân dân. Nhân dân chính là tác giả

của các câu ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích, truyền thuyết... Họ sáng tạo các hoạt động văn hoá cho chính mình và bản thân họ cũng là người hưởng thụ văn hoá ấy. Việc hưởng thụ văn hoá bao gồm hưởng thụ các tác phẩm nghệ thuật, vốn văn hoá vật chất hay tinh thần. Quá trình này sẽ góp phần xây dựng, phát triển và hoàn thiện những phẩm chất cao đẹp trong mỗi người, qua đó, tạo cho con người khả năng tái tạo sức lao động trong quá trình hoạt động sinh sống. Khi con người được hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa thì sẽ làm cho sự phát triển hài hòa giữa thể chất và tâm hồn, giữa lý trí và tình cảm, hoàn thiện nhân cách.

Để thực hiện được điều này, cần xây dựng được một hệ thống các thiết chế văn hóa, đặc biệt là thiết chế văn hóa ở các khu công nghiệp, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng tốt đời sống văn hóa ở cơ sở. Kết hợp một cách hữu cơ giữa bảo vệ và kế thừa, giữa phát triển và sử dụng vốn văn hóa. Chú ý đến tính đại chúng nhưng không được dung tục, sáo rỗng; giữa cái mới nhưng không phải là lối bịch; giữa cái có lợi nhưng không phải là làm nô lệ cho thị trường.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên lợi thế của quốc gia.

Các ngành công nghiệp văn hóa là kết quả tích hợp sự sáng tạo, kỹ thuật và kinh tế; phát triển mạnh mẽ nhờ công nghệ thông tin, kinh tế thị trường và quá trình quốc tế hóa [6]. Thực tiễn ở một số quốc gia trên thế giới cho thấy, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa không chỉ góp phần gia tăng thu nhập quốc dân, mà còn tạo điều kiện cho việc nâng cao sức mạnh mềm quốc gia thông qua các sản phẩm, dịch vụ của công nghiệp văn hóa; góp phần tạo công bằng khi những người dân ở vùng sâu, vùng xa với điều kiện nguồn vốn kinh tế có hạn,... có thể sử dụng những tri thức bản địa, tài nguyên văn hóa địa phương để phát triển. Ở Việt Nam, các ngành công nghiệp văn hóa được xác định là quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa [6]. Như vậy, có thể thấy, vốn văn hóa tồn tại trong các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đều có thể trở thành nguyên liệu cho các ngành công nghiệp văn hóa, đặc biệt là các ngành thủ công mỹ nghệ, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh, du lịch văn hóa... Trên cơ sở tận dụng lợi thế về vốn văn hóa phong phú của đất nước, địa phương, cần “khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công

nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới” [1, tr.143]. Theo đó, tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn liền với các giá trị văn hóa, văn hóa địa phương, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tài nguyên văn hóa bản địa. Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa đa dạng, đa tầng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tầng lớp nhân dân các dân tộc, các khu vực vùng thành thị và nông thôn, vùng miền núi và ven biển. Không ngừng cung cấp những sản phẩm và dịch vụ văn hóa có chất lượng cao, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại kỹ thuật số. Thu hẹp khoảng cách dịch vụ văn hóa giữa các vùng, miền, khu vực. Chú ý giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa sản phẩm văn hóa bậc cao với sản phẩm văn hóa đại chúng, giữa tinh hoa với phổ biến...

Thứ năm, kế thừa vốn văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Vốn văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc không phải là “nhất thành bất biến”, mà luôn có sự “bồi đắp” trong quá trình vận động, phát triển. Nó không phải xuất hiện từ “hư vô”, mà bao giờ cũng có sự kế thừa vốn văn hóa truyền thống của dân tộc; đồng thời trong quá trình hình thành, vốn văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc cũng có sự giao lưu, tiếp thu vốn văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới. Vì vậy, trong việc xây dựng, phát huy vốn văn hóa nhằm thực hiện thành công hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” cần chú ý đến công tác kế thừa vốn văn hóa của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.



## 05. Kết luận

Trong bài viết này chúng tôi đã đánh giá tổng thể vốn văn hóa Việt Nam; qua đó, rút ra được những cái hay, cũng như những điểm chưa phù hợp với tiến trình thực hiện hệ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Mặt khác, cũng cần phải nghiên cứu vốn văn hóa của các quốc gia trên thế giới; trên cơ sở đó, nghiên cứu lựa chọn, tiếp thu những giá trị nào, bổ sung, phát triển giá trị nào cho phù hợp với tình hình mới. Công tác kế thừa vốn văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới cần được thực hiện theo nguyên tắc: “không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu,

thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm” [2, tr.112-113]; đồng thời, “cái gì tốt của Đông phương hay Tây phương thì ta phải học lấy để làm giàu cho nền văn hoá Việt Nam” [5, tr.349]. Theo đó, cần đẩy mạnh hơn nữa hội nhập quốc tế; trao đổi chuyên gia, kinh nghiệm của các quốc gia, các tổ chức quốc tế trong xây dựng, phát huy vốn văn hóa để thực hiện mục tiêu phát triển đất nước; giới thiệu với bạn bè quốc tế vốn văn hóa của Việt Nam, để tạo nên sự tự tin văn hóa trong giao lưu với văn hóa bên ngoài./



## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1998): Văn hoá và giáo dục, giáo dục và văn hoá, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Minh Phong, Nguyễn Trần Minh Trí (2013): “Vị thế và cơ chế kinh tế Việt Nam”, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính, ngày 12-01-2021;
5. Hội Nhà Văn VN (1985): Bác Hồ với văn nghệ sĩ, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.
6. Đoàn Minh Huấn, Nguyễn Ngọc Hà (2014): “Công nghiệp văn hóa”, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 12; “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, Hà Nội, 2016.
7. Mạnh Hùng: “Việt Nam nằm trong nhóm cao về Chỉ số phát triển con người (HDI)”; Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 14-03-2024, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-nam-trong-nhom-cao-ve-chi-so-phan-trien-con-nguoi-hdi-661241.html>
8. Tổng cục Thống kê: Niên giám Thống kê năm 2023.
9. Trung tâm Từ điển học (2013): Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng.
10. [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/1/chi-tiet-](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-)
11. Trung tâm Từ điển học: Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng.
12. Tổng cục thống kê: “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023”, Trang Thông tin điện tử Tổng cục Thống kê, <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2023/>

# MỘT GIA ĐÌNH “ẨM NO, HẠNH PHÚC, TIẾN BỘ, VĂN MINH” MỚI CÓ THỂ LÀ CÁI NÔI CÙNG CỐ VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

GS.TS .TRẦN VĂN PHÒNG\*

Theo GS.TS. Trần Văn Phòng, Đại hội XIII của Đảng lần đầu tiên xác định nhiệm vụ tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Trên cơ sở chủ trương, đường lối này, Nhà nước sẽ cụ thể hóa thành chính sách, pháp luật, chương trình nghiên cứu, xác định, xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam.



*Thưa GS.TS. Trần Văn Phòng, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh đến vai trò của phát triển con người toàn diện. Những chính sách cụ thể nào đã được triển khai nhằm thúc đẩy sự phát triển về tri thức, phẩm chất đạo đức và năng lực sáng tạo của người dân?*

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển con người toàn diện, Nhà nước đã cụ thể hóa bằng những chính sách cụ thể để phát triển con người về tri thức, phẩm chất đạo đức và năng lực sáng tạo.

Cụ thể như: Quốc hội đã thông qua nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Thủ tướng đã ra các quyết định, nghị định, chiến lược như: Nghị định Số: 141/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 8/12/2020 về cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số; Quyết định số 569/QĐ-TTg về “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030”; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 Chính phủ ban hành phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, để thực hiện Chiến lược là phải xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; Quyết định 177/QĐ-TTg ngày 14/2/2024 thành lập Hội đồng Quốc gia về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Quyết định 50/2007/QĐ-BGDĐT

quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho học sinh, sinh viên trong các Đại học; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo nghệ. Chương trình 134 (Quyết định 134/2004); Quyết định 1672008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo; Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo. Quyết định số 90/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025. Quyết định Số: 569/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, v.v..



*Theo quan điểm của GS.TS. Trần Văn Phòng, làm thế nào để cân bằng giữa việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và sự phát triển hiện đại hóa xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIII?*



Đây là vấn đề khó đối với mọi quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng để cân bằng giữa việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và sự phát triển hiện đại hóa xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xác định, nhận diện rõ bản sắc văn hóa dân tộc là gì? Hiện đại hóa xã hội là gì? Trên cơ sở đó mới có cơ sở giải quyết mối quan hệ cân bằng này.

Thứ hai, phát huy vai trò của các chủ thể, nhất là nhân dân trong giữ gìn, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc cũng như hiện đại hóa xã hội.

Thứ ba, học hỏi kinh nghiệm quốc tế nhất là kinh nghiệm của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc trong cân bằng giữa việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và sự phát triển hiện đại hóa xã hội.

Thứ tư, cụ thể hóa bằng chính sách, pháp luật của Nhà nước để cân bằng giữa việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và sự phát triển hiện đại hóa xã hội.

*Vậy vai trò của hệ giá trị gia đình Việt Nam trong việc củng cố và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII là gì?*

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ngày 24/11/2021, cũng xác định rõ những giá trị cốt lõi của gia đình Việt Nam: “Ẩm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh”. Các giá trị “Ẩm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh” có mối quan hệ nhân quả nội tại với nhau.

Với những giá trị này thì hệ giá trị gia đình có vai trò là bệ đỡ cho việc củng cố và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Bởi lẽ, gia đình cũng chính

là dân tộc nhưng là dân tộc thu nhỏ. Các giá trị truyền thống văn hóa dân tộc trước hết được tinh cất, lưu truyền, phát huy qua giáo dục gia đình.

Con người trước khi tiếp xúc với xã hội, dân tộc thì được nuôi dưỡng bởi các hệ giá trị văn hóa gia đình. Ngay cả khi con người đã trưởng thành thì gia đình vẫn là chỗ dựa, điểm tựa văn hóa, tinh thần cho con người phát triển.

Chính vì vậy, chỉ một gia đình “Ẩm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh” mới có thể là cái nôi cùng cố và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc được.



*GS.TS. Trần Văn Phòng có thể cho biết, tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII có ảnh hưởng như thế nào đến việc định hình hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ hiện đại?*

Chúng ta đều rõ, Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”.

Nghĩa là Đại hội XIII lần đầu tiên xác định nhiệm vụ trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Trên cơ sở chủ trương, đường lối này, Nhà nước sẽ cụ thể hóa thành chính sách, pháp luật, chương trình nghiên cứu, xác định và xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam.

Điều này nói lên rằng Đại hội XIII đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc định hình hệ giá trị gia đình Việt Nam.



*Sự tương hỗ giữa hệ giá trị quốc gia và hệ giá trị gia đình được thể hiện ra sao trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa và phát triển bền vững đất nước?*

Mặc dù còn phải nghiên cứu, thống nhất nhưng cơ bản có thể nhất trí Hệ giá trị quốc gia Việt Nam sẽ bao gồm các yếu tố “Hoà bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”. Những thành tố này thì quốc gia, dân tộc nào cũng cần, cho nên nó vừa mang tính dân tộc vừa mang tính nhân loại. Ở đây chúng ta muốn nhấn mạnh các thành tố “Hoà bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc” mang đậm bản sắc Việt Nam, là sự kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại.

Còn hệ giá trị gia đình gồm “Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh”. Như vậy, giữa hệ giá trị quốc gia và hệ giá trị gia đình có mối liên hệ với nhau

và liên hệ với việc giữ gìn bản sắc văn hóa và phát triển bền vững đất nước. Bởi lẽ, hệ giá trị quốc gia như là đích đến phấn đấu của cả dân tộc, hệ giá trị gia đình là bệ đỡ cho việc xây dựng, bồi đắp giữ gìn bản sắc văn hóa và phát triển bền vững đất nước.

Vì gia đình là tế bào của xã hội cho nên bản sắc văn hóa của một dân tộc trước hết phải được lưu giữ, phát huy từ trong gia đình trên cơ sở định hướng của hệ giá trị quốc gia. Hơn nữa, gia đình có bền vững thì mới phát triển bền vững của một dân tộc, một cộng đồng xã hội.



*Sắp tới, chiến dịch truyền thông “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam” do nhiều đơn vị truyền thông phối hợp tổ chức với mục đích bảo tồn và phát triển văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó lấy việc phát huy giá trị văn hoá gia đình làm nòng cốt. GS đánh giá thế nào về ý nghĩa của chương trình trong thời điểm hiện tại?*

Cá nhân tôi cho rằng đây là sự kiện rất quan trọng có ý nghĩa to lớn trong việc tôn vinh các giá trị văn hóa gia đình, trên cơ sở đó bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Bởi như chúng ta đã rõ bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn, phát huy thông qua nhiều phương thức khác nhau nhưng thông qua tôn vinh, phát huy các giá trị gia đình là phương thức quan trọng nhất.

Bởi lẽ, các giá trị văn hóa gia đình là nơi hội đủ đầy đủ các giá trị văn hóa dân tộc, là nơi nuôi dưỡng, hun đúc lên hệ giá trị quốc gia và hệ giá trị chuẩn mực con người. Không những vậy, thông qua giáo dục gia đình các giá trị văn hóa dân tộc mới được bảo tồn, gìn giữ, phát huy.

# 2

## NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

### CHIẾN DỊCH “MẸ VIỆT NAM - GIA ĐÌNH VIỆT NAM” GÓP PHẦN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG TRỤ CỘT TRỌNG YẾU CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

GS.TS. PHẠM VĂN ĐỨC\*

*GS.TS. Phạm Văn Đức khẳng định, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng và phát triển giá trị con người là những trụ cột quan trọng không kém trụ cột về kinh tế của phát triển bền vững. Và chiến dịch “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam” sẽ góp phần xây dựng một trụ cột trọng yếu cho phát triển bền vững ở Việt Nam.*

*Hội Triết học và Tạp chí Nghiên cứu Triết học hợp tác cùng các đơn vị truyền thông khác tổ chức Chiến dịch truyền thông “Mẹ Việt Nam – Gia đình Việt Nam”, GS.TS. Phạm Văn Đức có thể chia sẻ về mục đích lớn nhất của chiến dịch này?*

Chiến dịch truyền thông “Mẹ Việt Nam – Gia đình Việt Nam” là chiến dịch quốc gia có sự tham gia tổ chức của Hội Triết học, Tạp chí Nghiên cứu Triết học cùng các đơn vị truyền thông khác, được sự ủng hộ của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội phụ nữ Việt Nam, v.v... cùng sự đồng hành và hưởng ứng của các tỉnh thành trong cả nước.

Mục đích của Chiến dịch góp phần bảo tồn và phát triển văn hóa Việt Nam, trong đó lấy việc phát

huy giá trị văn hóa gia đình làm nòng cốt. Chương trình sẽ được thực hiện một cách toàn diện từ các phương diện nghiên cứu, sáng tạo đến tuyên truyền, quảng bá trên các nền tảng truyền thông trong nước và quốc tế.

Mục tiêu của chương trình là tạo ra nhiều nội dung trên các nền tảng truyền thông trong nước và quốc tế; hỗ trợ các gia đình Việt Nam có thêm việc làm, thu nhập thông qua việc quảng bá các sản phẩm của người sản xuất nói chung, người nông dân nói riêng trên các nền tảng truyền thông; sáng tạo ra một loạt các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật về chủ đề mẹ, gia đình Việt Nam.

Bên cạnh đó, chương trình cũng sẽ công bố khoảng 100 công trình nghiên cứu về vai trò của người phụ nữ, người Mẹ, vai trò của gia đình trong giữ gìn, phát huy truyền thống và lưu giữ giá trị văn hóa dân tộc.

Văn kiện đại hội lần thứ XIII của Đảng đặt vấn đề phải xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

Trong cách đặt vấn đề như vậy, chúng ta thấy hệ giá trị gia đình Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng, công việc xây dựng hệ giá trị quốc gia hay hệ

giá trị văn hóa, v.v. cũng phải gắn với hệ giá trị gia đình. Khi nói đến gia đình Việt Nam, người Việt Nam hay nhắc đến người mẹ. Mẹ được quan niệm vừa là “nóc nhà”, vừa là người giữ lửa và truyền lửa trong gia đình. Gia đình Việt Nam gắn bó chặt chẽ với mẹ Việt Nam, cho nên nói đến gia đình Việt Nam nhất định phải nói đến mẹ Việt Nam.

Do tầm quan trọng của việc xây dựng các hệ giá trị, ở Việt Nam hiện nay đang có 2 chương trình nghiên cứu, đó là Chương trình nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực nhân văn phục vụ phát triển đất nước (Chương trình quốc gia do Bộ Khoa học công nghệ là cơ quan chủ trì) và chương trình Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới (Chương trình cấp Bộ, do Viện Triết học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là cơ quan chủ trì). Cả hai chương trình này đều đặt

*Trong rất nhiều chủ đề, tại sao bạn tổ chức lại quyết định chọn "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" để tổ chức chương trình hành động?*

bao gồm hệ giá trị gia đình Việt Nam.

Tạp chí Nghiên cứu Triết học là cơ quan ngôn luận của Hội, đồng thời là diễn đàn của những người nghiên cứu và giảng dạy triết học nói riêng, khoa học xã hội nói chung trong cả nước, có nhiệm vụ công bố các công trình khoa học, trong đó bao gồm các công trình nghiên cứu viết về vị trí, vai trò của người phụ nữ, người mẹ, về các chuẩn mực giá trị của gia đình Việt Nam, v.v...

Với các lý do như trên, Hội Triết học cùng Ban tổ chức đã quyết định chọn "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" để tổ chức chương trình hành động.

*Theo quan điểm của GS.TS. Phạm Văn Đức, chiến dịch "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" có ý nghĩa như thế nào trong quá trình thúc đẩy phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng?*

Phát triển nhanh và bền vững đất nước là một chiến lược có tầm bao quát rộng lớn đã được các Nghị quyết của Đảng trong các Đại hội gần đây, đặc biệt là của Đại hội XIII nhấn mạnh. Phát triển bền vững ở Việt Nam bao hàm các trụ cột như: kinh tế, môi trường, xã hội, văn hóa và con người dựa trên tiền đề là sự ổn định chính trị. Khác với các Đại hội trước, Đại hội lần thứ XIII nhấn mạnh hơn đến việc xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Văn hóa soi đường cho quốc dân đi" và Cố Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: "Văn hóa còn thì dân tộc còn".

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng và phát triển giá trị con người là một trong những trụ cột, không kém trụ cột về kinh tế của phát triển bền vững. Do đó, có thể nói, chiến dịch "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng một trụ cột trọng yếu cho phát triển bền vững ở Việt Nam.

*Dưới góc nhìn của GS.TS. Phạm Văn Đức, tình cảm gia đình thời nay đã có thay đổi ra sao trong dòng chảy của xã hội và lịch sử? Và chương trình "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" đóng vai trò như thế nào trong việc góp phần khiến thế hệ trẻ coi trọng sự gắn kết gia đình cũng như biết ơn thế hệ đi trước?*

Kể từ khi đổi mới đến nay, dưới sự tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, tình cảm cha mẹ và con cái, tình cảm anh chị em trong gia đình có sự thay đổi theo cả 2 hướng vừa tích cực vừa tiêu cực.

Theo hướng tích cực, do điều kiện kinh tế đảm bảo hơn cho nên tình cảm giữa cha mẹ với con cái và tình cảm anh chị em trở nên gắn bó, mọi người trong gia đình trở nên yêu thương nhau, đùm bọc nhau hơn, con cái có điều kiện chăm sóc và quan tâm đến cha mẹ.

Tuy nhiên, bên cạnh xu hướng tích cực đó đã nảy sinh xu hướng tiêu cực đi ngược lại đạo lý truyền thống của dân tộc. Không ít người vì đồng tiền mà bất chấp đạo lý cha con và anh em. Cả hai xu hướng đó đều song song tồn tại. Vấn đề là làm thế nào để xu hướng tích cực lấn át xu hướng tiêu cực? Các giải pháp để giải quyết vấn đề đó rất toàn diện và đa dạng.

Theo tôi, giải pháp có tính bền vững, lâu dài và hiệu quả phải là giải pháp giáo dục. Đúng như Ph. Ăngghen đã từng nói: "Tất cả những gì thúc đẩy con người ta hành động đều phải thông qua ý thức của họ". Giáo dục ý thức, đạo lý làm người, có tác động trực tiếp làm thay đổi nhận thức, thay đổi ý thức của con người và thông qua đó làm thay đổi hành vi của con người.

Chương trình "Mẹ Việt Nam và gia đình Việt Nam" sẽ góp phần vào công tác giáo dục đạo lý truyền thống, đạo lý làm người, lòng biết ơn cha mẹ và người đi trước. Thông qua tác động mang tính giáo dục đó, đạo lý truyền thống của người Việt được lan tỏa và có ý nghĩa định hướng cho các hành vi của con người Việt Nam.

*Xin chân thành cảm ơn những chia sẻ của GS.TS. Phạm Văn Đức!*

*Có thể thấy, chiến dịch "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" bao gồm rất nhiều chương trình hành động đa dạng, từ nghiên cứu khoa học, tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí cho tới gameshow, hội chợ, tuần lễ văn hóa... Điều này có ý nghĩa ra sao?*

Chiến dịch "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam" là một chương trình tổng hợp, đồng bộ trong nhiều lĩnh vực. Chương trình này đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các nhà khoa học, nhà báo, các văn nghệ sĩ, các nhà quản lý và các nhà sản xuất. Với sự kết hợp chặt chẽ của nhiều giới như vậy, chúng ta hy vọng chiến dịch được thực hiện một cách có hiệu quả và sức lan tỏa của những hoạt động ý nghĩa nằm trong chiến dịch sẽ càng mạnh mẽ hơn.

# NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH GÓP PHẦN QUAN TRỌNG TRONG BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PGS.TS. HOÀNG ANH\*

## TÓM TẮT

Hồ Chí Minh có quan điểm độc lập và sáng tạo trong nghiên cứu học thuyết cách mạng và khoa học của các nhà kinh điển để vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Quan điểm này của Người là bài học lớn cho chúng ta ngày nay trong việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin cho phù hợp với thời đại, những gì đúng, mang tính nguyên tắc, dẫn dắt, soi đường thì chúng ta nhất định quán triệt, thực hiện nhưng những gì của thời đại ngày nay mà giai đoạn sinh thời của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa có hoặc chưa thể hiện rõ thì chúng ta cần phải nghiên cứu và bổ sung vào cho phù hợp với các quan điểm của Người, để chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi là học thuyết khoa học và cách mạng. Bài viết khái quát sự cần thiết của việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào cách mạng Việt Nam là góp phần quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay.

----- Từ khóa -----

Vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin

----- Nhận bài -----

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

## 01. Mở đầu

Sinh thời, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã khẳng định dù học thuyết của các ông là một học thuyết mang tính cách mạng và sáng tạo so với các học thuyết đương thời và cả những học thuyết trước đó, nhưng những nhà kinh điển cũng luôn khẳng định học thuyết của mình là một học thuyết mở chứ không phải một học thuyết đóng kín. Các ông chỉ rõ: “Lý luận của chúng tôi là lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lặp lại một cách máy móc” [9, tr.796]. V.I.Lênin, người kế thừa xuất sắc chủ nghĩa Mác giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và đã hiện thực hóa những lý luận của C. Mác, Ph.Ăngghen cũng không ít lần nhắc nhở những người đồng chí của mình rằng: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng những người xã hội chủ nghĩa

ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng nguyên lý ấy thì xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga” [7, tr.232]. Vì vậy, việc bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và sau này vẫn là một công việc thường xuyên, liên tục không bao giờ ngừng nghỉ. Hơn thế nữa, việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh luôn có ý nghĩa quan trọng và rất cần thiết trong việc bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay. Ý nghĩa, tầm quan trọng này được khẳng định là bởi các nội dung sau:

## 02. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam

Trước hết, thành công của cách mạng Việt Nam đã minh chứng, Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác -

Lênin là con đường cách mạng duy nhất đúng và Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, là sự kết tinh các giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa thời đại để giải quyết nhiệm vụ mà cách mạng Việt Nam đặt ra – đó là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Một trong những đặc trưng cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh chính là ở tính đổi mới, sáng tạo. Điều đó xuất phát từ những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh. Người luôn học tập và hoạt động trong thực tiễn các phong trào cách mạng để kế thừa và tiếp thu vốn tri thức phong phú của dân tộc và những tinh hoa văn hóa của nhân loại, bằng tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo với tinh thần không ngừng đổi mới, Người trực tiếp kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin để tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc, tìm ra phương thức làm hay nhất, cách làm hiệu quả nhất để đạt mục tiêu cách mạng.

Trước khi sang trời Tây đi tìm con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã được học tập và mời tham gia nhiều phong trào và các hệ tư tưởng khác nhau của các bậc tiền bối hướng đến tìm con đường giải phóng dân tộc. Lúc đó, dù chưa biết sẽ làm như thế nào nhưng Người cũng đã có cách đánh giá của riêng mình về con đường cứu nước của các vị tiền bối, để lựa chọn cho mình một đường đi đổi mới và sáng tạo: sang phương Tây xem họ làm thế nào để về cứu giúp đồng bào mình. Trên hành trình ấy, Người đã đi qua ba đại dương, bốn châu lục, tiếp xúc với nhiều nền văn minh và các dân tộc khắp năm châu, đọc và luận giải nhiều học thuyết lớn trên thế giới. Trên cơ sở đó, Người khẳng định, cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” [10, tr. 289]. Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất mà Đảng Cộng sản Việt Nam “lấy làm cốt” đó chính là chủ nghĩa Mác-Lênin.

Kể từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” [16]. Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kể

thừa C.Mác, V.I.Lênin đã từng chỉ rõ: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”, “chỉ đảng nào có được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong” [8, tr.30,32]. Như vậy, muốn bảo vệ vai trò nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thì việc nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần quan trọng, quyết định cho sự nghiệp bảo vệ này.

Hai là, Hồ Chí Minh khẳng định: “Phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta” [12, tr.95]; Học tập chủ nghĩa Mác-Lênin là phải không ngừng đổi mới và sáng tạo, phải gắn liền lý luận với thực tiễn. Hồ Chí Minh khẳng định; thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn thành lý luận suông. Trong thực tiễn sinh động ấy, chúng ta phải cụ thể hoá chủ nghĩa Mác-Lênin cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mình. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện rõ nhất trong quá trình Người đi tìm đường cứu nước, trong quá trình tìm tòi, sáng tạo phương pháp xây dựng CNXH trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Người viết: “Chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến lên chủ nghĩa xã hội? Muốn bớt đỡ mò mẫm, muốn bớt đỡ phạm sai lầm thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin mà tổng kết kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận chung của Đảng trước hết là của cán bộ cốt cán của Đảng” [12, tr.92]. Theo Hồ Chí Minh, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin là để áp dụng vào thực tiễn đất nước, nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin cốt là nắm cho được tinh thần, tư tưởng, quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin chứ không phải trói buộc vào từng câu chữ trong học thuyết đó. Người là học trò xuất sắc của C. Mác và Ph. Ăngghen trong quá

trình thực hành phép biện chứng, thực hành những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, đặc biệt là nguyên tắc về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, Theo Người, “Thực hành sinh ra hiểu biết; hiểu biết tiến lên lý luận; lý luận lãnh đạo thực hành” [11, tr.665]. Đó chính là nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ba là, bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay phải gắn chặt với việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin từ khi ra đời đến nay, luôn luôn bị các thế lực thù địch chống phá bằng mọi cách. Thời điểm những năm cuối thập niên 1980, đầu thập niên 1990 khi sự khủng hoảng về mô hình CNXH ở các nước Xô viết đã lên đến đỉnh điểm dẫn tới sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu đã tạo nên một cơn địa chấn trên toàn cầu, các thế lực thù địch đã thể hiện rõ sự “hả hê” khi nhìn thấy thành quả của sự chống phá kéo dài hàng trăm năm đã trở thành hiện thực và họ hy vọng chủ nghĩa Mác sớm sụp đổ. Trước tình hình thế giới đó, nhiều nước, nhiều người, thậm chí có cả những người cộng sản hoài nghi, thậm chí dao động về con đường đi lên CNXH; những kẻ cơ hội, phản động cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ đúng trong thế kỷ XIX, cùng lắm là đầu thế kỷ XX và chỉ đúng ở phương Tây chứ không đúng ở phương Đông...

Đối diện khó khăn, thử thách của tình hình thế giới, chúng ta nghiên cứu trong tư tưởng Hồ Chí Minh thấy rõ chỉ dẫn của Người: “Chủ nghĩa Lenin đối với chúng ta, những người cách mạng và Nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” [13, tr.563], nhưng từ những năm 20 của thế kỷ XX, Người đã phân tích chủ nghĩa Mác ra đời ở phương Tây mà phương Tây chưa phải là toàn thể nhân loại vì vậy chúng ta cần phải bổ sung và làm giàu vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác những đặc điểm Á Đông. Và Người đã hoàn thành xuất sắc việc kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam và làm sống động chủ nghĩa này bằng thực tiễn Việt Nam nói riêng và các nước phương Đông nói chung.

Vì vậy, hiện nay, để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin thì vấn đề quan trọng hàng

đầu, quyết định là nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

### 03. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thành công của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và những kết quả bước đầu của sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam đã khẳng định việc lựa chọn đi theo con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhân dân Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn. Đó cũng chính là quá trình hiện thực hoá khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời “Xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” [14, tr.131], đó thực sự là một hành trình lâu dài, bền bỉ, với nhiều khó khăn, chông gai và thách thức, thực tiễn đã chứng minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã tiến những bước dài, ghi thêm những trang lịch sử hào hùng vào trang Vàng lịch sử dân tộc như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đánh giá “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay...” [15].

Thành tựu to lớn đạt được là cả quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951) đã khẳng định: “Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch, là đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Mác, Ăngghen, Lenin ở Việt Nam. Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức của Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh, và làm cho cách mạng mau đến thắng lợi hoàn toàn” [2, tr.19]. Toàn Đảng, toàn dân học tập tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh và đây là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, do đồng chí Lê Duẩn đọc tại lễ truy điệu Người, khẳng định: “Hồ Chủ tịch là người Việt Nam đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác... Người là linh hồn, là ngọn cờ chói lọi, lãnh đạo toàn Đảng, toàn

dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, viết nên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc ta” [1, tr.83-85]. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đưa ra khái niệm: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta” [4, tr.83,84]. Đây là một định hướng cơ bản cho các nhà nghiên cứu những nội dung cơ bản và ý nghĩa giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, đặc biệt Đại hội còn nhấn mạnh thêm: tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng sáng tạo mà còn là sự phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta” [5, tr.7-8]. Đảng khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là một thể thống nhất, không thể tách rời, sự gắn kết đó đã đem lại những thắng lợi to lớn cho cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và ngày nay là trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam. Đó thực sự là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và Nhân dân ta. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Kiên định và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa, nhân nghĩa và thực tiễn cách mạng Việt Nam với tinh hoa văn hóa nhân loại, được nâng lên tầm cao mới dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, Đảng ta luôn luôn nhận thức đúng đắn và đánh giá nhất quán về ý nghĩa, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà lý luận kiệt xuất, đường lối, cương lĩnh, tư tưởng, đạo đức, phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh là

sự vận dụng sáng tạo đường lối, đạo đức, phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam; là nhân tố tiên quyết của thắng lợi cách mạng Việt Nam.

### 04. Tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam

Là một phần quan trọng của một học thuyết cách mạng và khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thuộc hệ tư tưởng Mác - Lênin. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, phù hợp với lịch sử và văn hóa Việt, con người Việt Nam, giải đáp những yêu cầu lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Nói cách khác, tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam; có nắm được chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mới hiểu được đường lối của cách mạng Việt Nam. Cách mạng nước ta có được thắng lợi to lớn như ngày nay trước hết là nhờ có chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vì vậy, việc bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, chính là và quan trọng nhất là phải đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngày 18/2/1995, của Bộ Chính trị (khóa VII) đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay trong đó đã chỉ rõ: “Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta... Việc Đại hội VII khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động là một bước phát triển hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta... Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan tỏa ra thế giới.

Khi các thế lực thù địch ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm đẩy chúng ta đi chệch hướng thì đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng là vấn đề quan trọng, trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta” [3, tr.219 -220].

dựng khối đại đoàn kết toàn dân, lực lượng vô địch cho cách mạng, xây dựng văn hoá, đạo đức xã hội chủ nghĩa,...

những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan toả ra thế giới.

Khi các thế lực thù địch ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm đẩy chúng ta đi chệch hướng thì đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng là vấn đề quan trọng, trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta” [3, tr.219 -220].

Việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đi đôi với việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, lệch lạc, chống phá của các thế lực thù địch là nhiệm vụ quan trọng, tiên quyết của những người cộng sản, có tác dụng sống còn, tồn vinh của chế độ. Kiên định đi theo con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kiên định mục tiêu, nâng cao nhận thức - tư tưởng, cải tiến phương pháp và phong cách công tác của chúng ta, góp phần đưa công cuộc đổi mới đi tới những thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa.” Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” [4, tr.81]. Thế giới hiện nay đã thay đổi rất nhiều, song cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và CNXH vẫn đang diễn ra gay gắt. Đổi mới, mở cửa, hội nhập, hợp tác liên quốc gia, liên khu vực,... là một xu thế tất yếu, trong đó các đối tác vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau một cách gay gắt. Các thế lực phản động, thù địch không từ bỏ âm mưu “điển biến hòa bình” nhằm xóa bỏ CNXH đối với nước ta thông qua kinh tế thị trường và trao đổi, giao lưu văn hóa toàn cầu. Trong điều kiện đó, chúng ta vẫn phải hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế mà vẫn giữ vững được độc lập, chủ quyền dân tộc, không đi chệch mục tiêu, bản chất của CNXH. Để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, chúng ta phải tạo ra được những năng lực nội sinh làm nền tảng bền vững cho sự phát triển của đất nước. Năng lực nội sinh quan trọng là học tập và làm theo những nội dung giá trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” [14, tr.131], “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội” [12, tr.401]. Và, nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là nhằm quán triệt quan điểm cơ bản này.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời về tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo; xuất phát từ thực tế, hết sức tránh lặp lại những lối cũ, đường

mòn, không ngừng đổi mới và sáng tạo. Nếu C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã đưa ra những đặc trưng bản chất của CNXH mà đặc trưng cơ bản nhất là xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giải phóng cho con người khỏi tình trạng bị bóc lột về kinh tế áp bức về chính trị, nô dịch về tinh thần; tạo điều kiện cho con người có thể tận lực phát triển mọi khả năng sẵn có của mình. Hồ Chí Minh có những sáng tạo về xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ ở một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh: Việt Nam tiến hành xây dựng CNXH trong những điều kiện đặc biệt không giống với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, vì vậy phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, phải học tập kinh nghiệm các nước anh em, nhưng không được sao chép, rập khuôn, “bởi ta có đặc điểm riêng của ta” [12, tr.97]. Hồ Chí Minh cũng nêu ra nhận thức của mình về chủ nghĩa xã hội, giản dị, dễ hiểu, nhưng đã nêu bật được những bản chất cốt lõi: - Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh, ai cũng có công ăn việc làm, được ấm no, sống một đời hạnh phúc;

- Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... là của chung, chế độ người bóc lột người sẽ dần dần được xóa bỏ, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng...

- Chủ nghĩa xã hội gắn liền với sự phát triển cao của khoa học kỹ thuật và văn hóa của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng..

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, địa vị cao nhất là dân, cán bộ chỉ là công bộc của dân.

Theo V.I.Lênin, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra luận điểm: Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đó là sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh, một đóng góp quý báu vào lý luận xây dựng Đảng của giai cấp công nhân ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc. Hồ Chí Minh cũng cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam phải vừa là người “lãnh đạo”, vừa là người “đẩy tớ” trung thành của nhân dân. Đây là một luận điểm hoàn toàn mới trong lý luận về xây dựng Đảng trong điều kiện cầm quyền. Hồ Chí Minh còn có hàng loạt các quan điểm sáng tạo khác trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin như xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, lực lượng vô địch cho cách mạng, xây dựng văn hoá, đạo đức xã hội chủ nghĩa,...

Việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đi đôi với việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, lệch lạc, chống phá của các thế lực thù địch là nhiệm vụ quan trọng, tiên quyết của những người cộng sản, có tác dụng sống còn, tồn vinh của chế độ. Kiên định đi theo con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kiên định mục tiêu, nâng cao nhận thức - tư tưởng, cải tiến phương pháp và phong cách công tác của chúng ta, góp phần đưa công cuộc đổi mới đi tới những thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa.” Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” [4, tr.81]. Thế giới hiện nay đã thay đổi rất nhiều, song cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và CNXH vẫn đang diễn ra gay gắt. Đổi mới, mở cửa, hội nhập, hợp tác liên quốc gia, liên khu vực,... là một xu thế tất yếu, trong đó các đối tác vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau một cách gay gắt. Các thế lực phản động, thù địch không từ bỏ âm mưu “điển biến hòa bình” nhằm xóa bỏ CNXH đối với nước ta thông qua kinh tế thị trường và trao đổi, giao lưu văn hóa toàn cầu. Trong điều kiện đó, chúng ta vẫn phải hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế mà vẫn giữ vững được độc lập, chủ quyền dân tộc, không đi chệch mục tiêu, bản chất của CNXH. Để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, chúng ta phải tạo ra được những năng lực nội sinh làm nền tảng bền vững cho sự phát triển của đất nước. Năng lực nội sinh quan trọng là học tập và làm theo những nội dung giá trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” [14, tr.131], “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội” [12, tr.401]. Và, nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là nhằm quán triệt quan điểm cơ bản này.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời về tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo; xuất phát từ thực tế, hết sức tránh lặp lại những lối cũ, đường mòn, không ngừng đổi mới và sáng tạo. Nếu C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã đưa ra những đặc trưng bản chất của CNXH mà đặc trưng cơ bản nhất là xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giải phóng cho con người khỏi tình trạng bị bóc lột về

kinh tế áp bức về chính trị, nô dịch về tinh thần; tạo điều kiện cho con người có thể tận lực phát triển mọi khả năng sẵn có của mình thì Hồ Chí Minh có những sáng tạo về xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ ở một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh: Việt Nam tiến hành xây dựng CNXH trong những điều kiện đặc biệt không giống với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, vì vậy phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, phải học tập kinh nghiệm các nước anh em, nhưng không được sao chép, rập khuôn, “bởi ta có đặc điểm riêng của ta” [12, tr.97]. Hồ Chí Minh cũng nêu ra nhận thức của mình về chủ nghĩa xã hội, giản dị, dễ hiểu, nhưng đã nêu bật được những bản chất cốt lõi: - Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh, ai cũng có công ăn việc làm, được ấm no, sống một đời hạnh phúc;

- Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... là của chung, chế độ người bóc lột người sẽ dần dần được xóa bỏ, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng...

- Chủ nghĩa xã hội gắn liền với sự phát triển cao của khoa học kỹ thuật và văn hóa của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng..

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, địa vị cao nhất là dân, cán bộ chỉ là công bộc của dân.

Theo V.I.Lênin, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra luận điểm: Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đó là sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh, một đóng góp quý báu vào lý luận xây dựng Đảng của giai cấp công nhân ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc. Hồ Chí Minh cũng cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam phải vừa là người “lãnh đạo”, vừa là người “đẩy tớ” trung thành của nhân dân. Đây là một luận điểm hoàn toàn mới trong lý luận về xây dựng Đảng trong điều kiện cầm quyền. Hồ Chí Minh còn có hàng loạt các quan điểm sáng tạo khác trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin như xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, xây

## 05. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc kế thừa thặng và trực tiếp chủ nghĩa Mác-Lênin, hệ tư tưởng cách mạng, tiên tiến nhất của thời đại với truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam ngàn năm văn hiến và những giá trị tinh hoa của nhân loại, làm phong phú thêm từ hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam và từ chính sự mẫn tuệ trong phẩm chất chính trị của Người. Hành trình đó cũng là hành trình xác lập vai trò nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng và dân tộc Việt Nam.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Lê Duẩn (1986): Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): Văn kiện Đảng toàn tập, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): Văn kiện Đảng toàn tập, t.54, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. V.I. Lênin (1975): Toàn tập, t.4, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
8. V.I. Lênin (1975): Toàn tập, t.6, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
9. C. Mác - Ph. Ăngghen (1999): Toàn tập, t.36, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, t.7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. <https://daihoi13.dangcongsan.vn/multimedia/bai-5-khat-vong-hung-cuong-va-hien-thuc-hoa-o-viet-nam-6720>
16. <https://dangcongsan.vn/huong-toi-ky-niem-90-nam-ngay-truyen-thong-nganh-tuyen-giao-thong-tin-tu-lieu/dai-hoi-vii-chu-nghia-mac-lenin-va-tu-tuong-ho-chi-minh-la-nen-tang-tu-tuong-kim-chi-nam-cho-hanh-dong-cua-dang-556900.html>

## NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC CẦN THIẾT VẬN DỤNG TRIẾT LÝ GIÁO DỤC HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

TS . HUỖNH VĂN TÁNH\*

## TÓM TẮT

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD & ĐT) đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc đổi mới hiện nay của cả nước nói chung và sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng. GD & ĐT không chỉ là nền tảng của sự phát triển cho mỗi cá nhân mà còn là yếu tố tiên quyết cho sự tiến bộ và phát triển phồn vinh của đất nước. Điều đó đã được khẳng định và đúc kết trong triết lý giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bài viết này, nhằm đánh giá những vấn đề đặt ra đối với việc vận dụng sáng tạo, triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong GD & ĐT ở ĐBSCL hiện nay.

----- Từ khóa -----

Tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục và đào tạo, Đồng bằng sông Cửu Long.

----- Nhận bài -----

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam cả một đời vì nước, vì dân với việc “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”[4, tr.187]. Người còn là nhà giáo, đặc biệt tâm huyết với sự nghiệp “trồng người” – sự nghiệp GD & ĐT. Những tư tưởng và chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về GD & ĐT đã tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngành giáo dục Việt Nam, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước.

Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa, vùng trồng cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước có vai trò đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ...nhưng nhiều năm GD & ĐT vẫn còn là “vùng trũng” với chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa cao, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, chưa khai thác hết tiềm năng và lợi thế của vùng. Vấn đề GD & ĐT ở khu vực ĐBSCL thời gian qua được Đảng và Nhà nước quan tâm đã đạt được nhiều thành tựu, Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều hạn chế như: cơ sở hạ tầng giáo dục còn hạn chế, nhiều trường học còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy. Chất lượng giáo viên chưa đồng đều, năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy của giáo viên còn nhiều điểm cần cải thiện. Học sinh bỏ học nhiều do điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều học sinh phải nghỉ học để lao động kiếm sống, việc vận dụng triết lý

giáo dục Hồ Chí Minh vào GD & ĐT chưa đạt kết quả cao. Do đó vấn đề đặt ra đối với việc vận dụng một cách sáng tạo triết lý giáo dục Hồ Chí Minh ở vùng ĐBSCL hiện nay là vấn đề hết sức cấp thiết.

## 01. Một số quan điểm thể hiện triết lý giáo dục, đào tạo của Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt xem trọng vai trò của GD & ĐT, Người xem GD & ĐT là nền tảng, yếu tố tiên quyết của mọi sự phát triển. Ngay những ngày đầu khi đất nước vừa giành độc lập năm 1945, Người đã xác định: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”[4, tr.7]. Do đó, Người đã chỉ đạo thành lập “Nha Bình dân học vụ”, mở lớp học bình dân ở mỗi làng và quy định việc học chữ quốc ngữ là bắt buộc và hoàn toàn miễn phí, hướng tới lợi ích “trăm năm trồng người”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi và khẳng định về tầm quan trọng của tri thức đối với thực tiễn cách mạng mà trước hết là việc biết đọc, biết viết: “Quốc dân Việt Nam! Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ” [4, tr.40]. Tư tưởng của Người thật sự tiến bộ

khi xác định GD & ĐT tạo là yếu tố để giữ vững độc lập, phát triển đất nước và nâng cao uy tín, vị thế của Quốc gia trên trường quốc tế. Điều đó đã được khẳng định nhiều lần, tiêu biểu là lời dặn dò trong thư gửi các cháu học sinh vào dịp khai trường năm 1945: “Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em” [4, tr.34-35].

Đối với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội thì vai trò của GD & ĐT lại càng đặc biệt quan trọng. Năm 1961, khi phát biểu tại Đại hội Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam lần thứ III, Bác đã xác định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức” [10, tr.90] vì mục tiêu của GD & ĐT là hướng đến dân giàu, nước mạnh. GD&ĐT không chỉ góp phần nâng cao dân trí mà còn bồi dưỡng nhân tài, tạo ra lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, “vừa hồng, vừa chuyên”. Người học với kiến thức của mình sẽ vận dụng để giải quyết những yêu cầu của thực tiễn cuộc sống, phục vụ đồng bào và phụng sự đất nước.

Một nét nổi bật trong triết lý giáo dục Hồ Chí Minh là việc xây dựng một nền giáo dục toàn diện. Theo Người, GD & ĐT phải xác định và hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện con người cả về trí tuệ, đạo đức, thể chất, và bản lĩnh chính trị. Người học không chỉ cần có kiến thức chuyên môn mà còn phải có lối sống đạo đức, khỏe mạnh và có bản lĩnh chính trị. Người khẳng định: “Nếu không học tập văn hóa, không có trình độ văn hóa thì không học tập được kỹ thuật, không học tập được kỹ thuật thì không theo kịp được nhu cầu kinh tế nước nhà, nhưng phải chú ý học tập chính trị vì nếu chỉ học văn hóa, kỹ thuật mà không có chính trị thì như người nhắm mắt mà đi” [8, tr.384].

Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng, các phẩm chất về lòng yêu nước, phát huy tinh thần đại đoàn kết và ý thức trách nhiệm với nhân dân, xem đó là nền tảng để xây dựng và phát triển đất nước. Người khẳng định: “Học bây giờ với học dưới chế độ thực dân, phong kiến khác hẳn nhau. Bây giờ phải học để: Yêu Tổ quốc: cái gì trái với quyền lợi của Tổ quốc, chúng ta kiên quyết chống lại.

- Yêu nhân dân: việc gì hay người nào phạm đến lợi ích chung của nhân dân, chúng ta kiên quyết chống lại.

- Yêu lao động: ai khinh rẻ lao động, chúng ta kiên quyết chống lại.

- Yêu khoa học: cái gì trái với khoa học, chúng ta kiên quyết chống lại.

- Yêu đạo đức: chúng ta phải thực hiện đức tính trong sạch, chất phác, hăng hái, cần kiệm; xóa bỏ hết những vết tích nô lệ trong tư tưởng và hành động.

Học để phụng sự ai? Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm trọn nhiệm vụ người chủ của nước nhà” [7, tr.178-179].

Quan điểm toàn diện kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong lĩnh vực GD & ĐT. Người quan niệm GD & ĐT phải mang đậm bản sắc dân tộc, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tiếp thu những tiến bộ khoa học, kỹ thuật và văn hóa của thế giới. Bên cạnh đó, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong triết học Mác Lênin cũng được người vận dụng sáng tạo trong quan điểm “học đi đôi với hành”. “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy” [5, tr.361] và “Lao động trí óc mà không lao động chân tay, chỉ biết lý luận mà không biết thực hành thì cũng là trí thức có một nửa” [9, tr. 400].

Bên cạnh đó, trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, còn tìm thấy tâm nguyện xã hội hóa giáo dục “ai cũng được học hành”. Đây là quan điểm rất tiến bộ, nhấn mạnh đến việc tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp GD & ĐT. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh GD & ĐT là quyền cơ bản của mỗi công dân, không phân biệt giai cấp, tầng lớp xã hội, giàu hay nghèo, dân tộc, vùng miền. GD & ĐT không chỉ là nhiệm vụ của nhà nước mà còn là của toàn xã hội. Trong đó, người đặc biệt xem trọng vai trò của các thầy giáo cô giáo. “Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh...” [11, tr.402-403]. Người rất quan tâm đến việc phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, đặc biệt là ở những vùng nông thôn, miền núi và nhất là đối với các dân tộc thiểu số.

Bên cạnh việc khẳng định vai trò của GD & ĐT, tư tưởng xây dựng một nền giáo dục toàn diện, toàn dân, chúng ta còn nhận thấy trong tư tưởng



của Chủ tịch Hồ Chí Minh quan điểm tiến bộ về việc tự học và giáo dục trọn đời. Việc học tập và phát triển con người không chỉ giới hạn trong một giai đoạn cụ thể mà kéo dài suốt cả cuộc đời. Con người cần học tập suốt đời để không ngừng nâng cao kiến thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức và kỹ năng mọi lúc, mọi nơi và trong mọi hoàn cảnh.

Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh không chỉ là lý luận được đúc kết từ cuộc đời thực tiễn của một danh nhân văn hóa thế giới mà luôn được hiện thực hóa trong chính sách và hành động cụ thể, suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Người. Những tư tưởng ấy đã đặt nền móng cho hệ thống giáo dục Việt Nam hiện đại. Do đó, chúng ta cần nghiên cứu, vận dụng triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong GD &ĐT cả nước nói chung và ở ĐBSCL hiện nay nói riêng.

## 02. Vận dụng triết lý giáo dục Hồ Chí Minh ở Đồng bằng sông Cửu Long

Vùng ĐBSCL gồm 13 tỉnh thành, đó là Cần Thơ - thành phố trực thuộc Trung ương và 12 tỉnh gồm Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Sóc Trăng, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Kiên Giang và Cà Mau. Trong những năm qua, cùng với những thành tựu chung của cả nước trong sự nghiệp GD & ĐT thì vùng ĐBSCL cũng đã đạt được nhiều kết quả khả quan.

Những năm gần đây, mạng lưới trường học từ mầm non trở lên của vùng ĐBSCL phát triển rộng khắp. Tất cả các tỉnh thành trong vùng đã rà soát quy hoạch lại hệ thống trường học phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội, phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân. Theo thống kê năm học 2019 - 2020, vùng ĐBSCL có tổng cộng 2002 trường mầm non phục vụ nuôi dạy 584.099 trẻ đến học; đối với các trường phụ trách giáo dục: có 5671 trường tiểu học với 1.251.886 học sinh, 1341 trường Trung học Cơ sở với 994.697 học sinh và 350 trường Trung học Phổ thông với 433.072

học sinh. Số lượng giáo viên toàn vùng là 176.173 người. Hiện nay vùng ĐBSCL có 17 trường đại học tại 10 tỉnh thành. Ngoài ra 3 tỉnh còn lại hiện có phân hiệu của những trường đại học hay đã có chủ trương đầu tư [13].

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, GD & ĐT vùng ĐBSCL vẫn còn nhiều bất cập. Một vài chỉ số liên quan đến GD & ĐT của vùng chỉ đạt mức trung bình so với các vùng khác trên cả nước cả nước. Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi thấp hơn tỷ lệ chung của cả nước, đặc biệt ở cấp Trung học Cơ sở và Trung học Phổ thông. Số sinh viên là người đồng bào dân tộc thiểu số/10.000 người chưa vượt quá 100, tỷ lệ này chưa bằng 50% so với tỷ lệ của cả nước nói chung [13]. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ của vùng ĐBSCL năm 2022 chiếm 94,6% chỉ xếp trên Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc.

Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ phân theo địa phương

Đơn vị tính: %

	Năm 2021	Năm 2022
<b>CẢ NƯỚC</b>	95,69	96,13
Đồng bằng sông Hồng	98,65	98,89
Trung du và miền núi phía Bắc	90,60	91,42
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	95,98	96,18
Tây Nguyên	91,77	92,71
Đông Nam Bộ	97,81	98,19
Đồng bằng sông Cửu Long	93,94	94,60

(Nguồn: Tổng Cục Thống Kê)

Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2022 chiếm 14,53% thấp nhất cả nước.

Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo phân theo địa phương

Đơn vị tính: %

	Năm 2021	Năm 2022
<b>CẢ NƯỚC</b>	26,13	26,44
Đồng bằng sông Hồng	36,96	37,14
Trung du và miền núi phía Bắc	25,89	26,36
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	25,75	26,69
Tây Nguyên	17,00	17,62
Đông Nam Bộ	28,34	28,19
Đồng bằng sông Cửu Long	14,61	14,53

(Nguồn: Tổng Cục Thống Kê)

Thực trạng vấn đề nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về GD & ĐT ở ĐBSCL thời gian qua luôn được các địa phương quan tâm thực hiện hiệu quả nhằm thực hiện phương hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo ra trung tâm đào tạo đại học, sau đại học chuẩn mực có chất lượng cao; trước hết là đào tạo những giáo viên giáo dục thể chất nắm vững chuyên môn, có đạo đức và tâm huyết với nghề. Với sự nỗ lực cố gắng của tập thể giáo viên, giảng viên trong cả khu vực và sự quan tâm của các Trường, chính quyền địa phương các tỉnh. Tính hết năm 2021, dân số của 13 tỉnh ĐBSCL là 17.422.620 người (chiếm 17,7% dân số cả nước). Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của ĐBSCL là gần 9,4 triệu lao động giảm 0,94% so với năm 2020, chiếm 53,7% so với dân số của vùng... Nguồn nhân lực KH & CN của vùng ngày càng tăng trong thời gian qua là do hệ thống giáo dục đại học tại đây đã đẩy mạnh vai trò đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp nguồn nhân lực cho vùng ĐBSCL. Vận dụng hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về GD & ĐT vào nội dung, chương trình đào tạo. Các trường trong khu vực thể hiện rõ tính chính trị, tư tưởng và tính khoa học; thực hiện đúng theo phương châm bảo đảm “tính toàn diện, cơ bản, hệ thống, chuyên sâu”. Nội dung đào tạo luôn thể hiện tính định hướng chính trị, tư tưởng sâu sắc. Trước yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh giáo dục, đào tạo trong tình hình mới, nội dung đào tạo đã không ngừng được bổ sung, hoàn thiện; thường xuyên quán triệt quan điểm đổi mới giáo dục của Đảng.

Quá trình đào tạo, các trường luôn thực hiện tốt phương châm giáo dục “lý luận gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội”, nhất là thực tiễn giáo dục đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay. Nhờ đó, học sinh, sinh viên và học viên không chỉ nắm chắc kiến thức lý thuyết mà còn biết vận dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành và đề ra các sáng kiến, kinh nghiệm nâng cao chất lượng học tập.

Cùng với đổi mới về nội dung đào tạo, những năm qua, các Trường trong khu vực đã tích cực và thường xuyên thực hiện đổi mới phương thức đào tạo. Những cách thức, phương pháp tổ chức đào tạo của Nhà trường đã được thực hiện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hoá, đa dạng hoá. Chính vì vậy, số lượng Trường và số lượng sinh viên ngày càng tăng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực. Cụ thể: Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến hết năm học 2018 - 2019, hệ thống giáo dục đại học vùng ĐBSCL đã

xây dựng 17 trường đại học (11 trường công lập, 6 trường dân lập, tư thục) và một số phân hệ đại học tại thành phố Cần Thơ, Bến Tre và Cà Mau. Tổng số sinh viên đại học đang đào tạo là 127.379 và số sinh viên tốt nghiệp là 22.108 người. Hàng năm, các trường đại học tại vùng ĐBSCL đã cung ứng cho thị trường lao động khoảng 25.863 sinh viên đại học và 1.780 thạc sĩ, tiến sĩ KH & CN với các chuyên ngành: kinh tế, nông nghiệp, công nghệ, khoa học, môi trường... Trong đó, nổi bật nhất là vai trò của Trường Đại học Cần Thơ đã cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực chất lượng cao với 9.307 sinh viên đại học và 918 thạc sĩ, tiến sĩ; Đại học Trà Vinh là 3.694 sinh viên đại học và 494 thạc sĩ, tiến sĩ; Đại học Đồng Tháp là 3.495 sinh viên đại học và 134 thạc sĩ, tiến sĩ. Đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước và khu vực.

Tuy nhiên, nhiều trường học ở ĐBSCL vẫn thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập, làm giảm hiệu quả của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặc dù công nghệ thông tin đã phát triển nhưng hạ tầng công nghệ thông tin ở nhiều trường học tại vùng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Số lượng giáo viên có trình độ cao, am hiểu sâu sắc vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Chưa có mô hình vận dụng nào tiêu biểu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GD & ĐT tại khu vực. Ngân sách dành cho GD & ĐT ở ĐBSCL còn hạn chế, không đủ để đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức về tầm quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào GD & ĐT chưa được phổ biến rộng rãi đặc biệt đối với một số ngành thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên. Nhiều người còn xem nhẹ và thiếu sự quan tâm đối với việc này.

Trước những bất cập tồn tại kể trên thì việc nghiên cứu, vận dụng triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong GD & ĐT ở ĐBSCL hiện nay là vô cùng cấp thiết. Nghiên cứu và áp dụng tư tưởng Hồ Chí Minh có thể giúp tìm ra những giải pháp hữu hiệu để khắc phục những hạn chế này. Việc vận dụng triết lý Hồ Chí Minh trong GD & ĐT sẽ giúp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững ở toàn vùng.

### 03. Những vấn đề đặt ra đối với việc vận dụng triết lý giáo dục Hồ Chí Minh ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

Thứ nhất, cần quán triệt và nhận thức đúng đắn về vai trò của GD & ĐT đối với sự phát triển bền vững vùng ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

GD & ĐT có vai trò đặc biệt quan trọng giúp con người phát triển toàn diện nhân cách, đạo đức,... cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, điều kiện tiên quyết để phát triển các ngành kinh tế. Từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế và xã hội, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy, GD & ĐT đã được xác định là “quốc sách hàng đầu”, Nghị quyết 04-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng xác định: “Cùng với khoa học và công nghệ, GD & ĐT đã được Đại hội VII xem là quốc sách hàng đầu. Đó là động lực thúc đẩy và điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Phải coi đầu tư cho giáo dục là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội. Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của Nhà nước”.

Để vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong GD & ĐT ở ĐBSCL hiện nay chúng ta cần quán triệt quan điểm Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GD & ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”, “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, “Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”. “Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, “Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt”, “Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng

xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo”, “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước”...

Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều nơi của vùng ĐBSCL vẫn nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của GD & ĐT, từ đó việc triển khai thực hiện các chính sách, các chiến lược phát triển GD & ĐT của Đảng và Nhà nước để ra còn chậm trễ và hiệu quả chưa cao, dẫn tới GD & ĐT chưa thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Do đó cần quán triệt và nhận thức đúng đắn hơn nữa về vai trò của GD & ĐT đối với sự phát triển bền vững vùng ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung. Cần xác định việc đầu tư cho GD & ĐT là đầu tư cho sự phát triển của vùng và cả nước. Đặc biệt, theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi có chủ trương chính sách đúng thì cán bộ là người quyết định. Vì thế, đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục ở vùng ĐBSCL phải quán triệt quan điểm này của Người.

Thứ hai, cần quán triệt quan điểm toàn diện, gắn phát triển số lượng với nâng cao chất lượng

Cần đổi mới toàn diện GD&ĐT vùng ĐBSCL đảm bảo phát triển bền vững của vùng như: xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển GD & ĐT tạo dài hạn, đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của người học, nâng cao chất lượng đội ngũ thầy, cô giáo, đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD & ĐT và tăng cường hợp tác quốc tế.

Bên cạnh đó, cần khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, cần đổi mới về ngành nghề đào tạo, nhất là các ngành thế mạnh của vùng ĐBSCL như nông nghiệp, thủy sản... Gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp để định hướng đào tạo theo nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Để nâng cao chất lượng GD & ĐT vùng ĐBSCL cần thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Phát triển mạng lưới trường đại học và mở rộng các trường cao đẳng, dạy nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; ưu tiên đầu tư, phát triển các trường đại học, cao đẳng chất lượng cao, đa ngành, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp; chú trọng các ngành khoa học về y tế, kỹ thuật, công nghệ và kinh tế số. Phát triển thành

phổ Cán Thơ thành trung tâm giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và vùng”.

Đổi mới toàn diện GD & ĐT của vùng ĐBSCL rất cần sự chung tay và hợp tác của các cơ quan quản lý, nhà trường, các thầy giáo cô giáo, học sinh và toàn xã hội.

Thứ ba, cần quán triệt quan điểm giáo dục toàn dân, xã hội hóa giáo dục và giáo dục trọn đời.

Một thực tế ở vùng ĐBSCL còn nhiều bất cập trong GD & ĐT là tình trạng bỏ học, tỷ lệ mù chữ tương đối cao so với các vùng miền khác trên cả nước, nhất là đối với nhóm học sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số nên cần quán triệt quan điểm giáo dục toàn dân, xã hội hóa trong GD & ĐT của vùng. Cần tập trung thực hiện công bằng xã hội về GD & ĐT đặc biệt là nhóm đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn của vùng ĐBSCL như người Khmer, người Chăm. Các tỉnh thành trong vùng cần ưu tiên xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú, rà soát quy hoạch mạng lưới, quy mô thích hợp phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó cũng cần tăng cường dạy chữ và văn hóa Khmer... [2, tr259 - 260]. Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, phát thanh, báo chí và mạng xã hội để tuyên truyền về tầm quan trọng của giáo dục, xây dựng chương trình giáo dục cộng đồng; tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng giáo dục, bao gồm xây dựng và nâng cấp trường học, trang thiết bị dạy học và công nghệ thông tin, hỗ trợ tài chính cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn thông qua học bổng, miễn giảm học phí và các chương trình hỗ trợ khác...

Bên cạnh đó, cần thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBSCL nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân trong vùng đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường, phát huy công bằng xã hội.

Thứ tư, sự cần thiết của việc xây dựng cơ chế và chính sách đặc thù về GD & ĐT cho vùng ĐBSCL

Xây dựng cơ chế và chính sách đặc thù về GD & ĐT cho vùng ĐBSCL là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhằm giải quyết các vấn đề bất cập, thúc đẩy sự phát triển bền vững GD & ĐT của vùng. Với việc xây dựng các cơ chế và chính sách đặc thù, nền GD & ĐT ở vùng này sẽ được nâng cao, theo kịp với các vùng miền khác trên cả nước.

Một số chính sách cần được quan tâm như: miễn, giảm học phí, chính sách đặc thù về tiền ăn trưa cho trẻ mầm non, học sinh lớp 1 ven sông, cấp học bổng và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số, chính sách đặc thù về phát triển hệ thống trường nghề, chính sách

với học nghề... thành lập đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia cho vùng ĐBSCL.

Cần lưu ý tới phát triển giáo viên là người dân tộc thiểu số, với một cơ cấu hợp lý; đồng thời, để xuất để có đề án kiên cố hóa trường lớp mới, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực cho giáo dục. Cần có chính sách và chế độ đãi ngộ phù hợp với đội ngũ nhà giáo, chủ thể của quá trình đào tạo. Đặc biệt là chính sách thu hút nhân tài, các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục đến làm việc tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là ưu tiên đầu tư nguồn ngân sách nhà nước để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu giáo dục của vùng.

### 04. Kết luận

Việc nghiên cứu, vận dụng triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong GD & ĐT ở ĐBSCL hiện nay đặt ra nhiều cơ hội và thách thức. Đòi hỏi phải hiểu biết sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là quan điểm về GD & ĐT, nắm vững những nguyên tắc cốt lõi, mang tính chất định hướng cho nền GD & ĐT Việt Nam nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng. Đó là GD & ĐT là nền tảng của sự phát triển xã hội, giáo dục toàn diện, giáo dục và đào tạo cho mọi người và một xã hội học tập liên tục, không ngừng phát triển.

Những vấn đề đặt ra đối với việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục và đào tạo ở ĐBSCL hiện nay, đó là cần quán triệt và nhận thức đúng đắn về vai trò của GD & ĐT đối với sự phát triển bền vững vùng ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung; cần quán triệt quan điểm toàn diện, gắn phát triển số lượng và nâng cao chất lượng trong GD & ĐT của vùng; cần quán triệt quan điểm giáo dục toàn dân, xã hội hóa giáo dục và giáo dục trọn đời; sự cần thiết của việc xây dựng cơ chế và chính sách đặc thù về GD & ĐT cho vùng ĐBSCL.

Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành giáo dục mà còn là trách nhiệm của các cấp, các ngành và của toàn xã hội ở từng địa phương./.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): Báo cáo nguồn nhân lực Việt Nam.
2. Lê Quốc Lý (chủ biên) (2016): Chính sách phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
3. Lương Công Lý (chủ biên) (2016): Phát huy vai trò của giáo dục – đào tạo với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.8, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.9, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.10, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.11, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.14, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn (2015), Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển bền vững giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở Đồng bằng sông Cửu Long”, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Trung tâm Truyền thông giáo dục, Hội nghị phát triển giáo dục và đào tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long, <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8417>

## NHỮNG CHỈ DẪN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ TỰ HỌC, HỌC TẬP SUỐT ĐỜI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA

TS. NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI \*

Bài viết khẳng định: “tự học” và “học tập suốt đời” là một trong những nội dung cơ bản trong tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh và chính Người là hiện thân, là tấm gương sáng về tinh thần chịu khó, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào để tự học, để tự vươn lên trong cuộc sống. Những chỉ dẫn quý báu của Người về “tự học” và “học tập suốt đời” là nền tảng tư tưởng để Đảng và Nhà nước ta xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

----- Từ khóa -----

Tự học; học tập suốt đời; Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam.

----- Nhận bài -----

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

## 01. Nội dung

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta di sản tinh thần hết sức quý báu, trong đó tư tưởng của Người về tự học và học tập suốt đời có một ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự nghiệp giáo dục cũng như đào tạo cán bộ của Đảng và Nhà nước ta.

Tại Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất về công tác huấn luyện và học tập (ngày 6/5/1950), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Lênin khuyên chúng ta: “Học, học nữa, học mãi”. Mỗi người đều phải ghi nhớ và thực hành điều đó, những người huấn luyện lại càng phải ghi nhớ hơn ai hết. Người huấn luyện nào tự cho là mình đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất. Khẩu hiệu “Học không biết chán, dạy không biết mỏi” treo trong phòng họp chính là của Khổng Tử. Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học” [9, tr.356].

Tiếp tục tinh thần đó, tại Lớp nghiên cứu chính trị khóa I, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam (ngày 21/7/1956) Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân” [10, tr.377]. Không “học” và không “hành” thì chúng ta sẽ tự đào thải mình, tự mình tách khỏi tiến trình vận động, phát triển của xã hội.

## 1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học và học tập suốt đời

Sự cần thiết của việc tự học và học suốt đời. Phép biện chứng duy vật khẳng định: vận động là một quá trình tự thân. Quá trình đó không do ai tạo ra và cũng không mất đi. Đó là kết quả của sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các sự vật hay giữa các yếu tố cấu thành chúng. Trong sự vận động đa dạng, phong phú đó, những hình thức vận động nào có xu hướng đi từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn thì đó chính là sự phát triển. Nói cách khác, muốn phát triển thì phải có vận động, trong đó “tự vận động” là yếu tố có ý nghĩa quyết định. Vận dụng quan điểm đó vào giáo dục thì “tự học”, “tự giáo dục” được coi là nhân tố quan trọng nhất, có ảnh hưởng trực tiếp thậm chí là quyết định đến kết quả học tập.

Một trong những bài học lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta đó là ý chí, là nghị lực, là tinh thần tự học, tự vượt qua chính mình và hoàn cảnh để vươn lên, để phát triển, để cống hiến cho cách mạng, cho nhân dân; để thực hiện ham muốn tốt bậc là: “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [8, tr.187].

Với phong cách diễn đạt giản dị, cụ thể, thiết thực, ngắn gọn, cô đọng, hàm súc với lượng thông tin cao, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng tự học

là “tự động học tập” [9, tr.360] – tức là tự mình lựa chọn hình thức, phương pháp, thời gian học tập sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất. Người giải thích: “Tự động là không phải tựa vào ai, là tự mình biết biến báo xoay sở, tự mình biết thực hành công tác theo nhiều hình thức mới mẻ, phong phú” [8, tr.44].

Người dạy: “Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học / Học tập ở trường của Đoàn thể không phải như học ở các trường lối cũ, không phải có thầy thì học, thầy không đến thì đùa. Phải biết tự động học tập” [9, tr.360].

Điều quan trọng nhất trong “tự động học tập” - theo Hồ Chí Minh - là phải tự nguyện tự giác, phải tự lực, phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ, mạnh dạn đề xuất vấn đề và thảo luận cho thông suốt, nếu không thì việc tự học sẽ không mang lại hiệu quả như mong đợi.

Cùng với những chỉ dẫn sâu sắc về “tự học”, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn để lại cho chúng ta những chỉ dẫn hết sức quý báu về tinh thần “học tập suốt đời”. Đây là một trong những tư tưởng giáo dục mang tầm thời đại của Hồ Chí Minh. Với tư cách là lãnh tụ cách mạng, là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, Người yêu cầu “mỗi đảng viên phải tích cực học tập. Phải thực hiện lời dạy của Lênin là học, học nữa, học mãi”. Người nói tiếp “có đồng chí mới 40 tuổi mà đã cho mình là già cho nên ít chịu học tập. Nghĩ như vậy là không đúng, 40 tuổi chưa phải là già. Bác đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm. Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời. Còn sống thì còn phải học (tác giả



nhấn mạnh), còn phải hoạt động cách mạng” [14, tr.113].

Từ nhiệm vụ mà V.I. Lênin đặt ra cho bộ máy nhà nước: “một là học tập, hai là học tập nữa, ba là học tập mãi” [7, tr.444] hay chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chúng ta phải học... suốt đời. Còn sống thì còn phải học” cho thấy “sự học” không có điểm dừng, không có trang cuối. “Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn” [9, tr.361].

Nhờ “học ở sách vở, học lẫn nhau” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp cận được với chủ nghĩa Mác - Lênin. Vào tháng 7 năm 1920, thông qua một người bạn mà Nguyễn Ái Quốc đã được đọc toàn văn “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin đăng trên báo Nhân đạo (L’Humanite) của Đảng Xã hội Pháp (số

ra ngày 16 và 17/7/1920). Với bản Luận cương này, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình cũng như cho tất cả “đồng bào bị đọa đày đau khổ”. Thời khắc lịch sử ấy theo suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Bốn mươi năm sau ngày đọc Luận cương, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chưa hết bồi hồi, xúc động. Người nói: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”” [12, tr.562].

Tư tưởng về tự học và học tập suốt đời chiếm một vị trí hết sức quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này được cắt nghĩa bởi mấy lý do chính sau đây: Một, học tập vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của mọi người. Do đó phải “xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được” [11, tr.98]. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Hai, tự học và học tập suốt đời giúp không ngừng nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt để xây dựng xã hội mới. Không học tập, không có tri thức về tự nhiên và xã hội thì mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta không thể thực hiện

được. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật. Cần phải học lý luận Mác - Lênin kết hợp với đấu tranh và công tác hàng ngày... Học đi đôi với hành.

Lênin có nói: “Không học thì không thể trở thành người cộng sản” [13, tr.90]. Ba, tự học và học tập suốt đời sẽ góp phần hoàn thiện bản thân mỗi một con người, tạo nên sự gắn kết xã hội và sự phát triển kinh tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Cán bộ và giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải trước. Cho nên phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo tư tưởng của mình, cải tạo con em và giúp vào việc cải tạo xã hội” [12, tr.266].

Về mục đích, động cơ tự học và học tập suốt đời. Hoạt động của con người nói chung, hoạt động học tập nói riêng bao giờ cũng là hoạt động có ý thức, được chỉ đạo bởi ý thức. Đây là một trong những điểm khác nhau hết sức căn bản giữa lịch sử tự nhiên với lịch sử xã hội loài người. Ph. Ăngghen viết: “Trong lịch sử xã hội, nhân tố hoạt động hoàn toàn chỉ là những con người có ý thức, hành động có suy nghĩ hay có nhiệt tình và theo đuổi những mục đích nhất định, thì không có gì xảy ra mà lại không có ý định tự giác, không có mục đích mong muốn” [6, tr.435].

Nói cách khác, trước khi tiến hành một loại hoạt động nào đó, con người đã xác định rõ mục đích của hoạt động đó là gì, kết quả của nó sẽ ra sao, hoạt động đó có ý nghĩa gì đối với sự tồn tại và phát triển của con người v.v. Cũng như mọi hoạt động khác, trước khi tiến hành hoạt động học tập, con người luôn luôn phải xác định được mục đích, động cơ học tập. Học để làm gì, học cho ai, học như thế nào, v.v. Đây chính là điều kiện, là tiền đề để nâng cao chất lượng học tập, để hoạt động học tập đạt kết quả cao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ mục đích, động cơ của hoạt động học tập của chúng ta là: “để làm việc, làm người, làm cán bộ / Học để phụng sự Đoàn thể / giai cấp và nhân dân / Tổ quốc và nhân loại” [9, Tr.208], chứ không phải học để “làm quan phát tài”; để mưu cầu lợi ích, danh vọng cho cá nhân. Ph.Ăngghen từng nói: “Nếu như con người chỉ chăm lo đến bản thân mình thì lòng mong muốn hạnh phúc của họ chỉ được thỏa mãn trong những trường hợp rất hãn hữu và hoàn toàn không có lợi cho họ hay cho người khác” [6, tr.423]. Do đó, mục đích học tập của chúng ta là “a) ... để sửa chữa tư tưởng ... b) Học để tu dưỡng đạo đức cách

mạng: Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn. c) Học để tin tưởng: Tin tưởng vào Đoàn thể. Tin tưởng vào nhân dân. Tin tưởng vào tương lai của dân tộc... d) Học để hành: Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy” [9, tr.360 – 361].

Về nội dung, phương pháp tự học và học suốt đời. Theo Hồ Chí Minh, để có đủ tri thức xây dựng xã hội mới đòi hỏi mọi công dân, mọi cán bộ đảng viên phải ra sức học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, lý luận chính trị. “Nếu không học tập văn hoá, không có trình độ văn hoá thì không học tập được kỹ thuật, không học tập được kỹ thuật thì không theo kịp được nhu cầu kinh tế nước nhà; nhưng phải chú ý học tập chính trị vì nếu chỉ học văn hoá, kỹ thuật mà không có chính trị thì như người nhắm mắt mà đi” [10, tr.384].

Để nâng cao hiệu quả học tập, đòi hỏi phải có phương pháp học tập khoa học; “Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ” [11, tr.98]. Đặc biệt, phải chú ý vận dụng có hiệu quả “Phương châm, phương pháp học tập là lý luận liên hệ với thực tế... Học phải đi đôi với hành, chứ không phải học để nói suông” [14, 116].

Hồ chí Minh không chỉ để lại cho chúng ta những chỉ dẫn hết sức phong phú và sâu sắc về tinh thần tự học và học tập suốt đời mà Người còn là tấm gương sáng, là kiểu mẫu của tinh thần tự học và học tập suốt đời. Ngay từ khi bước chân ra đi tìm đường cứu nước, rời bến cảng Nhà Rồng trên con tàu Amiral Latouche Tréville (tàu Đô đốc Latouche Tréville), với thân phận người đầu bếp mang tên Văn Ba, Nguyễn Tất Thành đã luôn luôn nêu cao ý thức tự học. Người đã tranh thủ mọi lúc, mọi nơi cho phép để đọc sách, báo và học tiếng nước ngoài. Một thủy thủ cùng đi trong chuyến tàu đó kể lại: “Mỗi ngày, chín giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến mười một giờ hoặc nửa đêm” [17]. Lời kể trên của người thủy thủ là sự ghi nhận ý thức tự học, tự phấn đấu vươn lên của người thanh niên yêu nước Văn Ba.

Để có được khả năng sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau, như tiếng Pháp, Anh, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga, (trên thực tế Người còn biết thêm một số ngôn ngữ khác, như tiếng Thái Lan, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ả Rập ... ) [15], thì ngoài trí thông minh, Người còn phải có quyết tâm cao; ý chí, nghị

lực phi thường, không ngại khó khăn, gian khổ dám vượt qua hoàn cảnh và vượt qua chính mình để đạt được mục tiêu đã đề ra. Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng điều C.Mác từng nói: “Không có con đường cái quan nào ở trong khoa học cả, và chỉ những người nào không sợ chôn chân mỗi gờ trèo lên những con đường nhỏ bé gập ghềnh của nó thì mới hy vọng đạt tới đỉnh cao xán lạn của khoa học mà thôi” [5, tr.39].

Không chỉ tự học các ngôn ngữ khác nhau, học viết báo mà Hồ Chí Minh còn tự học nhiều nghề để kiếm sống và hoạt động cách mạng. Từ việc học và trở thành thợ làm bánh ở khách sạn Carlton, London (cuối năm 1913) đến thợ ảnh, vẽ chao đèn, vẽ đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa vào những năm 1922-1923 ở Pháp; Từ việc học làm phiên dịch, phóng viên, bán báo ... ở Quảng Châu Trung Quốc những năm 1924-1927 đến học nghề và làm nghề bốc thuốc, đi buôn ở Thái Lan những năm 1928-1929 ... [18].

Có thể khẳng định, cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng, là kiểu mẫu của tinh thần tự học, tự vươn lên, tự vượt qua chính mình và hoàn cảnh để đạt mục đích cao cả: tìm con đường cứu nước cứu dân, con đường giải phóng dân tộc. Học tập và làm theo tấm gương “tự học” của Người mỗi một chúng ta: “Phải tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập” [11, tr.98].

Những chỉ dẫn hết sức quý báu, khoa học của Hồ Chí Minh về “tự học” và “học suốt đời” có ý nghĩa hết sức to lớn đối với chúng ta trong việc tích lũy tri thức khoa học, tri thức kinh nghiệm và chuyển hóa chúng thành “tri thức ngầm” [16] - loại hình tri thức được thu nhận, chọn lọc, sắp xếp, lưu giữ và được đưa vào sử dụng thông qua cơ chế vận hành của hệ thần kinh trung ương và não bộ nhằm biến đổi hiện thực khách quan một cách tự giác và theo một mục đích mong muốn. Khi mà “tri thức khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” (C. Mác), “khoa học trở thành động lực của lịch sử” (Ph. Ăngghen) thì ý nghĩa của những chỉ dẫn về “tự học” và “học tập suốt đời” của Hồ Chí Minh càng to lớn hơn bao giờ hết.

Tư tưởng học tập suốt đời của Hồ Chí Minh mang tầm vóc thời đại. Nhất là trong bối cảnh chu kỳ thay đổi về khoa học - công nghệ ngày càng rút ngắn; nhu cầu hiểu biết của người dân ngày càng cao, thì nhu cầu học tập suốt đời là một nhu cầu

tất yếu của mọi người. Năm 2022, Viện Học tập Suốt đời của UNESCO - UIL (UNESCO Institute for Lifelong Learning) kỷ niệm 70 năm thành lập. Trong bảy thập kỷ qua, UIL đã thành công trong việc hỗ trợ cho các quốc gia thành viên phát triển các chính sách và thực hành để cung cấp cho mọi người cơ hội học tập suốt đời. Nhất là cải thiện việc xóa mù khắp toàn cầu, đảm bảo giáo dục chất lượng cho người trưởng thành [19]. Kết quả này đã góp phần to lớn thúc đẩy tiến bộ xã hội một cách bền vững hơn.

## 1.2 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học và học tập suốt đời vào xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam hiện nay

Kế thừa truyền thống hiếu học của dân tộc, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học và học tập suốt đời, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển giáo dục và đào tạo, coi giáo dục và đào tạo là “quốc sách hàng đầu”.

Để giáo dục và đào tạo thực sự trở thành “quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước” [4, tr.136]; là một trong những nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; để “tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân” [2, tr.121], trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trong đó vấn đề “tự học” và “học tập suốt đời” là những chủ trương lớn có tính nhất quán.

Một trong những định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa được Hội nghị Trung ương hai, Khóa VIII đề ra, là: “Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Phê phán thói lười học. Mọi người chăm lo cho giáo dục” [1, tr.30]. Đây là định hướng chiến lược có ý nghĩa xuyên suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng ta và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, của “xã hội học tập” với bốn trụ cột giáo dục của thế kỷ 21 do UNESCO đề xuất: Học để biết; học để làm; học để cùng chung sống; học để làm người.

Tiếp tục tinh thần Hội nghị Trung ương hai, Khóa VIII, tại hội nghị Trung ương tám, Khóa XI, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW (ngày 4/11/2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó coi trọng việc “tự học”, “thực học”. Hội nghị chủ trương: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học [...]. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng, chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc” [2, tr.120 - 122]. Đây là sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về “học tập suốt đời” trong xu thế “xã hội học tập” hiện nay của thế giới.

Để khơi dậy ý thức “tự động học tập” [9, tr.360]; để thực hiện chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Chúng ta phải học ... suốt đời. Còn sống thì còn phải học”, tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta chủ trương “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân ... Đa dạng hoá các loại hình đào tạo. Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời” [4, tr.137].

Để đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; để xây dựng xã hội học tập, ngày 30/7/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1373/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” với quan điểm chỉ đạo: “Tiếp tục xây dựng xã hội học tập dựa trên nền tảng phát triển, đồng thời gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng mọi hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục... Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu” [21].

Để xây dựng xã hội học tập, ngoài việc gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo, Đề án còn nhấn mạnh việc nhân rộng các mô hình xã hội học tập: “Gia đình học tập”, “Đòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” theo hướng thiết thực, hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa

dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Đây là một Đề án mang tính nhân văn sâu sắc, thể hiện bản chất tốt đẹp của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học và học tập suốt đời của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta cũng còn nhiều bất cập, hạn chế: từ việc xác định thái độ, mục đích, động cơ học tập đến việc lựa chọn nội dung, phương pháp... Nghị quyết số 29 - NQ/TW (ngày 4/11/2013) Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo... đánh giá: “Mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện thực đúng. Bệnh hình thức, hư danh, chạy theo bằng cấp... chậm được khắc phục, có mặt nghiêm trọng hơn. Tư duy bao cấp còn nặng, làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, đào tạo” [2, tr.118]. Đặc biệt tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với biểu hiện ở chỗ “nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” [3, tr.22] của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp. Điều này có ảnh hưởng không tốt đến phát huy tinh thần tự học tập, học tập suốt đời cũng như xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam hiện nay.

Để khắc phục tình trạng trên đòi hỏi mọi người dân, trước hết là cán bộ, đảng viên phải “thực hiện thường xuyên, sâu, rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị” [4, tr.183] theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

## Kết luận

Trong di sản tinh thần mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta, những chỉ dẫn của Người về “tự học” và “học tập suốt đời” có ý nghĩa hết sức to lớn và vô cùng sâu sắc, góp phần khơi dậy và thúc đẩy ý thức “tự động học tập” (lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh) trong toàn xã hội.

Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về “tự học” và “học tập suốt đời”, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, đề ra nhiều phương án, giải pháp để “thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời” góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài vì sự phát triển bền vững của đất nước.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đảng Cộng sản Việt Nam (1997): Văn kiện Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương Khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): Văn kiện Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- C.Mác và Ph.Ăngghen (2002): Toàn tập, t.23, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- C.Mác và Ph.Ăngghen (1995): Toàn tập, t.21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- V.I.Lê-nin (2005): Toàn tập, t.45, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.13, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Kim Anh: Phương pháp học ngoại ngữ của Bác

- Hồ và tinh thần tự học. Truy cập: <https://bqllang.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop/11509-phuong-phap-hoc-ngoai-ngu-cua-bac-ho-va-tinh-than-tu-hoc.html>
- Trần Khánh Đức: Tri thức, kết nối tri thức và chu trình chuyển hóa tri thức, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 25 tháng 01/2020: Truy cập: [http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai\\_so\\_1\\_-\\_so\\_25\\_2020.pdf](http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai_so_1_-_so_25_2020.pdf)
  - Hoàng Kỳ: Học tập ý chí và phương pháp tự học của Bác Hồ. Nguồn truy cập: <https://thpt-taythanh.hcm.edu.vn/hoc-tap-va-lam-theo-bac/hoc-tap-y-chi-va-phuong-phap-tu-hoc-cua-bac-ho/ctmb/91734/472102>
  - Phạm Thị Lai: Chủ tịch Hồ Chí Minh với những công việc đã trải qua trong hành trình cứu nước, truy cập: <https://baochinhphu.vn/chu-tich-ho-chi-minh-voi-nhung-cong-viec-da-trai-qua-trong-hanh-trinh-cuu-nuoc-102293346.htm>
  - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam: Kỷ niệm 70 năm Viện Học tập Suốt đời của UNESCO
  - <https://giaoducmo.avnuc.vn/hoc-tap-suot-doi/ky-niem-70-nam-vien-hoc-tap-suot-doi-cua-unesco-775.html>
  - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quy-et-dinh-1373-QD-TTg-2021-De-an-Xay-dung-xa-hoi-hoc-tap-2021-2030-483017.aspx>

# 3 NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

## TƯ TƯỞNG CHIẾN LƯỢC GIÁO DỤC CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH

NCS. ĐỖ THANH VÂN\*

Từ khi thực hiện cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc phải đối mặt với tình hình trong nước và quốc tế biến động không ngừng, ngày càng phức tạp, Đặng Tiểu Bình đẩy mạnh cải cách mở cửa và chọn mặt trận giáo dục là khâu đột phá, thúc đẩy cải cách, mở cửa. Tư tưởng chiến lược giáo dục của Đặng Tiểu Bình là cách gọi chung cho những chủ trương và quan điểm khoa học của ông về các vấn đề giáo dục xã hội chủ nghĩa, nó cũng là một bộ phận không thể tách rời trong lý thuyết xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc của ông. Thực tế, Đặng Tiểu Bình đã vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông để đưa ra những quyết sách mang tính khoa học và sáng tạo về nhiều vấn đề lớn trong giáo dục, đặt nền móng cho cải cách, phát triển giáo dục Trung Quốc trong suốt hơn 45 năm thực hiện cải cách, mở cửa đến nay.

### Từ khóa

Tư tưởng giáo dục; chiến lược giáo dục, cải cách giáo dục, Đặng Tiểu Bình, phát triển giáo dục Trung Quốc.

### Nhận bài

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

### 01. Đặt vấn đề

Tư tưởng giáo dục từ lâu đã là một trong những vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm, với tính chất đặc thù của một bộ môn khoa học liên ngành, nội dung tư tưởng giáo dục xuất hiện trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội nói chung, như xã hội học, kinh tế học, chính trị học, tâm lý học, triết học,...

Trung Quốc, một trung tâm của nền văn minh nhân loại đã sớm xuất hiện những nhà tư tưởng bàn về giáo dục, điều này đã được Liu Baocun và An Yalun (2020) đề cập, thông qua bài viết

Educational Administration and Leadership in China (Quản lý và lãnh đạo giáo dục). Trong đó họ nhấn mạnh rằng, đất nước Trung Quốc có lịch sử giáo dục lâu đời, sự lãnh đạo và quản lý giáo dục được thể chế hóa từ hơn 2.000 năm trước, do đó hệ thống lãnh đạo và quản lý nền giáo dục đã phát triển cùng với sự phát triển của xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa, đồng thời hình thành một hệ thống lãnh đạo và điều hành giáo dục mang đậm bản sắc văn hóa Trung Quốc; được quy định bởi các luật và quy định khác nhau của đất nước. Vào đầu thế kỷ XXI, thế giới đang có những bước phát triển vượt bậc, nhiều thay đổi sâu sắc và có những điều chỉnh lớn, trong khi Trung Quốc hiện đang ở giai đoạn then chốt của cải cách và phát triển. Xu

hướng đa cực, nhiều trung tâm trên thế giới ngày càng nổi bật, quá trình toàn cầu hóa kinh tế, phát triển nền kinh tế tri thức, những thay đổi mạnh mẽ về khoa học và công nghệ, cạnh tranh nhân tài trên toàn thế giới và xu hướng công nghiệp hóa, tin học hóa, đô thị hóa, thị trường hóa và quốc tế hóa ở Trung Quốc,... đều đặt ra nhiều nguy cơ, thách thức nghiêm trọng đối với việc xây dựng nền giáo dục tiến bộ cũng như sự quản lý nền giáo dục ấy. Trước những thách thức về vấn đề này, Chính phủ kêu gọi thực hiện công cuộc cải cách nhằm thúc đẩy hệ thống quản lý giáo dục phát triển hài hòa, hợp lý và hiện đại hóa năng lực quản lý giáo dục, đặc biệt nhấn mạnh đến việc trao quyền tự chủ, quản trị chung, sự tham gia của xã hội trong hoạch định chính sách và quản lý.

Cuốn “Chuyên đề nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của Đặng Tiểu Bình” do Nxb. Khoa học giáo dục (Trung Quốc) xuất bản tháng 7 năm 1997 là cuốn tài liệu được biên soạn đặc biệt dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngành giáo dục Trung Quốc. Nội dung cuốn sách tập trung nêu bật những điểm mấu chốt trong tư tưởng chiến lược về giáo dục của ông Đặng Tiểu Bình – người đề cao tôn trọng tri thức và nhân tài. Ông Đặng cho rằng nhiệm vụ cơ bản của chủ nghĩa xã hội là phát triển lực lượng sản xuất với khoa học - kỹ thuật là then chốt cần rất nhiều nhân tài và việc đào tạo, bồi dưỡng những nhân tài chỉ có thể được thực hiện bởi giáo dục.

Như vậy, có thể thấy, việc nghiên cứu một cách khách quan hệ thống các tư tưởng giáo dục nói chung và tư tưởng chiến lược về giáo dục của ông Đặng Tiểu Bình là cơ sở để nâng cao nhận thức, thấu hiểu vị trí và vai trò của yếu tố giáo dục trong nền kinh tế quốc dân và phát triển xã hội Trung Quốc.

## 02. Tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình

Năm 1977, Trung Quốc bắt đầu khôi phục lại kỳ thi đầu vào đại học, từ đó cũng là thời kỳ ánh sáng chiếu rọi tương lai của hàng triệu trí thức, thanh niên trước đó đã về nông thôn lao động sản xuất hay của những thanh niên đang làm công nhân tại các nhà máy, công xưởng ... Khôi phục thi đại học và hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học chính là khúc dạo đầu của cải cách, mở cửa tại Trung Quốc, đây cũng chính là bước đột phá để dẹp bỏ hoàn toàn sự hỗn loạn mà giai đoạn “Đại cách

mạng văn hóa” trước đó để lại. Kể từ đây, giáo dục Trung Quốc đã bước vào một hành trình cải cách, mở cửa và phát triển mới.

Việc khôi phục các kỳ thi đầu vào đại học năm 1977 là khúc nhạc dạo đầu của công cuộc cải cách mở cửa tại Trung Quốc. Hội nghị Trung ương Ba, Đại hội 11 Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức vào tháng 12 năm 1978 đã chỉ rõ, giáo dục cần có “Ba hướng tới” và đào tạo ra “con người mới Bốn có”, vạch rõ phương hướng cải cách và phát triển của giáo dục Trung Quốc. Trong giai đoạn này, với vai trò hạt nhân của thể hệ lãnh đạo thứ hai của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông Đặng Tiểu Bình đã có nhiều bài phát biểu, ý kiến chỉ đạo quan trọng, đặt nền móng cho công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc, từ kinh tế đến chính trị, xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục.

Ông Đặng Tiểu Bình (1904 - 1997), là nhân vật có vị trí then chốt trong tập thể lãnh đạo thế hệ thứ hai của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông có tên ban đầu là Đặng Tiên Thánh, người Quảng An, tỉnh Tứ Xuyên. Đặng Tiểu Bình từng có thời gian du học ở châu Âu, và sau khi trở về Trung Quốc, ông toàn tâm toàn ý dốc sức vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng nhân dân và giành lại độc lập dân tộc.

Từ cải cách ruộng đất, kháng chiến chống Nhật đến giải phóng lục địa Trung Hoa, ông từng giữ nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng trong Đảng và quân đội, có nhiều đóng góp to lớn cho thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân mới và sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ông được toàn Đảng, toàn quân, toàn dân công nhận là một vị lãnh đạo xuất sắc, uy tín, là người kiên định chủ nghĩa Mác, một nhà cách mạng, nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao vĩ đại của giai cấp vô sản Trung Quốc.

Tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình được thể hiện ở việc nhìn nhận, đánh giá địa vị chiến lược của giáo dục trong sự nghiệp phát triển đất nước và tư tưởng chiến lược “ba hướng tới” của ông trong giáo dục; có thể nói, tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình là sự kế thừa và phát triển một cách tài tình chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông về giáo dục. Bên cạnh đó, những tư tưởng ấy còn mang tính vĩ mô chiến lược, tính thời đại rõ rệt và tính thực tiễn mạnh mẽ (Wang YaPing, 1998).

## 2.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời tư tưởng giáo dục của Đặng Tiểu Bình

Đặng Tiểu Bình từng chỉ rõ: “Giáo dục là sự nghiệp căn bản nhất của một dân tộc”, tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình được hình thành vào những năm 70 thế kỉ 20 và cấu thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng giáo dục của ông. Hoàn cảnh lịch sử ra đời tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình chủ yếu bao gồm hai phương diện: tình hình quốc tế và tình hình Trung Quốc.

Thứ nhất, về tình hình quốc tế

Từ những năm 50 của thế kỉ 20, sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ 2 kết thúc, các quốc gia tập trung vào khôi phục kinh tế và tăng tốc cách mạng khoa học - kĩ thuật. Sự cạnh tranh giữa các quốc gia có sự chuyển hướng từ lĩnh vực quân sự sang lĩnh vực kinh tế, kĩ thuật.

Trải qua cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai, trình độ khoa học - kĩ thuật của các nước trên thế giới đã có sự thay đổi sâu sắc và có nhiều bước tiến đột phá. Chính bởi việc hiểu rõ mối quan hệ mật thiết giữa kinh tế và khoa học - kĩ thuật, từ năm 1974 đến năm 1976, sau khi khủng hoảng kinh tế diễn ra trên quy mô rộng lớn, chủ nghĩa tư bản phương Tây chú trọng vào việc phát triển công nghệ kĩ thuật để tìm kiếm hướng đi mới. Xu hướng phát triển “cách mạng kĩ thuật mới” nổi lên mạnh mẽ ở các quốc gia phương Tây, các nước phát triển liên tục nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm công nghệ cao với mục đích nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và đã thu được những khoản lợi nhuận kếp xù.

Đặng Tiểu Bình với tư cách là nhà lãnh đạo xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa ở một quốc gia có hơn một tỷ dân, đã rất nhạy bén nắm bắt được tầm quan trọng của cuộc cách mạng kĩ thuật mới và sức ảnh hưởng mạnh mẽ của nó, để từ đó ông đưa ra những quyết sách vô cùng táo bạo trên các lĩnh vực khoa học - kĩ thuật, bồi dưỡng nhân tài để đón nhận những thời cơ mà cách mạng khoa học - kĩ thuật mới đem lại.

Vào tháng 3 năm 1978, phát biểu tại đại hội khoa học toàn quốc, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh Trung Quốc cần có “một đội ngũ khoa học kĩ thuật vừa hồng vừa chuyên thuộc giai cấp công nhân, cần có đội ngũ đông đảo các chuyên gia khoa học - kĩ thuật hàng đầu thế giới”, “cần nhanh chóng bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia khoa học - kĩ thuật có trình độ hàng đầu thế giới, đây chính là nhiệm vụ quan trọng của chiến tuyến khoa học, giáo dục”. Có thể thấy, thông qua giáo dục để bồi dưỡng nhân

tài chính là đối sách có hiệu quả nhất trong việc đáp trả và vượt qua những thử thách mà cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật mới đem lại, giáo dục phát triển dẫn đến khoa học - kĩ thuật phát triển, từ đó nâng cao, cải thiện, hiện đại hoá sản xuất. Nói một cách khác, giáo dục nằm ở vị trí then chốt trong quá trình hiện đại hoá sản xuất và nâng cao trình độ khoa học - kĩ thuật.

Thứ hai, về tình hình Trung Quốc

Trung Quốc cùng thời đang trong bối cảnh phải giải quyết các nhiệm vụ khôi phục phát triển nền kinh tế quốc dân, bên cạnh đó, công cuộc xây dựng hiện đại hoá cũng cần có quy hoạch chiến lược ở tầm vĩ mô, đây chính là hai nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cấp bách.

Trong lịch sử phát triển của nước CHND Trung Hoa, nền giáo dục trước đó đã bồi dưỡng nhiều thế hệ nhân tài xuất sắc đứng trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt phục vụ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa; tuy nhiên, từ những năm 50 của thế kỉ trước, do toàn Đảng chưa đặt trọng tâm công tác vào việc xây dựng kinh tế, sự nghiệp giáo dục không những chưa được đặt ở vị trí quan trọng tương xứng, mà còn chịu những ảnh hưởng tiêu cực mang tính phá hoại nghiêm trọng từ những phong trào chính trị “tả khuynh” và “đại cách mạng văn hoá”, cải cách văn hoá đã làm cho hàng trăm triệu thanh thiếu niên bỏ dở việc học, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của cả một thế hệ (Zhou ZhiPing, 1993).

Trung Quốc là quốc gia có nguồn nhân lực dồi dào, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trí thức, điều quan trọng nhất là phải phát triển giáo dục. Bởi vậy, giáo dục cần phải được đặt ở vị trí then chốt, dẫn đầu quá trình phát triển kinh tế - xã hội, và phải được coi là một lĩnh vực chiến lược cần được chú trọng đầu tư.

Trung Quốc nếu không nhanh chóng bước ra khỏi bối cảnh lịch sử đầy gian khó đó, thì sẽ không thể nắm đúng mục tiêu phát triển, đuổi kịp sự phát triển khoa học - kĩ thuật trên thế giới, và sẽ càng không thể trở thành một trong những cường quốc trên thế giới, lịch sử gian khó có thể lặp lại một lần nữa nếu như không có những đường lối, chính sách đúng đắn và kịp thời. Bởi vậy, nhu cầu cấp thiết nhanh chóng bước ra khỏi bản cùn, lạc hậu và cổ vũ, khích lệ xây dựng hiện đại hoá đã trở thành những chất xúc tác không thể thiếu trong quá trình hình thành, phát triển tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình.

## 2.2. Nội dung cơ bản trong tư tưởng chiến lược giáo dục của Đặng Tiểu Bình

Thứ nhất, về vị trí chiến lược của giáo dục. Năm 1982, Đặng Tiểu Bình đã chỉ ra mục tiêu trọng tâm chiến lược cần đạt được theo tinh thần Đại hội đại biểu Toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XII: một là, nông nghiệp; hai là, năng lượng và giao thông; và ba là, giáo dục và khoa học. Sự phát triển mới tư tưởng chủ nghĩa Mác “khoa học - kĩ thuật chính là yếu tố cốt lõi của lực lượng sản xuất”, Đặng Tiểu Bình đưa ra quan điểm: “khoa học - kĩ thuật là lực lượng sản xuất quan trọng nhất” và nhấn mạnh rằng trong bốn hiện đại hoá (hiện đại hoá công nghiệp, hiện đại hoá nông nghiệp, hiện đại hoá quốc phòng, hiện đại hoá khoa học - kĩ thuật), thì quan trọng nhất là hiện đại hoá khoa học - kĩ thuật, bởi nếu không có khoa học kĩ thuật hiện đại, sẽ không thể nào tiến hành xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, công nghiệp hiện đại và quốc phòng hiện đại; không có sự phát triển nhanh chóng của khoa học - kĩ thuật, cũng không thể có được sự phát triển nhanh chóng của kinh tế.

Trong tình hình Trung Quốc đang ở giai đoạn đầu của xã hội xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ quan trọng nhất của xã hội chủ nghĩa là cần phát triển lực lượng sản xuất, từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, do đó, muốn Trung Quốc bắt kịp trình độ tiên tiến trên thế giới thì cần phải bắt đầu từ khoa học và giáo dục. Đây cũng là nội dung quan trọng nhất trong tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình, đó là cần xác định vị trí chiến lược của giáo dục trong quá trình tiến hành hiện đại hoá về mọi mặt.

Đại hội đại biểu Toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 13 vào năm 1987 lần đầu tiên đưa ra “kế hoạch trăm năm, lấy giáo dục làm gốc”. Trung Quốc cùng lúc đối mặt với hai thách thức lớn của thời đại lúc bấy giờ, một là, sự cạnh tranh đến từ các quốc gia khác, hai là, cách mạng khoa học - kĩ thuật mới đang diễn ra trên toàn thế giới, trên thực tế, cạnh tranh về kinh tế và khoa học - công nghệ về bản chất vẫn là sự cạnh tranh về giáo dục. Đặng Tiểu Bình đã đưa ra quan điểm: trong bốn hiện đại hoá, quan trọng nhất chính là hiện đại hoá khoa học - kĩ thuật, bởi khoa học - kĩ thuật ảnh hưởng trực tiếp đến sức sản xuất. Ông từng nói: “Trung Quốc muốn phát triển, nếu tách rời khoa học thì không thể làm được”, “thực hiện những hy vọng của nhân loại không thể tách rời khoa học, những quốc gia kém phát triển muốn bước ra khỏi khó khăn, đói nghèo cũng không thể tách rời khoa

học, bảo vệ nền hoà bình thế giới cũng không thể tách rời khoa học”. Trước đó, vào năm 1977, Đặng Tiểu Bình cũng từng phát biểu: “chúng ta muốn thực hiện hiện đại hoá, quan trọng cần phải nâng cao trình độ khoa học - kĩ thuật, muốn phát triển khoa học kĩ thuật, không thể không nắm chặt giáo dục, nếu chỉ có nói nhưng lời sáo rỗng thì không thể thực hiện được hiện đại hoá, bắt buộc phải có kiến thức, có nhân tài”, “bồi dưỡng nhân tài khoa học - kĩ thuật, nền tảng chính là ở giáo dục”.

Năm 1988, tại Hội nghị công tác giáo dục toàn quốc, Đặng Tiểu Bình đã chỉ ra rằng: “sức mạnh của quốc gia mạnh hay yếu, phát triển kinh tế lớn hay nhỏ, ngày càng được quyết định bởi tố chất của người lao động, quyết định bởi số lượng và chất lượng của đội ngũ tri thức”. Trung Quốc với thế mạnh dân số khổng lồ, thêm vào đó là chế độ xã hội chủ nghĩa tiên tiến, nên đã rất tin rằng họ sẽ đạt được mục tiêu đã định ra. Với tư duy logic rõ ràng, giáo dục giúp bồi dưỡng nguồn nhân tài khoa học - kĩ thuật trình độ cao “bốn có” (có lý tưởng, có đạo đức, có văn hoá, có kỷ luật) thì việc tiến hành hiện đại hoá khoa học - kĩ thuật mới có thể diễn ra một cách thuận lợi, để từ đó kéo theo hiện đại hoá nông nghiệp, hiện đại hoá công nghiệp và hiện đại hoá quốc phòng. Tuy nhiên, ông cũng từng đưa ra lời cảnh báo rằng muốn làm được điều đó, nhân dân Trung Quốc cần phải dốc sức tập trung vào phát triển giáo dục, còn ở các lĩnh vực khác “cần có sự nhẫn nại, thậm chí phải hy sinh một chút tốc độ để giải quyết tốt vấn đề giáo dục”, bởi chỉ khi vị trí của giáo dục được vững chắc, tố chất toàn dân mới được nâng cao hoàn toàn, từ đó mới có thể thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, lúc đó Trung Quốc mới thực sự có vị trí trên trường quốc tế.

Thứ hai, về tư tưởng chiến lược “ba hướng tới” trong giáo dục

Vào ngày 1 tháng 10 năm 1983, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra “ba hướng tới” khi có chuyến thăm trường học Cảnh Sơn ở Bắc Kinh, nội dung cụ thể của “ba hướng tới” là: giáo dục cần phải hướng tới hiện đại hoá, hướng tới thế giới, hướng tới tương lai. Tư tưởng chiến lược “ba hướng tới” trong giáo dục đã nhanh chóng trở thành phương châm chỉ đạo sự nghiệp phát triển giáo dục hiện đại hoá của chủ nghĩa xã hội Trung Quốc, đồng thời cũng chỉ rõ được mục tiêu và phương hướng chiến lược trong phát triển giáo dục của chủ nghĩa xã hội Trung Quốc. Từ những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc đã đạt nhiều thành tựu trên các phương diện như nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng đội ngũ giáo

viên và cải cách thể chế giáo dục. “Ba hướng tới” thực chất chính là trọng trách của giáo dục Trung Quốc cần phải hướng tới và đạt được trong bối cảnh lịch sử đặc thù, đồng thời, đây cũng chính là một trong những tinh hoa của tư tưởng chiến lược về giáo dục của Đặng Tiểu Bình.

Với nội dung, giáo dục phải hướng tới hiện đại hóa: Đây được coi là yêu cầu mang tính phương hướng, chủ yếu nhấn mạnh việc phát triển giáo dục cần phải có một phương hướng cụ thể, rõ ràng, từng bước vững chắc tiến đến hiện đại hoá. Đặng Tiểu Bình với tư cách là nhà lãnh đạo công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá Trung Quốc, đã luôn coi giáo dục là một vấn đề vô cùng quan trọng cần phải dành nhiều thời gian để nghiên cứu và suy nghĩ. Ông luôn nhìn nhận giáo dục và khoa học như là hai mặt của một vấn đề, liên quan trực tiếp đến nhau và không thể tách rời nhau. Hiện đại hoá có thực hiện được hay không, là do khoa học - kĩ thuật quyết định, một nền khoa học - kĩ thuật lạc hậu sẽ kéo theo hậu quả là nguồn lao động tuy dồi dào nhưng năng suất lao động vẫn thấp; trái lại, nếu có một nền khoa học - kĩ thuật tiên tiến, cho dù nguồn lao động có hạn chế, nhưng năng suất lao động vẫn có thể đạt mức cao. Muốn có một nền khoa học - kĩ thuật tiên tiến, yếu tố quan trọng nhất vẫn là trình độ, tố chất của lao động, chúng ta không thể chỉ nhập máy móc tân tiến, mời chuyên gia nước ngoài có trình độ cao đến làm việc, bởi đây chỉ là kế sách tạm thời; không thể giải quyết vấn đề từ gốc rễ; thế nên, thông qua giáo dục để nâng cao trình độ, tố chất của lao động, mới có thể giải quyết được vấn đề một cách triệt để. Kiến thức và nhân tài của sự nghiệp giáo dục chính là nền tảng vững chắc để thực hiện hiện đại hoá, nếu không có nền tảng ấy, hiện đại hoá vẫn chỉ dừng lại ở những suy nghĩ, lời nói suông. Tuy nhiên, sự nghiệp giáo dục liên quan đến việc sáng tạo tri thức và bồi dưỡng nhân tài, nếu phương hướng phát triển của nó không hướng đến hiện đại hoá mà hướng đến các mục tiêu khác thì sự phát triển đó sẽ gây nhiều ảnh hưởng bất lợi cho sự phát triển khoa học - kĩ thuật, đồng thời cũng sẽ không có lợi cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá đất nước.

Với nội dung, giáo dục phải hướng ra thế giới: Đây được coi là yêu cầu mang tính tầm nhìn toàn diện. Cùng với cải cách mở cửa không ngừng phát triển theo bề rộng và chiều sâu, Trung Quốc cũng không thể tránh khỏi những ảnh hưởng do tiến trình toàn cầu hoá mang lại. Toàn cầu hoá đã nối liền các quốc gia trên thế giới lại với nhau thành một hệ thống liên kết mật thiết, chặt chẽ và ảnh

hưởng qua lại lẫn nhau, thế giới dường như biến thành một xã hội thu nhỏ, mọi mối quan hệ trở nên rõ ràng hơn và thu hẹp khoảng cách địa lý. Trong bối cảnh ấy, một quốc gia sẽ có sự tiếp xúc, giao lưu mọi mặt như văn hoá, kinh tế, khoa học kĩ thuật, quân sự, ... với các quốc gia khác, và lúc này, quốc gia ấy sẽ phải đối mặt với những sự lựa chọn: tiếp thu những yếu tố nước ngoài hay giữ lại những yếu tố truyền thống của quốc gia mình, chia sẻ những thành tựu của quốc gia mình với những quốc gia khác hay đơn thuần là đóng cửa quốc gia, hạn chế những giao lưu mang tính chất quốc tế. Khi đưa ra quan điểm “giáo dục phải hướng ra thế giới”, Đặng Tiểu Bình ắt hẳn cũng đã nhìn rõ được những cơ hội, cũng như những khó khăn thách thức mà toàn cầu hoá có thể mang lại, ông lựa chọn mở rộng tầm nhìn, tiếp thu lí luận và những kinh nghiệm giáo dục tiên tiến, có lợi và phù hợp với thực tiễn của Trung Quốc, đồng thời cũng mang những tài nguyên tinh thần phong phú, quan điểm giáo dục nhân văn giao lưu với nước ngoài, từ đó tăng thêm sự tự tôn và tự tin của người dân Trung Quốc; đây cũng là một cách để thúc đẩy tiến trình hiện đại hoá và toàn cầu hoá, góp phần tăng sức ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Với nội dung, giáo dục phải hướng tới tương lai: Đây chính là yêu cầu mang tính xu thế. Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh phương châm và chính sách của Đảng và Nhà nước là phải xoay quanh vấn đề phát triển của chủ nghĩa xã hội: “Suy nghĩ bất cứ vấn đề gì cũng cần có tầm nhìn xa rộng, phải nhìn từ đại cục”, các chính sách đưa ra cần phải hướng đến một mục đích chung duy nhất đó là phát triển xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa Cộng sản. Chính bởi vậy, việc bồi dưỡng nhân tài, nâng cao tố chất đạo đức, tư tưởng của nhân dân vừa cần phải chú trọng đảm bảo cuộc sống cơ bản cho nguồn nhân lực hiện có, đồng thời trong quá trình xây dựng xã hội cần chú trọng việc không ngừng tích lũy và tạo điều kiện mang tính phát triển. Các thành quả của giáo dục đạt được cần phải mang tính xu thế của thế giới, có thể áp dụng vào trong các lĩnh vực khác, từ đó đẩy mạnh sự phát triển toàn diện. Trái lại, nếu giáo dục không đặt mục tiêu hướng tới tương lai thì đó sẽ chỉ là một nền giáo dục dậm chân tại chỗ, không có sự phát triển, đột phá, mà trong một thế giới vận động phát triển không ngừng, thì thực chất của dậm chân tại chỗ cũng chính là sự thụt lùi, yếu kém, gia tăng khoảng cách về trình độ giữa chính quốc gia ấy với mặt bằng chung của thế giới.

Trong mục tiêu “ba hướng tới” do Đặng Tiểu Bình đưa ra, người viết cho rằng hiện đại hoá giáo

dục chính là bộ phận cấu thành cốt lõi quan trọng nhất, bởi đây là cơ sở, nền tảng giúp cho giáo dục Trung Quốc có thể “hướng tới thế giới” và “hướng tới tương lai”. Trung Quốc muốn đưa giáo dục phát triển lên một tầm cao mới, thì điều cần bản nhất là cần phải học hỏi, tiếp thu những thành quả tiên tiến trong khoa học - kĩ thuật và kinh nghiệm quản lý, từ đó nắm bắt được những động thái phát triển giáo dục trong tương lai. Trên thực tế, hiện đại hoá giáo dục mang trong mình trọng trách của thời đại, là bước đi vô cùng quan trọng trên xây dựng hiện đại hoá đất nước và chủ nghĩa xã hội. Hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa cần đồng thời chú trọng xây dựng văn minh về phương diện vật chất và tinh thần, vật chất và tinh thần cần có sự phát triển đi lên đồng bộ. Điều đó đặc biệt quan trọng khi bước vào thời kỳ công nghệ thông tin phát triển vượt bậc, các luồng tư tưởng, quan niệm truyền thống đứng trước cửa ngõ của sự giao lưu văn hoá, làm thế nào để giữ vững chiến tuyến xây dựng chủ nghĩa xã hội văn minh, đảm bảo những giá trị tinh thần của nhân dân luôn phát triển mà không mất đi những yếu tố truyền thống quý báu, điều đó được quyết định bởi những tác dụng mà giáo dục mang lại. Đặng Tiểu Bình có một tầm nhìn bao quát, đứng trên độ cao nhất định để thấy được mối quan hệ mật thiết giữa giáo dục và hiện đại hoá, nhìn rõ những vấn đề nào của giáo dục cần giải quyết tốt và triệt để để từ đó thúc đẩy xây dựng xã hội chủ nghĩa ngày càng thắng lợi. Bên cạnh đó, khi đánh giá mức độ phát triển hay tiến trình hiện đại hoá của một quốc gia, chúng ta không thể bỏ qua một trong những tiêu chí quan trọng nhất là giáo dục. Chú trọng phát triển giáo dục, tăng cường giao lưu học hỏi giữa các quốc gia, góp phần giúp chúng ta nhận thức được tình trạng thực tế của đất nước mình so với các quốc gia khác, hiểu rõ những điểm mạnh, điểm yếu và khoảng cách giữa quốc gia mình so với các nước khác trên thế giới, đặc biệt là với các nước phương Tây phát triển. Chỉ khi có nhận thức đúng đắn, cụ thể, và mang trong mình một tâm lý cầu thị, luôn hướng đến phát triển, thì người lãnh đạo mới có thể kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn để điều chỉnh phương hướng phát triển. Nói một cách khác, giáo dục cần hướng đến hiện đại hoá, là yêu cầu Đảng, Chính phủ và nhân dân cần dũng cảm đón nhận những thách thức của tiến trình toàn cầu hoá mang lại, cần nắm bắt thời cơ phát triển; đúng như Đặng Tiểu Bình từng nói: “đem phát triển giáo dục vào trong quá trình hiện đại hoá, lấy những yêu cầu của hiện đại hoá làm phương hướng để nỗ lực cải cách và phát triển nền giáo dục Trung Quốc”.

### 03. Kết luận

Với tư cách là kiến trúc sư trưởng của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc, ông Đặng Tiểu Bình luôn coi trọng việc phát triển giáo dục và hiện đại hóa giáo dục. Với tầm nhìn xa của một nhà chiến lược, ông đã đưa ra hàng loạt ý tưởng và lý thuyết quan trọng về hiện đại hóa và tin học hóa giáo dục, đồng thời đưa ra các quyết định và kế hoạch chiến lược tương ứng cho các bộ ngành liên quan, từ đó mở ra con đường tin học hóa giáo dục ở Trung Quốc. Những ảnh hưởng của Đặng Tiểu Bình đối với công cuộc cải cách, mở cửa nói chung và cải cách, phát triển giáo dục nói riêng là vô cùng sâu sắc. Trải qua 46 năm cải cách mở cửa, với sự quan tâm cao độ và sự thúc đẩy tích cực của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, quốc gia này đã trải qua một quá trình phát triển ổn định với nhiều thay đổi mạnh mẽ trong việc đẩy mạnh hiện đại hóa giáo dục xã hội chủ nghĩa, thực hiện hàng loạt cuộc cải cách lớn; nên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu và tìm ra con đường phát triển nền giáo dục xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ GD CHND Trung Hoa: Cương yếu học tập lý luận về giáo dục của Đặng Tiểu Bình, NXB Đại học SP Bắc Kinh, Bắc Kinh, 1998;
2. Đặng Tiểu Bình: Đặng Tiểu Bình bàn về giáo dục, NXB Giáo dục Nhân dân, Bắc Kinh, 1990;
3. Chen Ning. (1995): “Bàn về tư tưởng chiến lược phát triển ưu tiên giáo dục của Đặng Tiểu Bình”, Tạp chí Tìm kiếm, số 4.
4. Gao Ya. (1994): “Tu tưởng chiến lược “Ba hướng đến” trong giáo dục”, Tạp chí Chiến tuyến Lí luận Đại học, số 4.
5. Sun Ying Qiu (1999): “Tu tưởng chiến lược phát triển giáo dục của Đặng Tiểu Bình”, Tạp chí Học viện Dân tộc Trung Nam (Triết học và Khoa học xã hội), số 97.
6. Qin Xuan (1999): “Luận bàn về tư tưởng chiến lược phát triển giáo dục của Đặng Tiểu Bình”, Tạp chí Đại học Nhân dân Trung Quốc, số 1.
7. Teng Tun (1997): Chuyên đề nghiên cứu tư tưởng giáo dục của Đặng Tiểu Bình, NXB Khoa học giáo dục.
8. Ahtilla, M. and Xu, H. 2021. “The Influence of Confucius’s Educational Thoughts on China’s Educational System”. Open Access Library Journal, [https://www.scirp.org/pdf/oalibj\\_2021052616\\_280336.pdf](https://www.scirp.org/pdf/oalibj_2021052616_280336.pdf);
9. Liu Baocun, An Yalun (2020): “Educational Administration and Leadership in China”. <https://oxf ordre.com/education/display/10.1093/acrefore/9780190264093.001.0001/acrefore-9780190264093-e-629#acrefore-9780190264093-e-629-div1-1>;
10. Ting Wang B.A. (Shanghai), M. Ed. Leadership (Canberra). 2004. Understanding Chinese Educational Leaders’ Conceptions of Learning and Leadership in an International Education Context. School of Education and Community Studies The University of Canberra, Australia;

# HÒA QUANG ĐỒNG TRẦN: TỪ LÃO TỬ, TRẦN NHÂN TÔNG ĐẾN NGOẠI GIAO CÂY TRE VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM MINH ĐỨC\*  
PGS. TS. NGUYỄN ANH TUẤN \*\*



----- Từ khóa -----      ----- Nhận bài -----

Lão Tử; Trần Nhân Tông; Hòa quang đồng trần; Ngoại giao cây tre

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

Tương lai không chỉ là những gì chưa diễn ra mà còn bao gồm những ảnh hưởng của quá khứ lên hiện tại. Lão Tử, với triết lý “hòa quang đồng trần,” có ảnh hưởng sâu sắc xuyên suốt lịch sử. Theo Lão Tử, “Đạo” tác động đến mọi thứ trong vũ trụ nhưng không can thiệp, cho phép vạn vật tự phát triển. Triết lý này được Trần Nhân Tông kế thừa, kết hợp với Phật giáo và tinh thần Việt Nam, tạo nên sự hài hòa giữa trách nhiệm cá nhân và xã hội. Tư tưởng “hòa quang đồng trần” thể hiện rõ trong triết lý ngoại giao cây tre của Việt Nam: vững chắc nhưng uyển chuyển. Việt Nam kiên định về nguyên tắc, tôn trọng sự độc lập và lợi ích của mọi quốc gia, đồng thời sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước. Mặc dù có cạnh tranh và xung đột, Việt Nam luôn đề cao “đại nghĩa” trong ứng xử. Việt Nam tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế, đóng góp vào giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, xây dựng một tương lai mà mọi quốc gia đều phát triển độc lập và tự tại.

Tư tưởng của Lão Tử đại diện cho nền tảng của các hệ tư tưởng triết học phương Đông. Quan niệm về Đạo của ông đã ảnh hưởng sâu sắc trong suốt chiều dài lịch sử đến nhận thức của phương Đông về bản chất của thế giới và của vạn vật. Đặc biệt, ảnh hưởng của Lão Tử đến văn hóa Trung Quốc rất sâu rộng, do vậy, việc giải thích tư tưởng của ông trở nên cần thiết để hiểu được các quan điểm hiện đại của phương Đông. Ảnh hưởng này không chỉ dừng lại ở Trung Quốc mà còn tác động đến Việt Nam. Nguyễn Duy Cần đã ghi nhận: “Ở Trung Quốc, Nhật Bản và thậm chí ở Việt Nam từ xưa đến nay, không có nhà văn nổi tiếng, nghệ sĩ xuất sắc hay nhà tư tưởng sâu sắc nào không bị ảnh hưởng ở một mức độ nào đó bởi tư tưởng của ông” [4].

Một nhân vật đáng chú ý chịu ảnh hưởng của Lão Tử là Trần Nhân Tông, một nhà tư tưởng quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Ông nổi tiếng không chỉ bởi đã khai sinh Thiền phái Trúc Lâm của Việt Nam mà còn bởi ông cũng phát triển tư tưởng Đạo giáo. Triết lý của Trần Nhân Tông nhấn mạnh sự cởi mở, được gói gọn trong khái niệm “hòa quang đồng trần”. Triết lý này, bắt nguồn từ những lời dạy của Lão Tử, có ảnh hưởng sâu sắc đến cách chúng ta hiểu về cuộc sống tốt đẹp. Nó gợi ý rằng, việc thích nghi và chấp nhận sự thay đổi cho phép mọi thứ biến đổi thành bản chất thực sự của chúng.

Dựa trên những nền tảng này, bài viết sẽ khám phá tư tưởng của Lão Tử và Trần Nhân Tông, đặc biệt là triết lý “hòa quang đồng trần”. Cốt lõi của triết lý này là sự cởi mở, để nhận ra rằng mọi thứ đều có con đường và bản chất riêng. Hơn nữa, bài viết sẽ thảo luận về cách triết lý cởi mở của Trần Nhân Tông được thể hiện trong khái niệm “Ngoại

giao Cây Tre” đã phản ánh được quan điểm của ông: “Gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển... thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam...” [9, tr.154].

## 01. Lão Tử “Vô vi” là con đường hòa hợp

Một người có thể diễn giải Đạo như một nguyên tắc, nhưng đó không hoàn toàn là những gì Lão Tử muốn nói khi ông phát biểu: “Đạo có thể nói ra thì không phải là Đạo vĩnh cửu” (道可道非常道) [7, tr.1]. Theo nghĩa này, “Đạo trong sự vĩnh cửu không làm gì (道常无为). Nhưng không có gì không nên (而无不为)” [7, tr.90].

Do đó, Đạo là không. Nhưng điều này không có nghĩa là “không có gì cả” hay theo nghĩa siêu hình “không có bản chất”. Theo Lão Tử, “không” chẳng phải là một sự trống rỗng; nó là một không gian trống mang lại ý nghĩa và chứa đựng công dụng:

“Ba mươi nan hoa tụ lại ở một trục bánh xe; chính nhờ chỗ trống mà bánh xe có thể sử dụng được.

Đất sét được đập thành đồ dùng; chính nhờ chỗ trống mà đồ dùng có thể sử dụng được.

Khoét cửa và cửa sổ để làm nhà; chính nhờ chỗ trống mà căn nhà có thể sử dụng được.

Vậy nên, cái có đem lại lợi ích, còn cái không mới đem lại công dụng” [7, tr.27].

Đó cũng chính là lẽ “vô vi” trong triết học Lão Tử, hàm ý việc, hành động nhưng luôn để lại khoảng trống để cho sự vật, sự việc phát huy cái vốn có của mình. Thực ra, trước Lão Tử, nhân loại

đã làm điều này khi tương tác với giới tự nhiên, hay chế ra các công cụ cho sinh hoạt và lao động thường ngày. Nhưng trong quan hệ xã hội và đối nhân xử thế thì dường như không phải lúc nào cũng được thể hiện, và không phải ai cũng rõ. Công lao của Lão Tử ở chỗ này: lý giải sự “vô vi” trong quan hệ xã hội và hành động. Cụ thể hơn, Lão Tử nói rằng:

“Thiên hạ đều biết cái đẹp là đẹp, vì thế có cái xấu; đều biết cái thiện là thiện, vì thế có cái không thiện.

Có và không sinh ra lẫn nhau, khó và dễ hỗ trợ lẫn nhau, dài và ngắn đối chiếu lẫn nhau, cao và thấp dựa vào nhau, âm và thanh hòa hợp với nhau, trước và sau theo nhau, đó là điều thường hằng.

Vì vậy, thánh nhân dùng vô vi để xử sự, dạy dỗ mà không dùng lời; để vạn vật tự sinh trưởng mà không tác động, tạo ra mà không chiếm hữu, làm mà không tựa cậy, công thành mà không lưu giữ. Chính vì không lưu giữ, nên ngài không bị mất đi” [7, tr.5].

Ở đây, các khái niệm như đẹp và xấu, thiện và bất thiện, có và không, khó và dễ, dài và ngắn, cao và thấp, âm và thanh, trước và sau, đều là những khái niệm tương quan và bổ sung lẫn nhau. Nếu không có khái niệm này, khái niệm kia sẽ không tồn tại; nếu thiếu khái niệm kia, khái niệm này sẽ không đứng vững. Trong sự đối lập, chúng tương hỗ và bổ sung cho nhau; đồng thời, mối quan hệ giữa hai khái niệm này không phải là tách rời mà có thể chuyển hóa lẫn nhau. Đây là một sự gọi mở quan trọng. Thánh nhân chính là người nắm vững lẽ thường hằng này, do đó, thuận theo vô vi để xử thế, dùng vô ngôn mà truyền đạt, nhằm để mọi sự phát triển đều theo tự nhiên, mà không thêm vào ý chí và dục vọng cá nhân của mình. Chỉ khi “không khởi xướng”, “không sở hữu”, “không dựa vào”, và “không chiếm giữ”, mới có thể đạt được kết quả “không bị mất”.

Như thế, vô vi không có nghĩa là không làm gì hết, mà thực chất là “làm theo Đạo” [3, tr. 42]. Vô vi không phải là không hoạt động, mà là hành động theo cách tự nhiên và hài hòa với quy luật của Đạo. Như vậy, vô vi xuất phát từ hành động, nhưng là hành động không can thiệp, không ép buộc, mà là hành động hài hòa với tự nhiên. Nếu chỉ đơn thuần không làm gì hết, thì cũng sẽ không thể thực hiện vô vi một cách chân chính. Vô vi, vì thế, chung quy lại ở việc hành động theo Đạo để tạo ra khoảng không cho sự tự nhiên phát triển. Nó là sự hòa quyện giữa hành động và không hành động, giữa can thiệp và không can thiệp, giúp duy trì sự cân bằng và hài hòa trong vũ trụ. Khi con người hành

động theo Đạo, họ tạo ra một không gian cho mọi thứ diễn ra theo cách tự nhiên của chúng, không bị cản trở bởi sự can thiệp hay ý muốn cá nhân. Nhờ đó, vạn vật có thể phát triển và biến hóa một cách tự nhiên và bền vững.

Có nhiều cách khác nhau để tạo ra sự phát triển, tuy nhiên, bài viết này chỉ tập trung vào “hòa quang đồng trần” [7, tr.11]. Hòa quang đồng trần tức là đồng điệu với vạn vật, là sự nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa con người với môi trường xung quanh, giữa con người với con người và là cách hành xử khôn ngoan giúp duy trì sự ổn định và hài hòa trong cuộc sống. Đó là sự đồng cảm và hòa nhập đến mức hành động của mình không còn bị tách biệt hay đối lập với hành động của người khác mà trở thành một phần của tổng thể lớn hơn. Khi hành động của mình đồng điệu với hành động của người khác, mọi sự can thiệp hay ý muốn cá nhân đều trở nên hòa hợp với cái chung, tạo nên sự phát triển tự nhiên và bền vững trong môi trường xung quanh. Vì vậy, vô vi là sự thể hiện của một nhận thức tinh tế và sự hòa hợp hoàn toàn với lẽ ấy, nơi mà cá nhân không chỉ hành động theo cách tự nhiên mà còn hòa nhịp với các hành động và xu hướng chung, thậm chí biến hành động cá nhân thành xu hướng chung và ngược lại. Đây là trạng thái mà trong đó, mỗi hành động không còn mang tính cá nhân hay chủ quan thuần túy, mà trở thành một phần của dòng chảy tự nhiên.

Dẫu vậy, trong thực tế, việc quan sát rằng mọi thứ thường xung đột với nhau là một nhận thức chung. Tự nhiên, khi chúng ta quan sát, mọi thứ không hòa hợp như chúng có vẻ mà thực tế có thể phá hủy lẫn nhau. Trong thế giới con người cũng thế. Mỗi người đều có lợi ích riêng dẫn đến việc gây hại và xung đột giữa các cá nhân. Trong khi mỗi người theo đuổi con đường riêng của mình, những con đường này liên kết không thể tránh khỏi việc ảnh hưởng lẫn nhau. Vậy vai trò của “hòa quang đồng trần” trong bối cảnh này là gì? Thường khi xung đột xảy ra, chúng ta cố gắng giải quyết nó một cách chủ động nhưng chính nỗ lực này có thể thổi bùng thêm xung đột. Nó giống như sử dụng bạo lực để kết thúc chiến tranh, điều này có thể dẫn đến nhiều bạo lực hơn. Lão Tử đề cập đến điều này trong câu nói “Nói nhiều thì càng dễ gặp bế tắc; Thà rằng giữ lấy lẽ trung (多言数穷, 不如守中)” [7, tr.15]. Điều này có nghĩa rằng giải quyết xung đột liên quan đến “lẽ trung” – tham gia cả hành động và không hành động để xung đột tự giải quyết một cách tự nhiên. Nếu xung đột không thể tự giải quyết, nó duy trì một vòng luẩn quẩn của sự đối đầu. Quan niệm về “hòa quang đồng trần”

của Lão Tử cho ta thấy rằng sự giải quyết thực sự đến từ việc chấp nhận cái không, không áp đặt ý chí của mình lên mọi thứ, cho phép sự khôi phục, vận hành tự nhiên vì mọi thứ luôn có con đường riêng để tồn tại. Triết lý này nhấn mạnh tầm quan trọng của sự chuyển hóa, gợi ý rằng cách tốt nhất để giải quyết xung đột không phải là thông qua đối đầu trực tiếp mà thông qua một sự tồn tại hòa hợp cho phép mọi thứ diễn ra theo con đường của riêng chúng.

Vì lẽ đó, trong ngoại giao, Lão Tử chủ trương:

“Thế nên, nước lớn khiêm hạ trước nước nhỏ thì sẽ được lòng nước nhỏ

Nước nhỏ nhún nhường trước nước lớn thì sẽ được lòng nước lớn.

Dù cho khiêm hạ để thắng lợi, hay khiêm hạ để cầu an

Tham vọng của nước lớn là chinh phục nước khác;

Còn tất cả những gì nước nhỏ muốn là phụng sự nước lớn.

Để cả hai đều có thể đạt được điều họ muốn,

Điều tốt hơn cả cho nước lớn là giữ vị thế khiêm nhường” [7, tr. 149].

Lão Tử cho rằng, khi quốc gia lớn thể hiện sự khiêm nhường và không sử dụng sức mạnh để áp đảo quốc gia nhỏ, nó sẽ tạo nên sự tin tưởng cho các quốc gia, từ đó tạo nên môi trường ổn định. Ngược lại, khi quốc gia nhỏ thể hiện sự nhún nhường và tôn trọng quốc gia lớn, nó sẽ nhận được hỗ trợ cần thiết từ quốc gia lớn. Quốc gia lớn thường có tham vọng chinh phục và thống trị các quốc gia khác. Tuy nhiên, để có được sự phát triển bền vững, quốc gia lớn cần phải thể hiện sự khiêm nhường, nếu không sẽ mãi sa vào khói lửa chiến tranh và tụt dốc.

Quốc gia nhỏ thường mong muốn sự hợp tác và liên minh để được bảo vệ và phát triển, và để đạt được điều này, quốc gia nhỏ cần phải tỏ ra nhún nhường và tôn trọng quốc gia lớn. Khi cả hai quốc gia, lớn và nhỏ, đều thể hiện sự khiêm nhường và tôn trọng lẫn nhau, thì chúng đều có thể đạt được điều mong muốn. Quốc gia lớn có thể mở rộng ảnh hưởng một cách hòa bình và quốc gia nhỏ có thể nhận được sự bảo vệ và hỗ trợ cần thiết. Đây cũng thể hiện rõ triết lý hòa quang đồng trần, khi hành động (hoặc không hành động) của các quốc gia, dù lớn hay nhỏ, sẽ dẫn đến kết quả tích cực một cách tự nhiên, không ép buộc.

Điều này cũng thể hiện tư tưởng “không tranh” của Lão Tử [7, tr.10]. Theo ông, không tranh là hành động của bậc “đại thiện”, người ấy có phẩm chất giống với với nước. Nước mềm mại, tĩnh lặng

và ôn hòa, nuôi dưỡng muôn vật mà không bao giờ tranh giành, cho nên gần nhất với Đạo.

Khi áp dụng vào ngoại giao, các quốc gia lớn và nhỏ đều có thể học hỏi từ tính chất của nước. Lão Tử cho rằng, giống như nước, các quốc gia, nhất là các quốc gia lớn nên hành xử một cách khiêm nhường, chấp nhận vai trò của mình một cách tự nhiên và không ép buộc hay can thiệp quá mức vào công việc của nhau. Điều này giúp duy trì sự hòa hợp và cân bằng trong các mối quan hệ quốc tế, qua đó đạt được sự phát triển và hợp tác lâu dài. Sự khiêm nhường trong ngoại giao không chỉ giúp các quốc gia tránh được xung đột mà còn mở đường cho sự hợp tác và phát triển bền vững trong cộng đồng quốc tế.

Tóm lại, Lão Tử chủ trương hành động theo Đạo, không tranh, luôn khiêm hạ, nhún nhường, “đặt thân mình ra sau” tạo ra không gian hay lợi thế cho vạn vật cùng phát triển. Điều này được phát triển thêm bởi Trần Nhân Tông.

## 02. Trần Nhân Tông – Triết lý của sự cởi mở

“Hòa quang đồng trần” (和其光 同其尘) là một khái niệm được Trần Nhân Tông phát triển thêm. Như ông đã nói: “minh ngồi thành thị, dùng nét sơn lâm” (“命懷城市 涅用山林”) [10, tr.506]. Sự diễn giải của ông thể hiện tinh thần của Lão Tử. Theo Trần Nhân Tông, không có sự khác biệt cơ bản giữa thành phố và núi rừng trên con đường tu hành. Mọi thứ đều có con đường riêng của mình; do đó, sống trong thành phố cần có cách riêng nhưng điều này không loại bỏ cách sống trong núi rừng. Điều này phản ánh tư tưởng hòa quang đồng trần của ông – không coi môi trường sống như một thực thể cố định mà nhấn mạnh tính khả dụng của nó trong mọi khía cạnh của cuộc sống, nhấn mạnh tầm quan trọng của sự mở lòng với dòng chảy tự nhiên của của tồn tại.

Trần Nhân Tông kế thừa và tiếp tục phát triển tư tưởng hòa quang đồng trần của Lão Tử, tích hợp thêm những tinh hoa của Phật giáo và thậm chí cả Nho giáo. Ông không nhìn nhận sự khác biệt cơ bản giữa những hệ tư tưởng này, như được minh họa bằng sự khẳng định của ông: “Thực thế, hãy buông bỏ lòng mình và tự nhiên hòa hợp với Đạo (實世 唉舍無心 自然合道)” [10, tr.507]. Lập trường này về sự cởi mở dựa trên nguyên tắc “vô tâm” khuyến khích thái độ mở lòng đối với mọi

thứ. Sự cởi mở này thể hiện rõ trong những câu thơ của ông:

“Sạch giới lòng, tịnh giới tướng, cả trong lẫn ngoài trang nghiêm như Bồ Tát; người ngay thờ chúa, kẻ thảo thờ cha, ấy mới là trượng phu trung hiếu. Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới đáng công ơn; học đạo thờ thầy, rục xương mòn óc vẫn chưa thể báo đáp. (瀝戒皓拋戒相，內外年菩薩莊嚴。 楷蝮主討蝮吒，劣杜買丈夫忠孝。 參禪見伴，涅身命買可回恩。 學道蝮柴，叭昌沃渚通暉報)” (Viện Văn học Việt Nam, 1988: 508).

Những triết lý này phản ánh sự tổng hợp tinh hoa của các giá trị Đạo giáo, Phật giáo và Nho giáo:

- Đạo giáo: Nhấn mạnh sự hòa hợp tự nhiên và châm ngôn “không làm gì” (vô vi), Trần Nhân Tông ủng hộ một cuộc sống hài hòa với trật tự tự nhiên, nơi hành động của một người hòa hợp với Đạo.

- Phật giáo: Tập trung vào việc tuân thủ giới luật và sống đăc đạo như một Bồ Tát, nhấn mạnh thực hành đạo đức và lòng từ bi của Đức Phật.

- Nho giáo: Nhấn mạnh vào sự nhân nghĩa và hiếu thảo, nhấn mạnh các giá trị đạo đức và nghĩa vụ xã hội

Triết lý của Trần Nhân Tông không chỉ là sự kết hợp các học thuyết khác nhau mà là sự nhận thức về “sự không” phổ quát làm nền tảng cho tất cả các con đường tu hành tâm linh. Bằng cách nuôi dưỡng một tâm trí và tấm lòng cởi mở, ông đã minh chứng rằng sự thông thái và giác ngộ thực sự xuất phát từ việc chấp nhận tính tương tục của mọi thứ dựa trên cái “không”. Cách tiếp cận này khuyến khích con người tìm kiếm sự cân bằng và hài hòa thực sự trong mọi khía cạnh của cuộc sống, bất kể môi trường hoặc hoàn cảnh của họ bằng cách tạo ra không gian cho mọi thứ phát triển và nhận ra bản chất của chúng.

Triết lý cởi mở của Trần Nhân Tông có thể được tinh chỉnh thành châm ngôn đầu tiên (cách hành động) “cư trần lạc đạo” (居塵樂道) [10, tr.510]. Châm ngôn này gợi ý rằng cách sống của một người nên cởi mở và hài hòa đến mức nó không can thiệp vào sự phát triển tự nhiên của những thứ khác. Điều này phù hợp với triết lý Đạo gia của “vô vi” nơi hành động được thực hiện phù hợp với dòng chảy tự nhiên mà không ép buộc hoặc áp đặt. Trần Nhân Tông nhấn mạnh tầm quan trọng của sự khiêm nhường và không cố chấp vào cái riêng (nhất là cái tôi). Trạng thái “không” này không ngụ ý sự thụ động hay không hoạt động, mà là một sự tham gia tích cực với thế giới theo cách không gây rối loạn và hài hòa. Nó gợi ý một cách

tồn tại hoàn toàn hiển lộ nhưng vẫn để lại không gian cho người khác phát triển và thịnh vượng. Sự hòa nhập này không chỉ là về việc chấp nhận và kết nối với những người và sự việc xung quanh, mà còn là khả năng điều chỉnh hành động của bản thân để phù hợp với hoàn cảnh mà không làm thay đổi nó. Điều này dẫn đến một trạng thái cân bằng và hòa hợp, nơi mọi người và mọi thứ có thể phát triển một cách tự nhiên và hiệu quả. Trần Nhân Tông, qua triết lý này, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ cho chính mình cởi mở và linh hoạt, đồng thời tôn trọng và hỗ trợ sự phát triển của môi trường và những người xung quanh, từ đó tạo ra một sự tồn tại hài hòa và đầy ý nghĩa.

Hơn nữa, triết lý “hòa quang đồng trần” của ông nhấn mạnh việc tìm kiếm sự thỏa mãn trong sự thuần nhất của tồn tại, nhấn mạnh sự bình yên nội tâm và sự hài lòng xuất phát từ việc hòa hợp với Đạo hơn là đấu tranh chống lại nó. Cách tiếp cận này khuyến khích sự linh hoạt và khả năng thích ứng, nhận ra rằng mỗi tình huống đều mang lại một khoảng không cho sự phát triển và thúc đẩy một tư duy mở với sự thay đổi và đáp ứng nhu cầu của thời điểm.

Châm ngôn thứ hai có thể được hình thành dựa trên quan điểm của Trần Nhân Tông là “đối cảnh vô tâm” (對境無心) [10, tr.510]. Châm ngôn “Đối diện với thế giới bằng tâm không” cho thấy ông đã kết hợp triết lý Thiền và Đạo giáo trong việc tu hành tâm linh và hành xử giữa các cá nhân một cách toàn diện. Nguyên tắc này là một lời kêu gọi không bám víu và không can thiệp vào thế giới bên ngoài từ một chủ thể có những sở thích và thiên vị cá nhân. Trần Nhân Tông muốn có “tâm không” - sự khiêm tốn và cởi mở của tâm trí đối với cuộc sống để cho mỗi thực thể theo đuổi con đường của mình theo bản chất của nó. Do đó, có sự hòa bình bên trong và sự tôn trọng sâu sắc đối với sự tự chủ và sự phát triển của tất cả các thực thể trong một sự tồn tại không thể tách rời. Một lần nữa, như chúng ta có thể thấy, đây là một quan điểm đại diện cho tư tưởng “vô vi”, theo đó được coi rằng sự khôn ngoan và hòa hợp thực sự không thể được thiết lập bằng sự cố gắng chủ động; thay vào đó, nó đến thông qua sự không can thiệp vào cách mọi thứ đang diễn ra.

Hơn nữa, châm ngôn “đối cảnh vô tâm” của Trần Nhân Tông không chỉ nhấn mạnh sự khiêm nhường và không bám víu vào cái tôi cá nhân mà còn phản ánh một sự cởi mở sâu sắc, vốn có liên quan mật thiết đến sự tin tưởng vào sự tồn tại và vào cái “không phải tôi” bên ngoài. Sự cởi mở ở đây không chỉ đơn thuần là một trạng thái thụ

động mà là một sự tin tưởng tích cực vào “Đạo”. Điều này có nghĩa là chấp nhận và tin tưởng vào quá trình tự nhiên và sự phát triển của mọi thứ mà không cố gắng kiểm soát hay can thiệp. Khi Trần Nhân Tông kêu gọi “tâm không”, ông đang chỉ ra một sự buông bỏ không chỉ của cái tôi cá nhân mà còn của những mong muốn và quan điểm chủ quan. Cởi mở theo nghĩa này bao gồm một sự tin tưởng sâu sắc vào cái “không phải tôi” – tức là những yếu tố và quy luật bên ngoài mà chúng ta không thể kiểm soát nhưng vẫn phải tôn trọng và đồng thuận với chúng. Sự tin tưởng này có thể làm cho tâm trí trở nên trống rỗng, không bị chi phối bởi những thành kiến cá nhân, vì khi ta để cho sự tin tưởng vào sự tồn tại và quy luật bên ngoài dẫn dắt, tâm trí của chúng ta trở nên rỗng rang và sẵn sàng tiếp nhận mọi sự biến đổi của cuộc sống.

Theo đó, châm ngôn này còn hàm ý một điều sâu xa rằng, nếu lòng ta sáng trong và công chính, nhưng người khác không theo, thì hãy cứ để mọi thứ tự diễn biến. Nếu lòng ta thực sự tốt, ắt sẽ hữu xạ tự nhiên hương, sẽ cảm hóa được người khác một cách tự nhiên. Một khi lòng ta sáng trong, nghĩa là ta sống và hành động dựa trên sự tôn trọng sự phát triển của người khác, thì điều tốt đẹp tự nhiên sẽ biểu lộ, thu hút và cảm hóa người khác. Người ta sẽ tự nguyện theo vì chính bản thân họ nhận thấy giá trị và ý nghĩa trong đó. Còn nếu cứ cố theo người khác, ta sẽ đánh mất chính mình. Còn nếu cứ bắt buộc người khác phải theo, thì ta cũng đánh mất đi sự công chính vốn có. Đây chính là một định hướng cho chúng ta để điều hướng xung đột bằng cách cho cái riêng của bản thân hóa thành cái chung của tất cả mọi người, cuối cùng thúc đẩy một sự hòa hợp sâu sắc và bền vững hơn.

### 03. Triết lý Ngoại giao cây tre

Nếu chúng ta hiểu “ngoại giao” như nghệ thuật đàm phán và xây dựng mối quan hệ quốc tế thông qua việc thúc đẩy hợp tác, sự hiểu biết lẫn nhau trên cơ sở tôn trọng và lợi ích chung, chúng ta có thể thấy triết lý của Trần Nhân Tông có những giá trị sâu sắc. Triết lý của ông cho thấy rằng ta không nên can thiệp quá mức, kể cả khi ta bất lợi, mà hãy kiên trì theo đuổi sự hài hòa cho các mối quan hệ. Điều này phù hợp với nguyên tắc không can thiệp vào công việc của bất kỳ quốc gia nào khác, bằng cách đó mọi quốc gia đều tôn trọng chủ quyền và sự phát triển tự nhiên của quốc gia khác, do đó góp phần xây dựng môi trường quốc tế cân bằng và

hợp tác hơn. Thêm vào đó, triết lý của Trần Nhân Tông còn gợi ý tiếp cận các mối quan hệ quốc tế với phương châm cởi mở, qua đó tích cực thúc đẩy việc mỗi quốc gia được tự do theo đuổi con đường phát triển chính đáng của mình. Nó làm nổi bật khía cạnh linh hoạt và khả năng thích ứng trong ngoại giao, rằng mỗi quốc gia đều đặc biệt trong hoàn cảnh và khả năng phát triển của mình. Sự công bằng đối với tất cả các quốc gia và tôn trọng sự phát triển của họ là những khía cạnh quan trọng của một cộng đồng thế giới hòa bình và ổn định hơn. Những nguyên tắc này, khi được áp dụng trong thực tiễn ngoại giao, thúc đẩy tư duy khiêm nhường, không can thiệp và cởi mở để duy trì các mối quan hệ quốc tế hòa bình và xây dựng. Do đó, triết lý ngoại giao dựa trên Trần Nhân Tông thực sự mang lại một giá trị sâu sắc về cách đạt được sự hài hòa và cân bằng trong bối cảnh phức tạp của các mối quan hệ quốc tế.

Triết lý ngoại giao hiện nay của Việt Nam, được gọi là Ngoại giao cây Tre, là một sự phát triển giá trị này ở trình độ cao hơn. Nó dựa trên nguyên tắc “gốc vững thân chắc cành uyển chuyển”. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu:

“Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, “tùy cơ ứng biến”, “lạt mềm buộc chặt!” [9, tr.184]

Như đã trích dẫn, cần nhắc đầu tiên chúng ta phải có là đối với độc lập và lợi ích quốc gia của mình. Mặc dù điều này là quan trọng hàng đầu, nó không có nghĩa là chúng ta chỉ quan tâm đến ích lợi của mình. Đó là vì việc bỏ qua lợi ích quốc gia của bản thân mình có thể tạo ra một “tiền lệ xấu” và một hình ảnh không đáng tin cậy cho các quốc gia khác, do đó khuyến khích việc vi phạm lợi ích quốc gia. Ngoài ra, bảo vệ lợi ích quốc gia của chúng ta cũng bao gồm việc bảo vệ các quy định quốc tế và thực sự tôn trọng độc lập và lợi ích của các quốc gia khác. Điều này sẽ trợ giúp đáng kể sự hiểu biết của chúng ta về việc khi nào nên cứng và khi nào nên mềm. Như Lão Tử và Trần Nhân Tông đã ám chỉ, điều này là về mở không gian để cho phép mỗi quốc gia phát triển theo cách riêng của mình. Chúng ta tôn trọng sự phát triển của nước khác để thúc đẩy sự phát triển của mình. Điều này không chỉ là khẩu hiệu đầu môi mà đó phải là chiến lược xuyên suốt. Hiểu rõ bản chất của

trật tự quan hệ quốc tế và đối xử khéo léo nhưng khôn ngoan với các quốc gia khác, chúng ta đặt mình vào vị trí để được bao quanh bởi một môi trường mà tất cả các bên sẽ đều thịnh vượng. Triết lý như vậy dẫn đến một trật tự quốc tế ổn định, hài hòa mà không làm suy yếu chủ quyền hoặc sự phát triển của các quốc gia khác trong khi vẫn đảm bảo được lợi ích quốc gia riêng. Nguyên tắc này, rút ra từ tư tưởng lớn của Lão Tử và Trần Nhân Tông, đang dẫn dắt nỗ lực ngoại giao của chúng ta đến một cộng đồng toàn cầu hòa bình và hợp tác, đảm bảo đầu vào cho việc hoạch định các hành động của chúng ta trong bối cảnh quốc tế phức tạp và rất căng thẳng hiện nay.

Tất nhiên, hình thức ngoại giao này thường được coi là chiến lược “kiềm chế” và đôi khi bị chỉ trích vì “giữ khoảng cách”. Carl Thayer đã phát biểu “Ngoại giao cây tre thực chất là việc Việt Nam duy trì quyền tự chủ, độc lập và không liên kết. Nhưng bây giờ thế giới phân cực hơn bao giờ hết và tôi nghĩ rằng ngày càng khó để đứng ngoài cuộc” (trích theo 2). Tuy nhiên, lập luận này có phần thiếu sót. Vấn đề chính không phải là thế giới phân cực như thế nào mà là cách mỗi quốc gia hành xử với các quốc gia khác có để lại không gian để tất cả đều có thể phát triển một cách tự chủ hay không. Quan điểm của Thayer đánh giá thấp chiều sâu chiến lược của Ngoại giao Cây Tre. Cách tiếp cận ngoại giao này không chỉ là tránh liên kết mà là tạo ra sự cân bằng cho phép sự tôn trọng và tồn tại cùng nhau. Ngoại giao Cây Tre nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp, chứ không phải “kiềm chế”. Điều này có nghĩa rằng, Việt Nam luôn kiên trì không ngừng tạo ra cho mỗi quốc gia không gian để theo đuổi con đường phát triển của riêng mình. Theo đó, lợi ích của Việt Nam luôn thống nhất với lợi ích chung toàn cầu, và do đó, việc đảm bảo cho lợi ích của Việt Nam cũng có nghĩa là góp phần vào việc đảm bảo cho lợi ích chung toàn cầu. Trong chừng mực như thế, Việt Nam hoàn toàn chính đáng trong việc đảm bảo lợi ích của mình trên trường quốc tế. Thế nên, nếu Việt Nam chọn phe, Việt Nam sẽ tách khỏi lợi ích chung toàn cầu, không vì lợi ích của toàn nhân loại và do đó việc đảm bảo lợi ích cho Việt Nam sẽ khó khăn hơn bao giờ hết, nhất là về tính chính đáng.

Như thế, khẳng định rằng việc đứng ngoài sự phân cực toàn cầu ngày càng khó khăn đã bỏ qua khả năng thích ứng vốn có trong Ngoại giao Cây Tre. Cách tiếp cận này là về sự linh hoạt và sáng tạo, nhưng kiên cường và bền bỉ. Bằng cách hiểu thời gian và bối cảnh của quan hệ quốc tế, Việt Nam có thể điều hướng những phức tạp mà

không nhất thiết phải liên kết với các khối phân cực. Nguyên tắc của Ngoại giao Cây Tre là “biết khi nào nên mềm và khi nào nên cứng” cho phép sự tham gia tinh tế và linh hoạt với thế giới. Tôn trọng quyền tự chủ của mỗi quốc gia và trật tự quan hệ quốc tế hiện thời không phải là một lập trường thụ động mà là một chiến lược chủ động để thúc đẩy hòa bình và ổn định lâu dài. Điều này đảm bảo rằng sự tham gia dựa trên sự tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau thay vì sự cưỡng chế hoặc thống trị. Nó bảo vệ sự độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam trong khi thúc đẩy một mô hình ngoại giao có thể giảm bớt xung đột và tăng cường hợp tác quốc tế.

Sự tham gia tích cực của Việt Nam trong các cơ chế và diễn đàn khu vực và toàn cầu cho thấy rằng triết lý Ngoại giao cây tre luôn đi đầu trong các xu hướng toàn cầu trong khi phục vụ lợi ích quốc gia một cách thuận lợi nhất. Điều này đã dẫn đến một số thành tựu đáng kể trong việc phát huy hiệu quả cũng như chiều sâu chiến lược của nó. Một trong những thành tựu nổi bật là việc Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia vào các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, ASEAN, APEC, và WTO. Việc đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN và thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc trong một số năm đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia.

Trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, thúc đẩy hợp tác kinh tế, chính trị, và văn hóa giữa các quốc gia thành viên. Sự kiện Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 36 (2020) và các hội nghị liên quan không chỉ khẳng định vai trò lãnh đạo mà còn thể hiện sự chuẩn bị kỹ lưỡng và khả năng ứng phó linh hoạt của Việt Nam trước những thách thức khu vực và toàn cầu.

Việt Nam cũng đã đạt được nhiều tiến bộ trong quan hệ đối ngoại với các cường quốc thế giới. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, và Hàn Quốc đã được củng cố và mở rộng, mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, an ninh và khoa học công nghệ. Đặc biệt, việc nâng cấp quan hệ với Hoa Kỳ lên thành đối tác chiến lược toàn diện đã mở ra một chương mới trong mối quan hệ song phương, với sự gia tăng mạnh mẽ trong hợp tác kinh tế, giáo dục, y tế và an ninh - quốc phòng.

Sự tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, và RCEP đã thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, tạo ra cơ hội lớn cho xuất khẩu,

thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam. Những hiệp định này không chỉ giúp Việt Nam đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống, mà còn tạo động lực cho việc cải cách kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh trong nước. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã chứng minh vai

trò tích cực trong các vấn đề toàn cầu như bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, và tham gia vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc. Sự cam kết và những hành động cụ thể trong các lĩnh vực này đã góp phần nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế.

## 05. Kết luận

Từ chiều dài của các nguyên lý triết học của Lão Tử qua sự kết hợp của Trần Nhân Tông về Thiền và Đạo giáo cuối cùng đến Ngoại giao Cây Tre của Việt Nam đương đại, tất cả đã chỉ ra sự liên tục sâu sắc trong tư tưởng và thực hành. Triết lý của Lão Tử về “hòa quang đồng trần” là lời kêu gọi sự khiêm nhường, không can thiệp và hài hòa các yếu tố với trật tự tự nhiên. Trần Nhân Tông đã phát triển thêm với lời kêu gọi mở lòng và trí tôn trọng quyền tự chủ của mọi thực thể cũng như tầm quan trọng của sự chuyển hóa các nguyên tắc và khả năng thích ứng.

Ngoại giao Cây Tre tương ứng với việc áp dụng theo nghĩa hiện đại các nguyên tắc vĩnh cửu đã nói ở trên, đạt được sự cân bằng giữa sự vững chắc và linh hoạt. Nó mang lại một chính sách ngoại giao độc lập và tự cường nhưng vẫn linh hoạt và tôn trọng bối cảnh quốc tế. Điều này đã mang lại cho Việt Nam sức mạnh để di chuyển giữa các trở lực phức tạp của thế giới, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp và tôn trọng với các cường quốc lớn và tích cực tham gia vào các diễn đàn quốc tế.

Về cơ bản, Ngoại giao Cây Tre đại diện cho một điều gì đó vượt thời gian trong sự khôn ngoan của việc hòa quyền sức mạnh và sự khiêm nhường, vững chắc và linh hoạt, hành động và không hành động. Trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau và hợp tác, Việt Nam cũng đảm bảo một trật tự quốc tế hài hòa và cân bằng hơn trong việc theo đuổi lợi ích quốc gia.

Từ Lão Tử đến Trần Nhân Tông và đến thời hiện đại của ngoại giao đương đại, sự phát triển này rõ ràng thể hiện giá trị vĩnh cửu để đánh thức sự hiểu biết triết học trước những thách thức toàn cầu đương đại.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. W. Chan (1963): *The Way of Lao Tzu*. Indiana: Bobbs-Merrill.
2. Nguyễn Ha Vietnam's 'Bamboo' Diplomacy Hailed for Balancing Between US, China. <https://www.voanews.com/a/vietnam-s-bamboo-diplomacy-hailed-for-balancing-between-us-china/7428459.html>.
3. Nguyễn Duy Cán (1991): *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Cán (2017): *Lão Tử Tinh Hoa*, Nhà xuất bản Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh
5. Laozi (2016): *Thus Spoke Laozi: A New Translation with Commentaries of Daodejing* (C.Q. Wu, Trans.). Hawaii: University of Hawaii Press
6. Nguyễn Hiến Lê (1998): *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội
7. Nhiều Thượng Khoan (2006): *Lão Tử - Đạo Đức Kinh* (bản tiếng Trung), Trung Hoa Thư Cục, Thượng Hải.
8. Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
9. Nguyễn Phú Trọng (2023): *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
10. Viện Văn học Việt Nam (1988): *Thơ văn Lý - Trần*, tập II, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.

# PHẬT GIÁO VÀ NHÂN QUYỀN

\*TS. PHẠM THANH HẰNG

Hiện nay nhân quyền thu hút sự quan tâm đặc biệt từ Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế nhằm đem lại cho con người cuộc sống ấm no, tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Từ cấp độ quốc tế cho đến cấp độ quốc gia đều có những quy định pháp lý thừa nhận rộng rãi và đảm bảo thực thi những giá trị phổ quát của nhân quyền. Phật giáo, với tư cách là một tôn giáo lớn trên thế giới và ở Việt Nam cũng đưa ra góc tiếp cận, cách diễn giải riêng về nhân quyền, tạo cơ sở nền tảng cần thiết cho các quyền căn bản và quan trọng nhất của con người.

## Từ khóa

Phật giáo, nhân quyền, tôn giáo.

Nhân quyền hay quyền con người (human rights) là các quyền tự nhiên, thiêng liêng và bất khả xâm phạm của con người liên quan đến nhân phẩm, nhu cầu, lợi ích, năng lực của con người; vốn được tôn trọng và thừa nhận rộng rãi trong luật pháp quốc tế và luật pháp quốc gia. Đó là quyền sống, quyền tự do (tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tôn giáo), quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc, ... Trải qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, ý thức về nhân quyền và việc thực hiện nhân quyền ngày càng được nâng cao, trở thành nền tảng đạo đức của toàn nhân loại.

## 01. Vấn đề nhân quyền trong luật pháp quốc tế và luật pháp quốc gia

Những tiến bộ và thành tựu trong việc đảm bảo nhân quyền là kết quả của cuộc đấu tranh đầy cam go giữa các dân tộc bị áp bức chống lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, thực dân; giữa người dân lao động chống lại sự áp bức của chế độ phong kiến, tư bản.

Trong thời kỳ chiếm hữu nô lệ, người nô lệ không được thừa nhận các quyền con người cơ bản

## Nhận bài

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

nhất vì họ vốn không được coi là con người. Thời kỳ phong kiến có một số bước tiến quan trọng so với thời kỳ trước trong việc giành quyền tự do và giải phóng con người. Nhưng phải đến thời kỳ cách mạng tư sản, cùng với việc giai cấp tư sản giương cao ngọn cờ nhân quyền gắn với tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, các quyền con người mới chính thức được thực sự ghi nhận trong các văn kiện có tính pháp lý như Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ năm 1776, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp năm 1791, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản năm 1848, ... Tuy nhiên, cần lưu ý, nhân quyền trong cách mạng tư sản là các quyền gắn với dân sự, chính trị mà coi nhẹ các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Cách mạng tháng 10 Nga mở ra nội hàm mới về nhân quyền, đó là các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Đặc biệt, từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển thêm các nội dung của nhân quyền gắn với các quyền tập thể như quyền dân tộc cơ bản; quyền dân tộc tự quyết; quyền bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc; quyền được sống trong hòa bình; quyền phát triển;...[4].

Cùng với những bước tiến quan trọng trong nhận thức về vấn đề nhân quyền, từ phương diện pháp lý ở cấp độ quốc tế, để đảm bảo thực hiện

nhân quyền, hai văn kiện quốc tế quan trọng đầu tiên đã được công bố là Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 và Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền năm 1948. Hiến chương Liên hợp quốc quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy các quyền tự do cơ bản của con người. Đến Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền, những chuẩn mực chung có tính ràng buộc cho tất cả quốc gia, dân tộc về quyền con người đã được xác lập để từ đây quyền con người được pháp điển hóa trong một loạt các văn bản như Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966. Hai Công ước về quyền con người quy định cụ thể các nhóm quyền con người về dân sự, chính trị; kinh tế, xã hội và văn hóa; tạo xương sống vững chắc cho luật pháp quốc tế về nhân quyền.

Ngoài các văn bản pháp lý nói trên, Liên hợp quốc kể từ khi được thành lập vào năm 1945 đã thông qua nhiều công ước, tuyên bố nhằm tập trung bảo vệ quyền tự do cơ bản của con người trên nhiều lĩnh vực như ngăn ngừa phân biệt đối xử, xóa bỏ chế độ nô lệ, lao động cưỡng bức; bảo vệ quyền của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, lao động nhập cư; bảo đảm tự do thông tin, tự do hiệp hội;... [1, tr.19].

Xem xét các văn kiện quốc tế về nhân quyền, có thể thấy, vấn đề quyền con người về cơ bản được chia thành hai nhóm: các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Các quyền dân sự, chính trị chủ yếu bao hàm quyền sống, tự do và an toàn cá nhân; quyền tự do đi lại, cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia; quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân; quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo; quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền tự do ngôn luận; quyền tự do hội họp và lập hội một cách hòa bình;... Các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội bao gồm quyền làm việc và quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp; quyền nghỉ ngơi và thư giãn; quyền được học tập; quyền được tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng;...

Ở cấp độ quốc gia, để thúc đẩy thực hiện nhân quyền, trong Hiến pháp Việt Nam (từ Hiến pháp năm 1946 cho đến Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 và gần đây nhất là Hiến pháp năm 2013) đều có những điều khoản ghi nhận và bảo đảm vấn đề nhân quyền. Đáng lưu ý nhất là Hiến pháp năm 2013 với những điểm sáng nổi bật liên quan đến vấn đề nhân quyền, trong đó bổ sung và phát triển thêm nhiều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Nhìn chung, Hiến pháp năm 2013 đã tách bạch khá rạch ròi giữa “quyền con người” và “quyền công dân” đồng thời bổ sung ghi nhận thêm một số quyền mới như quyền sống; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư; quyền được sống trong môi trường trong lành. Những quy định mới trong Hiến pháp năm 2013 hoàn toàn phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, thể hiện nhận thức ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn về quyền con người và quyết tâm cao của Việt Nam trong việc thực hiện quyền con người.

Sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành và có hiệu lực, để phù hợp, tương thích với Hiến pháp năm 2013, Quốc hội đã tiến hành chỉnh sửa, bổ sung nhiều văn bản luật, pháp lệnh liên quan đến quyền con người và quyền công dân, trong đó có các Luật cơ bản như Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Luật Trưng cầu dân ý năm 2015, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Đặc xá năm 2018, Luật An ninh mạng năm 2018, Bộ luật lao động năm 2019, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam,...

Việc hoàn thiện khung pháp lý về quyền con người và quyền công dân phản ánh rõ bản chất của Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân với cách tiếp cận quyền con người ngày càng tiến bộ, hiện đại, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Nhìn chung, nguyên tắc cơ bản trong pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền con người gồm nguyên tắc dân tộc tự quyết, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, nguyên tắc bình đẳng giới,...

Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam đã tham gia ký kết hầu hết các Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người như Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (gia nhập ngày 24/9/1982); Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội năm 1966 (gia nhập ngày 24/9/1982); Công ước quốc tế về loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 (gia nhập ngày 17/02/1982); Công ước quốc tế về loại trừ các hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965 (gia nhập ngày 09/6/1981); Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 (gia nhập ngày 28/2/1990); Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật năm 2006 (gia nhập ngày 20/10/2007);... [2, tr.48 – 49].

Ngoài ra, Việt Nam cũng tham gia nhiều công ước quốc tế khác liên quan đến việc bảo vệ quyền con người và luật nhân đạo quốc tế như Nghị định thư bổ sung Công ước Geneva về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột quốc tế (gia nhập ngày 28/8/1981); Công ước quốc tế về ngăn ngừa và trừng trị tội ác diệt chủng năm 1948 (gia nhập ngày 09/6/1981); Công ước quốc tế về ngăn chặn và trừng trị tội ác Apartheid năm 1973 (gia nhập ngày 09/6/1981); Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 (gia nhập ngày 08/6/2012);...[5].

Sau khi gia nhập vào các công ước quốc tế về nhân quyền, bên cạnh việc thực hiện nghiêm túc các nội dung của luật định, Việt Nam còn nỗ lực trong việc nội luật hóa các quy định đó trong luật pháp quốc gia, bao gồm việc thực thi các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp để đảm bảo quyền con người trên thực tế; xây dựng các chương trình quốc gia và thúc đẩy hợp tác quốc tế để thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người.

## 02. Tư tưởng nhân quyền trong giáo thuyết của Phật giáo

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới, cũng là tôn giáo có sức ảnh hưởng sâu sắc ở Việt Nam với số lượng tín đồ đông đảo nhất hiện nay. Vậy Phật giáo có đóng góp gì trong việc bảo đảm và thực thi nhân quyền trên thế giới và ở Việt Nam? Trên thực tế, mặc dù trong giáo thuyết của Phật giáo không bàn luận trực tiếp đến các khái niệm “nhân quyền” hay “quyền tự do” với nội hàm hiện đại như ngày nay nhưng trong đó chứa đựng nhiều nội dung tương thích, phù hợp với vấn đề bảo đảm và thúc đẩy quyền con người trong xã hội mới. Khai thác những nội dung sâu xa trong giáo thuyết của Phật giáo một mặt giúp chúng ta nhìn nhận đầy đủ hơn những giá trị phổ quát của vấn đề nhân quyền gắn với lương tâm, phẩm giá của con người, mặt khác cũng thấy rõ được nét độc đáo trong cách tiếp cận của Phật giáo đối với vấn đề nhân quyền. Và do đó, việc lý giải đúng và thực hành theo Phật pháp cũng là một con đường, một cách thức để thực hiện quyền con người theo tinh thần dân chủ hiện đại trong xã hội ngày nay.

Trước tiên, tôi muốn đề cập đến quyền được sống là quyền cơ bản và quan trọng nhất của con người. Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền năm 1948 khẳng định: “Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân”. Tiếp đó, Công ước quốc

tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 nhấn mạnh: “Mọi người đều có quyền cố hữu là quyền được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước quyền sống một cách tùy tiện”. Ở khía cạnh này, Phật giáo luôn tôn trọng sự sống của muôn loài. Trong Ngũ giới của Phật giáo, giới đầu tiên là “giới sát”, tức là không được giết hại sinh mệnh, từ loài người cho đến loài vật bởi sinh mệnh là một giá trị quý báu, giết hại sinh mệnh là một tội ác, không phù hợp với đạo lý. Phật giáo quan niệm, sự sống của muôn loài đều quý giá như nhau. Nếu như chúng ta coi trọng sinh mệnh của mình thì tại sao lại muốn chà đạp lên sinh mệnh của người khác hay loài khác. Bởi lẽ công bằng, điều ta không muốn ai làm cho ta thì cũng đừng làm cho người khác, loài khác. Trong Kinh Pháp Cú, Phật dạy rằng: “Ai ai cũng sợ gươm đao; ai ai cũng sợ sự chết; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết”. Và vì thế, hãy coi trọng sinh mệnh của con người, của vạn vật, của môi trường sống như chính sinh mệnh của mình.

Thực hiện theo giới sát trong giáo luật của Phật giáo chính là để nuôi dưỡng lòng từ bi, tránh sinh tâm sát hại, ươm mầm cho tình yêu thương trong mỗi tâm hồn chúng ta và để tránh tạo nghiệp ác, tránh nhân quả báo ứng oán thù. Xét trên phương diện cá nhân, Phật giáo nhìn nhận, một người dù trong tâm tưởng hay trong thực tiễn đời sống nếu biết tôn trọng sự sống, không tàn nhẫn đi giết hại người khác, không để kẻ khác giết hại mình và không tán đồng với bất cứ hành động giết hại, gây đổ máu nào trên thế giới, thì thân tâm họ luôn được nhẹ nhàng, thanh thản, tất họ sẽ được sống an yên, hạnh phúc. Xét từ phương diện xã hội, nếu tất cả nhân loại đều giữ đúng giới luật này của Phật giáo thì thế giới sẽ không có đao binh, chiến tranh, xung đột; thiên hạ sẽ thái bình, phồn thịnh.

Rõ ràng, nguyên tắc đạo đức căn bản này của Phật giáo để cao nhân quyền, góp phần duy trì quyền không bị giết hại và không bị bạo lực, đồng thời nuôi dưỡng tâm từ bi để không gây tổn hại cho mỗi cá nhân con người và cộng đồng xã hội. Những ý tưởng về an toàn tính mạng và các nguyên tắc hòa bình gắn với bất bạo động đều được phản ánh sâu sắc trong giáo thuyết của Phật giáo.

Quyền tự do cũng là nội dung quan trọng được đề cao theo tinh thần của Phật giáo. Phật giáo luôn coi trọng nỗ lực tự thân của con người, khuyến khích con người tự do suy nghĩ để đạt tới sự giác ngộ, hiểu biết được chân lý của cuộc đời và tự do hành động để bước đi trên con đường tự giải thoát cho chính mình. Phật giáo quan niệm, con người

tự tạo nghiệp cho mình nên con người phải tích tụ đủ nghiệp thiện để giải thoát cho mình. Sau khi đắc đạo, Đức Phật dạy các đệ tử rằng: “Này các Tỳ-kheo, bây giờ chư vị và ta tự do, giải thoát khỏi những sự trói buộc của chư thiên và loài người”. Điều này có nghĩa rằng, con đường tu tập mà Đức Phật chỉ dạy hoàn toàn không phải là con đường áp đặt, chịu sự ràng buộc mang bản chất thiên đường, phụ thuộc vào sức mạnh siêu nhiên của một vị thần, Phật hay bất cứ một vị đạo sư nào khác mà đó là sự tự do ý chí, tự do tư tưởng, tự do rèn luyện mình về “thân, khẩu, ý” để thoát ra khỏi bóng tối của “vô minh” và ngọn lửa “khát ái” trong dục vọng của mỗi người. Đức Phật luôn đặt niềm tin vào quá trình tu luyện để đạt tới sự giải thoát của mỗi người, rằng “Ta là Phật đã thành còn chúng sinh là Phật sẽ thành”. Phật dạy: “Hỡi các đệ tử! Hãy tự mình làm ngọn đèn soi sáng cho chính mình, hãy tự tạo cho mình một chỗ nương tựa và đừng nương tựa vào ai khác ngoài bản thân mình” vì trong mỗi người đều có Phật tính, đều đang đi trên con đường giải thoát. Nếu không tu luyện thân tâm, bụi vô minh, tham dục sẽ che lấp Phật tính. Ngược lại, nếu thường xuyên tu dưỡng thân tâm, đoạn trừ vô minh, tham dục thì ngọn đèn Phật tính sẽ được phát sáng, càng lúc càng sáng, càng trong.

Phật còn khuyến tín đồ lấy nỗ lực của bản thân để giải thoát là chính, không được ỷ lại vào lý thuyết của ông. Ông nói: “Hỡi các đệ tử! Hãy coi giáo lý của ta như cái bè qua sông, đừng coi nó như món sở hữu riêng của mình. Phải sử dụng giáo lý của ta như cái bè. Nếu có người nào đó có cái bè mà không qua sông thì cái bè của ta chỉ là một vật vô dụng”. Quá trình giải thoát nhanh hay chậm là tùy thuộc vào sự tu dưỡng của mỗi chúng sinh nhanh hay chậm chứ hoàn toàn không lệ thuộc vào bất cứ điều gì khác hay lực lượng nào khác. Lúc này, Đức Phật và giáo thuyết của ông chỉ có vai trò quan trọng duy nhất trong việc chỉ dẫn, hướng đạo để con người rời bỏ những mê lầm, tăm tối của cuộc đời, bước đi trên con đường chân chính, nhanh chóng giác ngộ, đạt tới sự giải thoát và cõi Niết Bàn an lạc. Theo cách ấy, Phật giáo là tôn giáo của tự do bởi nó định hướng con người tự giác tu tập, rèn luyện tâm thức, hành động theo lương tâm, đạo đức, luân lý và phát huy trí tuệ để phát triển cá nhân.

Thật vậy, quyền tự do trong quan điểm của Phật giáo còn được phản ánh ở thái độ khoan dung, hòa hợp với các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Đương thời, khi còn tại thế, Đức Phật luôn chủ trương “Hãy chấp nhận chân lý bất cứ khi nào chân lý ấy có giá trị. Hãy ủng hộ tất cả mọi người

không phân biệt tôn giáo của họ”. Đức Phật không tuyên bố rằng Phật giáo là tôn giáo chân chính duy nhất, rằng Ngài là đạo sư chân chính duy nhất, và rằng ai tin theo học thuyết của Ngài, sùng bái Ngài, cầu nguyện Ngài thì người đó sẽ được cứu rỗi và sẽ đạt đến chốn Thiên Đường hay cõi Niết Bàn sau khi chết. Đức Phật cũng không bao giờ xem thường người sáng lập của các tôn giáo, tín ngưỡng khác hay phủ nhận, có thái độ thù địch với các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Ông dạy đệ tử, “tôn trọng những ai xứng đáng được tôn trọng”. Một người dù theo tôn giáo, tín ngưỡng này hay tôn giáo, tín ngưỡng khác hoặc thậm chí là không theo tôn giáo, tín ngưỡng nào, nhưng nếu họ sống đạo đức, thánh thiện, chính nghĩa thì họ xứng đáng được trân trọng và tôn kính theo quan điểm của Phật giáo [3]. Ở đây, tự do lựa chọn tôn giáo, tín ngưỡng trong bối cảnh đa dạng truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, đa dạng niềm tin, đức tin đã được khẳng định rõ nét trong tư tưởng khoan dung của Phật giáo.

Cuối cùng, quyền bình đẳng là quyền cơ bản của con người đã được xác lập và bảo vệ từ rất sớm trong giáo thuyết Phật giáo bởi đây là tiền đề quan trọng cho sự hình thành của Phật giáo. Trước bối cảnh xã hội Ấn Độ cổ đại đầy rẫy áp bức, bất công và sự kỳ thị, phân biệt đẳng cấp, Đức Phật vốn xuất thân từ tầng lớp quý tộc cao quý đã từ bỏ địa vị, danh lợi, từ bỏ chốn hoàng cung xa hoa để đi tìm con đường chân lý, sáng lập ra Phật giáo với tôn chỉ, mục đích tối thượng là giải thoát, giải thần quyền, cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh. Ông kịch liệt phản đối quan niệm sai lầm của đạo Bà la môn gắn với việc bảo hộ vững chắc chế độ phân biệt đẳng cấp khắc nghiệt trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ. Ông phủ nhận việc con người từ khi sinh ra đã được quy định thuộc về một đẳng cấp nhất định và do đó sẽ phải gánh chịu số phận, địa vị, nghĩa vụ khác nhau. Đức Phật khẳng định “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có hận thù trong giọt nước mặn cùng mặn”.

Đức Phật cất nghĩa sự hình thành của con người là xuất phát từ 5 yếu tố gọi là “ngũ uẩn”, đó thực chất là sự hội tụ, kết hợp của các yếu tố vật chất (sắc uẩn) và tinh thần (thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn). Khi ngũ uẩn hợp lại thì hình thành nên con người, khi ngũ uẩn tan ra thì không còn con người tồn tại. Sống chết là do sự hợp tan của “ngũ uẩn”. Có sinh, ắt có tử, đó là quy luật chung của con người, không ai tránh khỏi quy luật đó. Nhìn rộng ra thế giới vạn vật, mọi sự vật, hiện tượng sinh ra hay mất đi đều bởi “nhân duyên”, nhân duyên hòa hợp thì sự vật, hiện tượng được tạo thành, nhân

duyên tan rã thì sự vật, hiện tượng tan biến. Từ góc độ bình đẳng trong Phật giáo, có thể thấy, thế giới vạn hữu luôn có mối liên hệ, ràng buộc lẫn nhau, mỗi cá thể không thể tồn tại độc lập, tách rời với thế giới mà luôn phụ thuộc lẫn nhau, tương hỗ và hòa nhập lẫn nhau. Và do đó, hãy loại bỏ sự khác biệt, thu hẹp dần khoảng cách, đối xử bình đẳng với nhau, giảm bớt sự thù hằn, xung đột, thực hiện nguyên tắc đạo đức “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”, “bảo vệ người khác là bảo vệ chính mình” để cùng chung sống hòa bình, yêu thương, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Hơn nữa, quan niệm bình đẳng của Phật giáo còn được lý giải từ việc, trong bản chất của con người đều đã có sẵn Phật tính. Đó chính là tính giác ngộ, là hòn ngọc sáng trong mỗi con người. Do tam độc “tham, sân, si”, do những nỗi ám ảnh về ham muốn vật chất và những thứ hào nhoáng, danh lợi bên ngoài mà dẫn con người đến sự tha hóa, đánh mất chính mình. Phật giáo chỉ ra con đường, cách thức để con người trở lại với Phật tính, diệt trừ “tham dục” và “vô minh”, bước trên con đường tự do, tự tại, an lạc, bình đẳng và hạnh phúc.

Như vậy, trên phương diện nhận thức luận, bình đẳng trong Phật giáo giúp chúng ta nhìn thấu được những hiện tượng phức tạp, thoát ra khỏi bóng tối của “vô minh” và lòng vị kỷ cá nhân để từ đó gieo mầm bình đẳng trong tâm và dùng hành động để gạt hái quả bình đẳng.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Tường Duy Kiên (2020): Các nhóm quyền con người trong pháp luật quốc tế, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Tôn giáo với các vấn đề về quyền con người”, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
2. Hoàng Văn Nghĩa (2020): Nội luật hóa các công ước quốc tế về quyền tự do tôn giáo và việc thực thi ở Việt Nam, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Tôn giáo với các vấn đề về quyền con người”, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. H.T. Dhammananda, Thích Quảng Bảo dịch, Phật giáo và tự do tư tưởng, <https://www.daophatngaynay.com/vn/pg-nganh/triet/khai-quat/3456-phat-giao-va-tu-do-tu-tuong.html>.
4. Đảm bảo nhân quyền trong giai đoạn hiện nay, <https://tuphap.hatinh.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/Dam-bao-nhan-quyen-trong-giai-doan-hien-nay>.
5. Việt Nam và các công ước quốc tế về quyền con người, <https://nhanquyen.vietnam.vn/post/viet-nam-va-cac-cong-uoc-quoc-te-ve-quyen-con-nguoi>.

### 03. Thay cho lời kết

Nhân quyền là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia, khu vực gắn với những giá trị chung, mục tiêu chung mà cả nhân loại đang hướng tới trong thế kỷ mới. Phật giáo với tư cách là hình thái ý thức xã hội, một bộ phận của tiểu kiến trúc thượng tầng xã hội, ra đời và phát triển cùng với những bước tiến lịch sử của văn minh nhân loại, do đó, các nguyên tắc đạo đức mà Phật giáo đề cao không hề tương phản mà hoàn toàn phù hợp với phẩm giá, lợi ích cá nhân, lợi ích xã hội và các ý tưởng về nhân quyền. Chúng ta dễ dàng tìm thấy trong giáo thuyết Phật giáo những nội dung tư tưởng hòa hợp, cộng hưởng với những khía cạnh then chốt của vấn đề quyền con người. Trong thời đại mới, dù tiếp cận ở ý nghĩa hiện đại của nhân quyền, những giá trị uyên thâm, sâu sắc chứa đựng trong triết thuyết của Phật giáo vẫn không hề bị mai một mà vẫn đang soi đường cho nhận thức và thực hành chân lý của nhân loại./.

## LỄ VU LAN BÁO HIẾU

PGS.TS TRẦN ĐĂNG SINH \*  
TS. NGUYỄN THU THỦY \*\*

Lễ Vu Lan là một trong những lễ trọng của Phật giáo Việt Nam, có ý nghĩa đặc biệt trong đời sống tinh thần của người Việt Nam nói chung và của Phật tử Việt Nam nói riêng. Ngày lễ Vu Lan được xem là ngày Cha Mẹ. Phật tử đọc kinh Báo Ân cha mẹ, nghe sư tăng bẻ trên thuyết giảng về hiếu hạnh, bốn phận của con cái, cầu chúc cho ông bà, cha mẹ được bình an. Mùa Vu Lan trở thành mùa Báo Hiếu của con cái đối với cha mẹ. Lễ Vu Lan - Báo hiếu góp phần khẳng định giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc: Đạo Hiếu, Đạo làm Người.

----- Từ khóa -----  
Lễ Vu Lan, Đạo Hiếu, Phật giáo

----- Nhận bài -----  
09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

### 01. Khái lược Lễ Vu Lan của Đạo Phật

Vu Lan theo chữ Pali là Uilambana, nghĩa tiếng Việt là “Cứu đáu huyền” (cứu nạn treo ngược). Lễ Vu Lan có nguồn gốc từ chuyện ngài Mục Kiền Liên, một đại đệ tử của Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni đã nhờ tăng đoàn hợp lực cứu Mẹ nơi hỏa ngục. Theo đó, Bà Thanh Đề, mẹ của Mục Kiền Liên khi sống đã phạm nhiều tội ác, bị qui dữ buộc hai ngón chân, treo ngược, trở thành ma đói, ma khát. Khi Mục Kiền Liên, người con hiếu thảo, nhờ tu tập đã chứng quả A La Hán và có phép thần thông, biết mẹ mình bị đày đọa, đói khát, ông xuống cõi qui để cứu mẹ. Thấy mẹ đói khát, ông dâng bát cơm cho mẹ ăn thì cơm hóa thành lửa đỏ. Thương mẹ, Mục Kiền Liên trở về hỏi Phật cách cứu mẹ. Phật dạy rằng: “Này Mục Kiền Liên, mẹ của ông do lòng tham lam độc ác đã tạo ra lỗi nặng trong nhiều kiếp, nay sinh trong ác đạo làm loại nạ qui, nên không thể một mình ông cứu độ được. Dẫu lòng hiếu thảo của ông là vô cùng lớn lao cũng không sao chuyển được hoàn cảnh, chẳng khác gì chiếc thuyền con, không thể chở được tảng đá lớn. Vậy ông phải nhờ oai thần của chư tăng trong mười phương, “thập phương chứng hội “đức lớn như biển, mới cứu độ mẹ ông được giải thoát”[4, tr.72].

Nghe lời Phật dạy, nhằm ngày rằm tháng Bảy âm lịch, Mục Kiền Liên sắm đủ lễ, rước chư tăng đến cúng dường, cứu được thân mẫu Ngài thoát khỏi kiếp nạ qui, vãng sinh về cảnh giới của chư thiên. “Này Mục Kiền Liên, đời sau, nếu có ai vì lòng hiếu thảo muốn đến đáp công ơn cha mẹ hiện tại hay quá khứ, thì cứ ngày rằm tháng Bảy làm lễ

Vu Lan cúng dường chư tăng. Nhờ công đức của chư tăng chú nguyện, cha mẹ hiện tại được tăng phúc thọ, khỏi những điều tai họa khổ não, còn cha mẹ bảy đời trước thì khỏi bị khổ nạ qui, được sinh trong cõi Nhân hay Thiên, hưởng phúc vui vẻ không cùng”. Từ đó, cứ vào ngày rằm tháng Bảy, tại các cơ sở thờ tự, Phật tử Việt Nam lại long trọng tổ chức lễ Vu Lan Báo Hiếu.

Phật tử, trước khi xuất gia tu hành đều là con của cha mẹ, chịu ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. Tri ân, báo hiếu cha mẹ là lẽ đương nhiên. Thực hiện tri ân, báo hiếu là xây dựng nền tảng đạo đức Phật giáo. Báo hiếu cha mẹ cũng là bước đầu tiên tới sự giải thoát khỏi khổ đau của Phật tử trên con đường tu tập.

### 02. Ý nghĩa của lễ Vu lan với việc thực hiện Đạo Hiếu của Phật tử Việt Nam hiện nay

Đạo hiếu của Phật tử trong lễ Vu Lan được biểu hiện trước hết trong “tâm hiếu”. Tâm hiếu là hiếu từ tâm. Phật tử có được cuộc sống trên cõi đời này là do công sinh thành của cha mẹ. Tuy nhiên, “Hiếu đạo không phải là một đặc thù của người Phật tử mà là một nghĩa vụ thiêng liêng của tất cả mọi người. Từ các đấng thánh nhân cao cả đến một người bình thường không ai là không có cha mẹ sinh ra. Chính cha mẹ tạo nên hình hài của mỗi chúng ta. Nếu không có công ơn biển cả của hai đấng sinh thành thì sao chúng ta có mặt trên cõi đời này. Cha mẹ không chỉ hy sinh một phần máu thịt cho con mà còn tốn biết bao nhiêu mồ

hôi, nước mắt để nuôi nắng, mắt bao nhiêu thì giờ và sức lực để nuôi nắng con nên người hữu ích cho xã hội. Sự hy sinh của cha mẹ là sự hy sinh không giới hạn và vô vị lợi, và hoàn toàn quên mình. Tình thương của cha mẹ dành cho con là tình thương thiêng liêng không có bất cứ một tình cảm nào trên cõi đời có thể so sánh được” [1, tr.96]. Phật tử ý thức được rằng, người làm con phải luôn nhớ giữ gìn hiếu hạnh, lấy chữ hiếu làm đầu, phải cung kính báo đền ơn sâu, phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ mình và phụng dưỡng kính thờ cha mẹ người khác cũng là phụng dưỡng, thờ kính Phật. Con cái phải làm tròn Đạo Hiếu, báo ơn cha mẹ vì:

- Công sinh thành của cha mẹ

Kinh Báo Ân Cha Mẹ nói rõ công lao sinh thành, nuôi dưỡng khó khăn, và theo đó dạy cách con cái báo đáp công ơn trời biển của cha mẹ. Mẹ đã khổ cực khi mang nặng, đẻ đau. Cha mẹ dồn hết tâm sức để sinh dưỡng lúc con còn trứng nước. Những gì tốt nhất có thể, cha mẹ đều dành cho con. Phật dạy: “Này các tỳ kheo! Có hai người mà các thầy không thể nào đền ơn cho hết được, đó là cha và mẹ. Nếu có kẻ vai trái công cha, vai phải công mẹ, đi xa ngàn dặm, cung phụng đủ mọi thức ăn, đồ mặc, chăn đệm và thuốc thang, thậm chí cha mẹ có đi tiểu tiện, đại tiện trên vai đi nữa, cũng chưa trả được ân sâu cha mẹ. Các thầy phải biết, ân cha mẹ nặng lắm, bỗng bề nuôi nắng, dưỡng dục, chăm sóc làm cho ta trưởng thành. Vì thế, mà biết ân đó khó trả” [4, tr. 74 -75].

“Cha mẹ sanh ta, mang thai mười tháng, khổ sở rất nhiều, công ơn chan chứa, nặng như núi Thái, đi lại khó nhọc, ngồi đứng không yên, tánh mạng bấp bênh, như đèn trước gió. Ăn uống không ngon, như người đau nặng, thân hình gầy yếu, tinh thần bài hoại. Đến ngày mãn nguyệt, khổ không thể nói, chẳng kể đến mình, mệt nhọc bao nhiêu, chỉ mong cho con sinh được vuông tròn. Bởi thế cho nên, ngày nay chúng ta phải nghĩ đến công đức sâu dày của cha mẹ mà lo báo ân” (Sám Pháp Mục-Liên, 135 – 136).

“Này bà-la-môn, thế nào là lữ đáng cung kính? Cha mẹ là lữ đáng cung kính, vì từ cha mẹ, chúng ta được tạo nên. Do đó cha mẹ là lữ đáng cung kính, tôn trọng và cúng dường” (Kinh Tăng Chi III. 31). Con cái phải hiếu kính với cha mẹ vì công nuôi nắng, dưỡng dục của cha mẹ là vô cùng to lớn.

Kinh Phật dạy, cha mẹ không chỉ có công sinh thành mà còn phải vất vả nuôi nắng, dưỡng dục con, lo cho ăn học, lập gia thất, lo thuốc thang khi con đau ốm.

“Cha mẹ dạy điều lễ nghĩa, cho con ăn học, giới thiệu nghề nghiệp, đưa đón đi về, cần lao chăm

chút, chẳng hề kể công. Trái trời lơ nắng, tuần trăng cuối gió, bệnh nọ chúng kia, chạy thầy lo thuốc, một mình lo lắng, chạy ngược chạy xuôi, năm canh vô vô, khi bệnh con khỏi, lòng mẹ mới yên, mong con khôn lớn, con thảo con hiền” (Kinh Báo Trọng Ân Cha Mẹ, 21-22).

“Cha mẹ là đáng đáng được cúng dường. Vì cha mẹ đã giúp đỡ con cái rất nhiều: nuôi chúng lớn, dưỡng dục nên người và giới thiệu chúng vào đời” (Kinh Tăng Chi I, 147). Trong Trường Bộ Kinh – IV, Phật dạy rằng: “Đạo làm con phải thực hiện 5 bổn phận:

- Luôn cung kính và vâng lời
- Phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ già yếu
- Giữ gìn thanh danh và truyền thống gia đình
- Bảo quản tài sản do cha mẹ để lại
- Lo tang lễ chu đáo khi cha mẹ qua đời

Người con hiếu thảo là người luôn tỏ lòng biết ơn và cố gắng để đáp lại công ơn trời biển của cha mẹ. Biết ơn và đền ơn đúng pháp là bậc chân nhân, thiện nhân. Làm con mà không biết ơn cha mẹ hoặc biết ơn mà không lo đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ là người con bất hiếu. Người như vậy sẽ bị xã hội lên án, đời sống đạo đức sẽ bị suy giảm, và đời sống về sau sẽ bị đau khổ.

“Ai thành tựu thân làm ác với cha mẹ, lời nói ác đối với cha mẹ, ý nghĩ ác đối với cha mẹ; không biết ơn, không trả ơn, sẽ tương xứng rơi vào địa ngục và hiện đời sẽ bị đau khổ” (Kinh Tăng Chi I. 637). “Phúc thay những người con hiếu kính cha mẹ, làm nhiều công đức để hiếu kính cha mẹ, vì như vậy thiên chúng sẽ được sung mãn và các A-tu-la sẽ bị giảm thiểu” (Kinh Tăng Chi I. 459–460). Trong kinh Tương Ưng I. 8, Phật cho rằng, người con hiếu thuận là là quý nhất:

Trong các loài con cái  
Hiếu thuận là tối thắng.

Việc hiếu kính cha mẹ hạnh phúc tốt lành nhất trong các hạnh phúc của con người:

“Sự phụng dưỡng mẹ cha  
Là hạnh phúc lớn nhất”

Hình ảnh hiếu dưỡng cha mẹ đúng pháp không chỉ được gọi là bậc chân nhân, bậc thiện nhân, bậc cao quý, mà còn được ví ngang hàng với Phạm thiên, với các bậc tiên sư. Những gia đình có được những người con hiếu thảo như vậy được gọi là gia đình xứng đáng được cúng dường và tán thán:

“Này các Tỳ-kheo, những gia đình nào mà con cái kính lễ cha mẹ, những gia đình ấy được xem là ngang hàng với Phạm thiên, với các bậc tiên sư và đáng được cúng dường” [2, tr.147].

Vì sao con cái kính lễ cha mẹ lại được sánh ngang với Phạm thiên? Vì theo lời Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, danh từ Phạm thiên, tiên sư, bậc đáng được cúng dường là đồng nghĩa với cha mẹ. Vì cha mẹ đã đầu tư hầu hết cuộc đời của mình vào công trình nuôi dưỡng, giáo dục và giới thiệu con cái vào đời” [2, tr.124].

“Về quả phúc mà người con nhận được do lòng hiếu thảo thật lớn lao. Người con có hiếu dù gặp nạn hồng thủy, địa chấn sẽ được thoát hiểm một cách an toàn. Nếu giàu thì trọn hưởng gia tài, không bị nghịch cảnh, chướng duyên và nội nghịch ngoại thù. Nếu nghèo thì đời sống trong sạch, thanh nhàn, trời người yêu mến, danh thơm xông khắp, không bị nợ nần, khổ sở, ít bệnh tật, được tăng trưởng tuổi thọ. Trong hiện tại thường được các bậc hiền trí ngợi khen, kết giao thân thiện, sau khi chết được về cõi trời” [5, tr.78].

Như vậy, mỗi con người sinh ra và có mặt trên cõi đời này đều có nguồn gốc sinh thành từ cha mẹ. Biết ơn, hiếu kính với cha mẹ là điều quan trọng và thiêng liêng đầu tiên mà Phật hướng tới cho con người.

Đạo Phật, ngoài dạy bảo con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ còn chú ý tới ân Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng).

Ơn Phật vì Phật chỉ cho chúng sinh thấy được bản chất, nguyên nhân của sự khổ, mục đích và con đường trung đạo để giải thoát khỏi nỗi khổ trong cuộc sống hiện tại, tiến tới cảnh giới Niết Bàn, nơi tuyệt đối hạnh phúc.

Phật tử hiểu lời Phật dạy về giáo lý, giáo luật song không có phương pháp tu tập đúng thì vẫn mãi trong luân hồi, sinh tử, không thoát ra khỏi nỗi khổ hiện tại. Phương pháp tu tập đúng là thực hành Bát chính đạo, giữ giới, thực hiện pháp tu lục độ, lục hòa,... sẽ đạt tới sự giác ngộ, giải thoát. Do vậy, Phật tử phải biết ơn Phật Pháp.

Để hiểu và thực hiện đúng Phật Pháp, Phật tử cần phải có sự dạy bảo, hướng dẫn của của Giáo hội và của sư tăng bề trên. Không có tăng đoàn, Giáo hội và tăng sư bề trên, Phật tử không có ai dạy bảo, hướng dẫn để thấu hiểu Tam tạng kinh điển và thực hành phép tu để đi tới sự giác ngộ, giải thoát. Phật tử phải biết ơn công lao của các vị cao tăng có công truyền bá đạo pháp là sư phụ, sư Tổ, La Hán, Bồ Tát và cao nhất là Phật.

Lễ Vu Lan vào ngày rằm tháng bảy là ngày lễ trọng của Phật giáo. Tắm gương hiếu đạo của Mục Kiền Liên từ lâu đã thấm thấu trong đời sống tinh thần của Phật tử Việt Nam. Tháng Bảy về báo hiếu mùa sương giá sắp đến. Mưa sut sùi, trời âm u khiến lòng người man mác buồn. Người buồn vì

xa quê hương, lòng nhớ về cha mẹ, người buồn vì thấy ân hận về lỗi lầm làm cho cha mẹ khổ đau, buồn vì chưa đền đáp được phần nào công ơn trời biển của cha mẹ. Đã trở thành lệ và cũng là nét đẹp trong đời sống của Phật tử, cứ vào mùa tháng Bảy, tất cả những người con còn hay không còn cha mẹ đều hướng về cội nguồn, luôn tâm niệm rằng mãi mãi biết ơn cha mẹ.

Ngày “Rằm tháng bảy” cũng là “xá tội vong nhân”, ngày hội của những oan hồn, không người thờ cúng, trở thành ma đói, ma khát. “Vu lan thắng hội” cũng là ngày hội “giải đảo huyền”, ngày giải tỏa những oan khiến treo ngược tội nhân trên rừng đao, biển lửa nơi địa ngục. Hơn nữa, ngày lễ Vu Lan còn là ngày mười phương chư Phật đều nở nụ cười hoan hỷ, vì người ta biết tha thứ, cởi bỏ hết những hận thù để sống hòa hợp, an vui.

Học theo lời dạy của Phật, Phật tử Việt Nam sống trong cộng đồng Giáo hội Phật giáo Việt Nam với tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả, sống đúng với ý nghĩa ngày Vu Lan – Báo Hiếu. Phật tử đều hiểu rằng, vạn pháp vô thường, con người là một pháp đặc biệt được tạo thành bởi ngũ uẩn. Ngũ uẩn cũng vô thường. Không có át man (tiểu ngã). Theo quy luật sinh - trụ - di - diệt, người sinh ra rồi cũng đến ngày già, bệnh, rồi chết đi. Vậy phải theo Tứ vô lượng tâm, phải thực hiện hiếu đạo với cha mẹ mình, cha mẹ người và với Tam Bảo.

Như vậy, để sống đúng với tinh thần ý nghĩa mùa Vu lan – Báo hiếu, mùa của lòng hoan hỷ, bao dung và tha thứ lẫn nhau, đồng thời cùng góp phần làm tô điểm hơn ý nghĩa cao đẹp đó, Phật tử biết hiếu nghĩa hãy thực hiện Đạo Từ bi, thương yêu tất cả muôn người, thể hiện tâm hoan hỷ, thực hiện Tứ trọng ân: ân cha mẹ; ân quốc gia – dân tộc; ân đồng bào, nhân loại; ân Tam Bảo.

Trong ngày lễ Vu Lan, Phật tử biết sống với tinh thần hoan hỷ, bao dung và tha thứ. Ngày Lễ Vu Lan, vì thế cũng là ngày chuyển oan khiến thành ân nghĩa. Ngày Lễ Vu lan nhắc nhở Phật tử trong cuộc sống hằng ngày, ngoài việc tu tập cho bản thân, phải luôn biết tri ân và báo ân, làm tròn bổn phận của mình đối với cha mẹ và tổ chức Giáo hội. Không nhất thiết phải sắm sửa nhiều lễ vật trong mùa Vu Lan báo hiếu thể hiện lòng tri ân. Thay vào đó, Phật tử chỉ cần “tâm hiếu”, lòng thành, gieo hạt giống trí tuệ và từ bi, để tinh tiến, hoằng pháp thành công, để chẳng những “tự độ, độ tha” mà còn “tự giác, giác tha”.

Đó là cách gieo nhân lành trong cuộc đời của mỗi Phật tử, hướng Phật tử trở về chính pháp, giúp nhau tu học theo giáo lý của Đức Như Lai để tạo

nhân lành trong hiện tại, tránh xa nghiệp ác trong tương lai.

Ngày lễ Vu Lan được xem là ngày Cha Mẹ. Phật tử ai may mắn còn cha mẹ được hân hạnh cài lên áo bông hồng đỏ. Còn ai đó không còn cha mẹ để có cơ phụng dưỡng thì cài bông hồng trắng tưởng nhớ, biết ơn. Phật tử đọc kinh Phật, nghe sư tăng bẻ trên thuyết giảng về hiếu hạnh, bốn phận của con cái, cầu chúc cho ông bà, cha mẹ được bình an. Mùa Vu Lan trở thành mùa Báo Hiếu của con cái đối với cha mẹ.

Phật dạy cách tu, cách hoằng pháp: “Tùy thời tùy quốc độ”, tùy căn cơ nghiệp chướng của chúng sinh mà truyền đạo từ bi. Để truyền đạo chẳng cần phải nhiều ngôn ngữ, văn tự làm gì, chỉ “Dĩ tâm truyền tâm, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ chân tâm, kiến tính thành Phật”.

Như vậy, Lễ Vu Lan – Báo Hiếu của Phật giáo hiếu hạnh trong khắp chúng sinh, công ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục là thiêng liêng nhất không gì so sánh được, và đạo làm con phải thực hiện tròn bốn phận của mình.

Phật tử nói riêng và người Việt Nam nói chung có được cuộc sống bình yên, tươi đẹp hôm nay là nhờ công ơn của tiền nhân, của cha mẹ, tiền tổ, của những anh hùng, liệt sĩ, của thương binh, bệnh binh, của những gia đình có công với nước.

### 03. Kết luận

Đạo Phật là Đạo Từ bi, dạy chúng sinh lòng từ bi, bác ái, bình đẳng. Lễ Vu Lan của Đạo Phật góp phần lan tỏa đạo đức hướng thiện cho không chỉ cho riêng giới xuất gia tu hành mà còn cho mọi tầng lớp người trong xã hội. Lễ Vu Lan là sự biểu hiện tập trung nhất của Đạo Hiếu, một trong những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam, có ý nghĩa đối với sự phát triển bền vững của xã hội hiện nay. Lễ Vu Lan Báo hiếu là ngày hội về Đạo hiếu không riêng Phật tử mà còn là ngày hội về Đạo Hiếu của dân tộc Việt Nam.

Đạo Hiếu thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam. Sự đồng điệu giữa ý thức về cội nguồn và quan niệm về đạo Hiếu trong trong lễ Vu Lan và trong giáo lý Phật giáo đã tạo nên giá trị nhân văn sâu sắc trong văn hóa đạo đức của dân tộc Việt Nam. Người Phật tử chân chính luôn thực hiện đạo Hiếu, coi đó là chân giá trị của đạo đức truyền thống Việt Nam, cũng là giá trị văn hóa đạo đức Phật giáo. Phật tử luôn nhớ và thực hiện lời Phật dạy: “có hai người không thể trả ơn hết được đó là cha và mẹ”. Bốn phận phụng sự

cha mẹ, phụng sự Phật pháp, phụng sự dân tộc và Tổ quốc là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi Phật tử hôm nay.

Đạo Hiếu trong Lễ Vu Lan có tác dụng điều chỉnh ý thức và hành vi đạo đức cho con người, nâng đỡ, khơi dậy tình thương yêu, đức vị tha, làm điều thiện, tránh điều ác... Đạo Hiếu trong lễ Vu Lan của Phật giáo không có ý nghĩa trong đời sống tu hành của Phật tử với Phật tử mà còn có ý nghĩa to lớn đối với mọi thành viên trong cộng đồng gia đình, xã hội, góp phần hoàn thiện đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội trong bối cảnh hiện nay./.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cao Văn Cang (2006): *Hiếu hạnh xưa và nay*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
2. *Phật giáo Thượng Tọa Bộ*, Kinh Tăng Chi I.
3. Phúc Tuệ (2016): *Sám Pháp Mục Liên*, Nxb. Hồng Đức.
4. Thích Gia Quang (2015): *Lễ Vu Lan trong đời sống tâm linh người Việt*, trong: “Vu Lan – Báo Hiếu của Đạo Phật với xã hội Việt Nam hiện nay”, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Trần Đăng Sinh (chủ biên) (2017): *Đạo lý uống nước nhớ nguồn cơ sở triết học và giá trị trong lịch sử dân tộc*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. *Giáo Hội Phật giáo Việt Nam*, Kinh Báo Trọng Ân Cha Mẹ. <http://https://phatgiao.org.vn/kinh-cha-me-an-trong-kho-bao-dap-d46710.html>.

## MỘT SỐ PHONG TỤC CỦA NGƯỜI DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG ẢNH HƯỞNG TÍN NGƯỠNG THỜ ĐỨC THÁNH TRẦN Ở ĐỀN KIẾP BẠC

TS. VŨ THỊ MẶN\*

Tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần là một hình thức tín ngưỡng dân gian, có ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống tinh thần, đặc biệt là phong tục của người dân Hải Dương. Trong lịch sử và hiện tại, thông qua lễ hội đền Kiếp Bạc và việc thực hành tín ngưỡng, người dân Hải Dương mang theo những phong tục chịu ảnh hưởng trực tiếp các tín ngưỡng, không chỉ với tâm nguyện “Uống nước nhớ nguồn” mà còn cầu mong Đức Thánh phù hộ, độ trì, che chở cho cuộc sống được no đủ, an vui, hạnh phúc thông qua hàng loạt các phong tục như cầu tự, bán khoán, cầu an, trừ tà sát quỷ,...

#### Từ khóa

Tín ngưỡng, Đức Thánh Trần, phong tục, tập quán

#### Nhận bài

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

### 01. Đặt vấn đề

Đức Thánh Trần tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh ngày 10 tháng Chạp (chưa rõ năm sinh) tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, mất ngày 20 tháng 8 năm Canh Tý (năm 1300 dương lịch), ông là con trai thứ của An Sinh Vương Trần Liễu và Thuận Thiên công chúa Lý Thị Nguyệt.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, Trần Quốc Tuấn là nhà quân sự, nhà chính trị kiệt xuất đã có công lãnh đạo quân dân nhà Trần chiến thắng quân Nguyên- Mông, là tấm gương sáng về lòng trung quân, ái quốc. Trước khi mất, Trần Quốc Tuấn dặn con: “Ta chết tất phải hỏa táng, lấy ống tròn đựng xương ngậm chôn trong vườn An Lạc, rồi san đất và trồng cây như cũ để người không biết chỗ nào” [3, tr. 86]. Sau khi mất, ông được triều đình phong tặng danh hiệu: “Thái sư Thượng phụ Thượng Quốc công Nhân vũ Hưng Đạo Đại vương”.

Vì công lao và đức độ, Hưng Đạo Đại Vương đã hiển Thánh trong lòng dân. Người dân Việt tôn Ông là Đức Thánh Trần. Trong tâm thức của người Việt Nam nói chung và người dân Hải Dương nói riêng, Trần Hưng Đạo không chỉ là vị tướng tài giỏi có công với nước, mà còn là vị Thánh, giúp diệt trừ tà ma, tiêu giảm bệnh tật, phù hộ độ trì, che chở cho cuộc sống yên bình và chỗ dựa tinh thần của nhân dân.

Một số phong tục trong nghi lễ tín ngưỡng thờ tự Đức Thánh Trần được thực hiện một cách tự giác, mang tính linh thiêng thể hiện lòng thành kính, biết ơn của người dân Hải Dương, nơi Ngài sinh sống cả cuộc đời và ghi chiến công hiển hách trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông vào thế kỷ XIII.

Phong tục trong tâm thức người dân là một bộ phận cấu thành ý thức xã hội thông thường, phản ánh trực tiếp đời sống vật chất của con người, được trao truyền qua các thế hệ trong lịch sử của một cộng đồng. Mặc dù chỉ là sự phản ánh mang tính trực quan, cảm tính, song lại rất phong phú và sinh động. Kết quả của sự phản ánh, tuy chưa đạt được giá trị khoa học nhưng lại là cơ sở cho nhận thức khoa học, hơn nữa lại chứa đựng “hạt nhân hợp lý” của đời sống xã hội. Phong tục cũng là nhân tố quan trọng góp phần tạo thành nếp sống, lối sống và sắc thái văn hóa, là điểm tựa tinh thần, “sức mạnh vật chất” nâng đỡ con người vượt qua trở ngại, khó khăn trong cuộc sống.

Trong xã hội hiện đại, một số phong tục của người dân Hải Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần ở đền Kiếp Bạc, đến nay vẫn được duy trì, tiếp nối trong dòng chảy văn hóa dân tộc. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, như một bông hoa đa sắc. Trong đó, phong tục của người dân Hải Dương - yếu tố cấu thành văn hóa Xứ Đông, là thành tố của Văn hóa Việt Nam truyền thống. Trong bối cảnh hiện nay, để văn hóa trở thành

“nền tảng tinh thần”, là “động lực phát triển” và “soi đường cho quốc dân đi” [2, tr.13], sự cần thiết phải trở lại tìm hiểu một số phong tục của người dân Hải Dương chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần.

## 02. Một số phong tục của người dân tỉnh Hải Dương chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần

### 2.1

#### Tục cầu tự

Cầu tự là một phong tục dân gian, tồn tại khá phổ biến ở nhiều nơi. Tục cầu tự ở đền Kiếp Bạc, được ghi chép trong sách “Kiếp Bạc vạn linh từ điển tích” (1963), văn bia tại đền Kiếp Bạc. Hiện nay ở đền Kiếp Bạc vẫn còn lưu giữ được bộ số câu tự bao gồm “cầu tự số” và “cầu tự đặc tự số”.

Theo tâm thức dân gian, những gia đình gặp khó khăn về đường con cái thì đến đền Kiếp Bạc làm lễ cầu tự. Muốn cầu tự có kết quả như ý, người đi cầu phải có niềm tin tuyệt đối vào Đức Thánh Trần. Vợ chồng hiếm muộn, sau khi chọn được ngày tốt, sắm đủ lễ vật, đến đền để làm lễ cầu tự. Lễ vật có hoa quả, rượu, trầu cau và bắt buộc phải có số câu tự. Sau khi nhờ thầy làm lễ, hai vợ chồng phải chui qua găm tượng theo tuần tự “vào cửa Cha, ra cửa Mẹ”. Cha là Đức Thánh Trần và Mẹ là Đức Quốc Mẫu. Hình thức chui được thực hiện theo chiều quay của kim đồng hồ, nếu cầu con gái thì chui 9 lần, cầu con trai thì chui 7 lần. Sau đó ra phía sau đền, chỗ có gò đất cao nhô lên, lấy một ít đất để ăn. Với cách làm như vậy, nhiều người dân tỉnh Hải Dương tin rằng, lòng mong muốn cầu tự sẽ linh nghiệm, đứa trẻ sau này khi sinh ra sẽ dễ nuôi, gặp nhiều phước lành.

Sau khi làm lễ ở đền về, nếu linh nghiệm, gia đình đó phải đến đền để làm số “cầu tự đặc tự số” để tạ Đức Thánh Trần. Nhiều cặp vợ chồng sau khi cầu tự ở đền Kiếp Bạc về có kết quả đã tạ ơn Đức Thánh Trần bằng việc cung tiến tiền của, công đức xây dựng đền, đồ thờ, câu đối... Một số câu đối ở đền hiện nay còn khắc họ tên, địa chỉ người cầu tự để tỏ lòng lễ tạ Đức Thánh Trần.

### 2.2

#### Tục bán khoán

Người dân tỉnh Hải Dương tin rằng, đứa trẻ sinh ra vào khung giờ xấu, khắc tuổi hay ốm đau, bệnh tật, quấy khóc, khó nuôi,...nếu đem đến đền Kiếp Bạc để bán khoán thì sẽ khỏe mạnh, lớn khôn. Khi đứa trẻ được một cử thì bố mẹ ra đền Kiếp Bạc nhờ cụ thủ từ viết số, trong đó ghi rõ thông tin: họ tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ,... bán cho Đức Thánh Trần, sau đó đóng dấu của đền trên số cùng với mâm lễ vật thường là xôi gà, trầu cau, hoa quả, vàng hương, rồi trình lên ban thờ Đức Thánh Trần, cúng xong thì đem hóa số. Thời gian bán khoán thường là 12 năm, sau đó mới đến chuộc về. Trong thời gian bán khoán vào các ngày lễ trọng như: Tết Nguyên Đán, ngày giỗ của Đức Thánh Trần (20/8 âm lịch), ngày giỗ Thánh Quốc Mẫu (28/9 âm lịch), cha mẹ đứa trẻ phải đến đền thắp hương, tùy theo hoàn cảnh mà biện lễ, nếu ở xa phải nhờ nhà đền làm giúp. Hiện nay ở đền Kiếp Bạc vẫn còn lưu giữ tờ khoán văn cổ về việc bán khoán là “Mại Đồng Tử Khoán Văn”, theo tâm niệm của người dân rất linh nghiệm.

### 2.3

#### Tục cầu tài, cầu an

Vào các dịp quan trọng như tết Nguyên Đán, các ngày giỗ của Đức Thánh Trần, các ngày lễ khác,...nhân dân trong tỉnh và du khách thập phương thường đến đền Kiếp Bạc, cầu an, cầu tài cho gia đình mình được mạnh khỏe, công việc thuận lợi, may mắn. Lễ vật dâng cúng được sắm tùy theo hoàn cảnh gia đình. Gia đình khá giả thường sắm xôi, gà, cau, trầu, rượu, thuốc, hoa quả, tiền vàng,...Đến nay, ở đền Kiếp Bạc vẫn còn lưu giữ được nội dung của lá số cổ cầu an là “Kỳ an cầu tài số”. Với việc trình số lên cửa Ngai, người dân hy vọng mọi việc được thuận lợi, suôn sẻ.

Trước đền Kiếp Bạc hiện nay có 2 giếng nước cổ, dân gian gọi là giếng Mắt rông. Người dân tỉnh Hải Dương tin rằng, khi trong nhà có người bị ốm đau, bệnh tật thì đến xin nước thiêng về uống, và không quên xoa vào đôi chân voi ở gian tiền tế với mong muốn “khỏe như voi”, mọi bệnh tật được tiêu tan.

### 2.4

#### Tục trừ tà, sát quỷ

Một trong những nét đặc sắc trong tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần ở đền Kiếp Bạc là tục trừ tà, sát quỷ. Những người nghi do bị ma quỷ ám thường đến trước cửa Ngai, nhờ uy lực của Ngai để diệt trừ. Người dân tỉnh Hải Dương tin rằng, Hưng Đạo Đại Vương có công chém đầu tướng giặc Phạm Nhan, là người có yêu thuật, thường gây tai vạ cho dân, nhất là phụ nữ ốm lâu không khỏi, bị nghi là “ma làm”. Chỉ có Đức Thánh Trần mới có uy lực, đủ phép trừ tà ma, cứu người.

Trước đây ở khu vực 2 làng Vạn Yên và Dục Sơn, phụ nữ sinh mà bị hậu sản, đau yếu, hiếm muộn về con cái cũng cho là bệnh do Phạm Nhan gây ra, hoặc nhiều người nghi do yêu ma, quỷ quái ám bệnh mà thành. Những người này phải đem lễ đến đền Kiếp Bạc nhờ các Thanh Đồng làm lễ, kêu khẩn nhờ uy lực của Đức Thánh Trần trừ tà, sát quỷ. Thường khi đến cửa Ngai sẽ được người Nhà Đền viết cho hai câu:

“Sinh kiếp dĩ ô trần nhuệ kiếm

Tử hồn do xuyên phụ nhân quân”.

Hai câu trên có nghĩa là: “sống làm nhờ gươm báu nhà Trần, nay chết còn bám theo đàn bà làm chi”. Khi xin được hai câu này ở Đền về treo ở nhà là khỏi bệnh. Ngoài ra người dân còn xin các đồ thờ như chiếu, tàn hương... để chữa bệnh. Sau khi làm lễ xong, nếu xin được đài âm dương thì đem ra chỗ Thủ từ đóng dấu đỏ vào giấy vàng, rồi sau đó đem vào hậu cung dâng lên ban thờ Đức Thánh Trần trình. Sau đó đem giấy bản màu vàng đốt thành tro, hòa cùng với nước và rượu, chắt lấy nước uống, còn bã thì đem day vào thái dương hoặc xoa từ ngực trở xuống. Ngoài ra, nếu trong gia đình có người thân bị đau ốm, người ta đến đền Kiếp Bạc cúng lễ, xin các bùa hộ mệnh, bùa trấn trạch, và thường khẩn:

“Ngũ lôi thần tướng, ngũ hổ thần quan  
Trần Triều đại thánh sát quỷ, trừ tà”

Ở đền Kiếp Bạc có một hình thức trừ tà, sát quỷ phổ biến nữa là hầu đồng. Người có bệnh phải ngồi đồng, bịt khăn đỏ vào mắt, thanh đồng cầm vài nén hương thổi phù vào mặt người ngồi đồng và niệm thần chú, bên ngoài có đội cung văn đánh trống, gõ phách đọc bài văn sai để ộp đồng. Một lúc sau thì người ngồi đồng sẽ chao đảo, tà ma

nhập vào người như bị thôi miên, đây là lúc thanh đồng tra hỏi như quan tù. Người ngồi đồng sẽ có một số hành động như tự tay vả vào mặt mình, cầm roi quật lên người hoặc khóc lóc, van xin. Khi tà ma trong người ngồi đồng chịu nhận tội thì thanh đồng bắt cho làm tờ cam kết điểm chỉ, ký tên để xác nhận, sau đó người có bệnh đem về treo trước chỗ nằm.

Bên cạnh đó, ở đền Kiếp Bạc hiện nay cũng có cách trừ tà, sát quỷ khá đặc biệt. Đó là khi thanh đồng được Đức Thánh Trần nhập vào thì thanh đồng ra oai cho thấy phép thánh như: lấy dải lụa tự thắt cổ, cho nắm nhang đang cháy vào miệng, uống dầu sôi rồi phun ra, dùng dao sắc rạch lưỡi hay xiên linh (những hình thức này dường như không nguy hiểm đến tính mạng người Thánh nhập). Khi rạch lưỡi chảy máu, thanh đồng sẽ phun lên một tờ giấy để làm “dấu mặn”. Người bệnh sẽ đem giấy đó đốt và hòa với nước, rượu hoặc nước tiểu để uống hoặc để người ốm đeo bên mình (theo quan niệm dân gian) sẽ tránh được tà ma, quỷ quái [4, tr.208].

### 2.5

#### Tục làm cỗ tiến Thánh

Tục làm cỗ tiến Thánh là một trong những nghi lễ quan trọng trong mỗi dịp lễ hội tại đền Kiếp Bạc. Với ước nguyện thịnh cầu các vị thần linh về hưởng lộc, chứng giám lòng thành, phù hộ, độ trì che chở, cầu cho cuộc sống luôn được ấm no, hạnh phúc cho mọi người trong cuộc sống.

Đây có lẽ cũng là nét đặc sắc riêng có trong phong tục tập quán của người dân trong lễ tiến Thánh tại đền Kiếp Bạc. Theo thông lệ vào đêm 15 tháng 8 âm lịch hàng năm, người dân 2 làng Vạn Yên và Dục Sơn sắm vật phẩm chuẩn bị ra làm cỗ tiến Thánh. Không khí vui tươi phấn khởi, tưng bừng, tiếng chày, tiếng cối, tiếng cười nói huyền não làm quên đi những nhọc nhằn, lam lũ đời thường. Trong tâm thức của mọi người luôn có niềm tin, niềm kiêu hãnh khi được góp phần làm ra vật phẩm để dâng lên Đức Thánh Trần.

Các vật phẩm rất phong phú, đa dạng, chứa đựng tình cảm, khát vọng bình dị của người dân khi dâng lên cúng Thánh như: bánh lọc, bánh trong (thể hiện sự trong sáng, thanh bình); bánh tràng gừng (thể hiện sự mặn mà, ấm áp); bánh su sê (thể hiện sự hạnh phúc, viên mãn); bánh dày, bánh ngũ sắc (thể hiện sự hòa hợp âm dương); bánh rán, bánh mật (thể hiện sự ngọt ngào, sung túc). Ngoài ra còn có oản nhuộm bốn màu, xôi, các

loại hoa quả. Mâm lễ dâng lên đức Thánh đa dạng, tinh khiết, đủ màu sắc, hình thức đặc trưng không lẫn với lễ phẩm trong các lễ hội khác. Sáng ngày 16/8 âm lịch đoàn rước lễ vật của hai làng Vạn Yên, Dược Sơn được khởi hành trong đoàn rước trong niềm tự hào, phấn khởi của người dân và du khách thập phương.

## 2.6

### Lễ Hội quân trên sông Lục Đầu

Lễ hội quân trên sông Lục Đầu nhằm tái hiện lại cảnh ra quân của Trần Hưng Đạo trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Để tổ chức lễ Hội quân, Ban tổ chức đã mời 40 thuyền của ngư dân ở Quần Mực, Kiến Thụy (Hải Phòng), 40 thuyền của ngư dân Kênh Giang, thành phố Chí Linh (Hải Dương), 500 võ sinh phái võ Nhất Nam, 100 tay võ gậy ở huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; 300 quân cơ, đội múa rồng và dàn trống trận Vạn Kiếp.

Dưới sông, các thuyền được chia làm 2 đội, mỗi đội 40 thuyền, tập kết trước hai đầu sông ở chùa Nam Tào và đền Bắc Đầu. Mỗi thuyền đều cắm 5 lá cờ thần, trên sông căng tấm biển lớn ghi tên hiệu của vị tướng chỉ huy. Các thuyền trên sông đều duyệt quân được trang trí lộng lẫy, đứng trên đài là người đóng Đức Thánh Trần và 2 vị tướng Yết Kiêu và Dã Tượng. Đội đánh gậy, đội võ Nhất Nam được tập trung ở phía ngoài đê trên sông Lục Đầu. Đội cờ 300 người đứng bảo vệ xung quanh. Đội trống tập kết trên đê. Đội múa rồng tập kết ở khu vực sát cầu thuyền để đón đoàn thủy quân.

Với việc tái hiện lại ngày hội quân của Trần Hưng Đạo trên sông Lục Đầu cho chúng ta gợi nhớ lại khí thế hào hùng của cả dân tộc anh hùng đứng lên chống giặc ngoại xâm, với những chiến công hiển hách dưới sự chỉ huy tài giỏi của các vị tướng lĩnh. Với sự tham gia hàng nghìn người của những người tham gia hội quân, nhân dân và du khách thập phương tạo nên một không khí tưng bừng, náo nhiệt của ngày lễ hội. Điều đó cũng góp phần giáo dục lý tưởng vun bồi lòng yêu quê hương, yêu giống nòi, bài học về ý thức tự lực, tự cường dân tộc, về việc xây dựng gắn kết, đoàn kết và trách nhiệm xây dựng đất nước cho thế hệ trẻ.

## 2.7

### Lễ ban ấn

Lễ ban ấn là một trong những nghi lễ đặc sắc ở đền Kiếp Bạc. Theo lệ xưa, trước ngày đại kỵ của Đức Thánh Trần, chính quyền sở tại cùng với thủ từ làm lễ đóng ấn vào tấm vải màu vàng, sau đó xin phép Ngài để ban phát cho khách thập phương.

Khác với ấn ở đền Trần Nam Định, bộ phù ấn ở đền Kiếp Bạc là bảo vật quý hiếm, gắn liền với sinh hoạt văn hóa tâm linh, thể hiện sức mạnh uy quyền của Đức Thánh Trần, đồng thời cũng là khát vọng về một cuộc sống yên bình, hạnh phúc của nhân dân. Đây là điểm nhấn trong phong tục tập quán của người dân Hải Dương được lưu truyền hơn 7 thế kỷ qua.

Hiện nay ở đền Kiếp Bạc còn lưu giữ được 4 ấn tín bằng đồng của Đức Thánh Trần thể hiện uy quyền và sức mạnh của Đức Thánh.

Ấn thứ nhất, kích thước 10×10 cm, văn khắc gồm 7 chữ “Trần Triều Hưng Đạo Vương Chi Ấn” (Ấn của Hưng Đạo Vương Triều Trần) là phù ấn quan trọng nhất, nội dung thể hiện quyền uy và sức mạnh mà Đức Thánh Trần ban cho.

Ấn thứ hai, hình vuông, kích thước 5,5 ×5,5 cm, văn khắc bao gồm bốn chữ “Quốc Pháp Đại Vương” (ấn phù của Quốc pháp Đại Vương), cầu Đức Thánh ban sức mạnh quyền uy, bắt mọi thể lực phải tuân theo những phép tắc.

Ấn thứ ba, hình vuông, kích thước 4,3 ×4,3cm, văn khắc gồm 4 chữ “Vạn Dược Linh Phù” (phù ấn linh thiêng của đền Vạn Dược cứu giúp mọi người khỏe mạnh, trường sinh,...)

Ấn thứ tư, hình chữ nhật, kích thước 5,2 × 7,8 cm, văn khắc sáu chữ “Phi Thiên Thần Kiếm Linh Phù” (Phù ấn linh thiêng của Phi thiên thần kiếm), cầu bình an, sát quỷ, trừ tà...

Theo quan niệm dân gian, du khách muốn cầu việc lớn, việc quan tước, công danh thành đạt... thì xin phù ấn “Trần Triều Hưng Đạo Vương Chi Ấn”, hoặc ấn “Quốc Pháp Đại Vương”. Nếu cầu trường thọ, cầu sinh con, tài lộc dồi dào, tốt lành thì xin ấn “Vạn Dược Linh Phù”; cầu tránh tà ma, bệnh tật, giặc giã thì xin ấn “Phi Thiên Thần Kiếm Linh Phù”. Thông thường, người dân xin tấm lụa vàng có in cả bốn phù ấn của đền về treo tại nhà hoặc mang theo bên mình, với ước vọng Đức Thánh sẽ phù hộ, che chở, cầu được trấn trạch kỳ an, Phúc, Lộc, Thọ và vạn sự tốt lành.

## 2.8

### Lễ cầu siêu, hội hoa đăng trên sông Lục Đầu

Lễ cầu siêu và lễ hội hoa đăng ở đền Kiếp Bạc là hoạt động nhằm cầu siêu thoát cho những tướng lĩnh nhà Trần đã mất trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông, tưởng niệm những anh hùng đã hy sinh vì đất nước, cầu cho quốc thái dân an, phong đăng hòa cốc, mùa màng tốt tươi, nhân dân được ấm no, hạnh phúc.

Địa điểm được chọn để tổ chức buổi lễ Cầu siêu ở tại sông Lục Đầu, trước cửa đền Kiếp Bạc. Việc dựng tháp cầu an trên đường thần đạo, nội minh đường đền và trên đê sông Lục Đầu là nét đẹp trong văn hóa tâm linh, giữ gìn giá trị truyền thống của dân tộc.

Trên bờ sông, chín tầng tháp được dựng lên tượng trưng cho trục nối, giao thoa của âm - dương, đất - trời. Chín tầng của văn hóa Nho - Phật - Đạo tạo nên một tòa tháp nguy nga, tráng lệ trong đêm hội. Sợi dây trắng hồng nối từ tháp xuống sông, tượng trưng cho cầu siêu thoát. Dưới sông các đoàn thuyền nối tiếp nhau trở hoa đăng nhìn lung linh sắc vàng, làm bừng sáng cả vùng Vạn Kiếp.

Mỗi cánh hoa đăng tượng trưng cho tình cảm của thế hệ người Việt hôm nay, muốn tri ân công lao to lớn của các thế hệ năm xưa đã hy sinh để bảo vệ bờ cõi non sông. Các thuyền hoa đăng tập trung ở cồn kiếm, dải đất hình thanh kiếm của Trần Hưng Đạo trên sông Lục Đầu, tạo thành thanh kiếm lửa, cầu mong các linh hồn được siêu thoát. Trong không khí thiêng liêng của buổi lễ, với sự tham gia đông đảo của người dân, đọng lại trong mỗi người sự biết ơn, lòng tự hào dân tộc sâu sắc.

## 2.9

### Tục Hầu Thánh

Hầu Thánh hay còn được gọi lên đồng, hầu đồng là một nghi lễ đặc trưng ở Đền Kiếp Bạc nhằm tôn vinh công lao, quyền uy của Đức Thánh Trần trong đấu tranh giữ nước và xây dựng, phát triển nội Đạo ở Việt Nam. Trải qua hơn 7 thế kỉ, Hầu Thánh ở đền Kiếp Bạc diễn ra chủ yếu theo hai hình thức là Hầu đồng Thánh và Hầu đồng tà, quy tụ được đông đảo người tham gia. Hầu đồng thánh là xin thần dược để chữa bệnh, hầu đồng tà là xin trừ tà, trừ ma.

Đứng đầu canh hầu thánh là các Thanh đồng, Thanh đồng thực hiện các nghi lễ hầu thánh, thực

chất là trình lên Đức Thánh Trần các sở nguyện của tín đồ như trừ tà, sát quỷ, cầu tự... để cứu độ. Hàng năm có hàng trăm thanh đồng về đền Kiếp Bạc để hầu đồng, có sự giao thoa giữa tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần và tín ngưỡng thờ Mẫu. Hầu thánh thường diễn ra vào các ngày sinh, ngày giỗ của Đức Thánh, ngày lành, tháng tốt...

Hầu đồng Đức Thánh Trần có 6 giá bao gồm: Đức Thánh Trần, Trần Quốc Tảng, Phạm Ngũ Lão, Đệ nhị công chúa, cô bé cửa Suốt, cậu bé cửa Đông. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, tục Hầu Thánh đã có sự giao thoa giữa hầu đồng của tín ngưỡng thờ Mẫu với hầu Đức Thánh Trần trong lễ hội đền Kiếp Bạc, từ đó tiệt hầu Thánh trở nên đa sắc và hấp dẫn. Trong không gian vừa thiêng liêng, huyền ảo các thanh đồng hóa thân vào bóng của các vị Thánh, ban tài, ban lộc, cầu phúc...cho nhân dân. Giây phút thăng hoa nhất là lúc các thanh đồng nhập thần, ngắt ngảy cùng với những điệu múa thiêng, âm thanh của tiếng đàn, điệu hát phong lưu, tài tử của các nghệ nhân cùng với tiếng hò reo, cổ vũ của con nhang, đệ tử, nhân dân thập phương về dự lễ làm tiêu tan mọi lo toan, vất vả của cuộc sống thường ngày, thay vào đó là cảm giác thanh thản, yên bình.

Việc thực hành tín ngưỡng Thờ Đức Thánh Trần không chỉ mang lại niềm tin cho người dân trong cuộc sống, mà còn là nơi mọi người dân có cơ hội để gặp gỡ giao lưu, chia sẻ buồn vui trong cuộc sống, cùng nhau hướng về cội nguồn. Lễ hội “Tháng tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ” góp phần gắn kết cộng đồng, tạo nên sức mạnh nội sinh trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

## 03

### Kết luận

Sau hơn 7 thế kỷ hình thành, tồn tại và phát triển, tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần ở đền Kiếp Bạc đã ảnh hưởng sâu rộng đến phong tục, tập quán người dân tỉnh Hải Dương. Trong phong tục, tập quán của người dân tỉnh Hải Dương hiện nay, tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần đã trở thành một nét văn hóa đặc sắc.

Trong xã hội hiện đại, với cách tiếp cận đa chiều, các phong tục tập quán của người dân tỉnh Hải Dương cũng cần phải được nhìn nhận từ chiều

cạnh cả tích cực lẫn tiêu cực. Những gì là mang giá trị văn hóa truyền thống như “đạo lý uống nước nhớ nguồn”, ý thức đoàn kết cộng đồng, niềm tự hào và tự tôn dân tộc,... thì cần phải bảo tồn và phát huy để các giá trị ấy trở thành nguồn lực của sự phát triển; còn những yếu tố mang tính mê tín, không phù hợp với đời sống tinh thần của con người trong xã hội hiện đại cần phải làm cho nhân dân hiểu ra và loại bỏ. Đúng như cụ Phan Kế Bính đã nói: “Tuy vậy cái tục cũ đã truyền nhiễm lâu, không dễ mà một mai đổi ngay được. Muốn đổi thì phải lựa dần dần, trước hết phải xét điều gì quá tệ mà bỏ bớt đi, rồi lâu lâu mới đem tục hay mà bổ kết cho các tục dở. Còn tục gì hay mà là quốc túy của ta thì cứ giữ lấy” [1, tr.9 – 10].

Đây là vấn đề đòi hỏi chính quyền các cấp, các ngành và người dân tỉnh Hải Dương, với tư cách là chủ thể của một vùng văn hóa, cần có nhận thức đầy đủ và giải pháp phù hợp để phát huy giá trị phong tục, chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ đức Thánh Trần ở đền Kiếp Bạc, trong thời gian tới./.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Kế Bính (1990): Việt Nam phong tục, Nxb. thành phố Hồ Chí Minh, 1990.
2. Nguyễn Phú Trọng (2024): Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Đức Thọ (2002): Trần Triều Hưng Đạo Đại Vương trong tâm thức người Việt, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Kỳ yếu hội thảo khoa học “Nghiên cứu lịch sử Phật giáo Trúc Lâm và các giá trị văn hóa phi vật thể quần thể di tích Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc”, Hội khảo cổ học Việt Nam.

## PHỤ LỤC

Bia xây dựng 1906, nội dung ghi lại việc Hàn lâm viện Điển tịch Lê Văn Thược “tuổi trung niên, rất vất vả về đường con cái, người vợ họ Nguyễn đến Dục Sơn cầu ở đền Đại Vương Trần Hưng Đạo, phát tâm hành thiện. Từ đó mưu kế kinh doanh bất kể việc gì vạch ra đều trúng, cứ như có người xui khiến, vậy nên công việc gia đình ngày càng phát đạt, đến nay con cái đông đủ, nên người đều do thánh ban phúc...”. Ông Lê Văn Thược đã chọn ngày tốt, công đức tiền tu sửa đền Kiếp Bạc: cung tiến chuông đồng, đúc tượng Đại Vương Trần Hưng Đạo, tượng Thánh Mẫu bằng đồng, mỗi tòa đều có mũ áo, cân đai, ngai ý đều bằng đồng. Thuê người sửa đường lên núi Nam Tào, chế tác hai kiệu long đình thếp vàng, tu sửa năm gian bằng gỗ lim,...



Bia cổ (số 2) tại đền Kiếp Bạc: Cung Tu Vạn Dục Linh tử (bia do Gia Xuyên

# GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN XUÂN TOÁN \*

Giáo dục chính trị là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ở các trường Cao đẳng, trong đó có Cao đẳng nghề nhằm mục đích hình thành và phát triển ý thức và bản lĩnh chính trị, đạo đức cho sinh viên, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước; đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bài viết phân tích một số vấn đề về mục đích, nội dung và phương pháp của giáo dục chính trị, thực trạng giáo dục chính trị ở các trường Cao đẳng nghề hiện nay. Trên cơ sở đó đề xuất một số gợi ý mang tính giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, góp phần vào sự nghiệp “đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo” để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta hiện nay.

----- Từ khóa -----

Giáo dục chính trị, ý thức chính trị, nguồn nhân lực chất lượng cao, Cao đẳng nghề, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

----- Nhận bài -----

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

## 01. Đặt vấn đề

Trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam, Đảng ta luôn “coi trọng bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên khát vọng mãnh liệt xây dựng đất nước giàu mạnh, gắn liền lập nghiệp bản thân với tương lai của cộng đồng, của dân tộc, trau dồi cho học sinh, sinh viên bản lĩnh,

phẩm chất và lối sống của thế hệ trẻ Việt Nam hiện đại” [2, tr.207] và luôn xác định giáo dục chính trị (GDCT) là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng, góp phần xây dựng, bồi đắp nền tảng tinh thần của xã hội. Từ thực tiễn công tác giáo dục chính trị, Đảng ta đã đưa ra nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDCT. Văn kiện Đại hội XI (2011) xác định: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng, tuyên truyền học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước... Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục công dân trong hệ thống các trường chính trị, các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Mỗi cán bộ, đảng viên phải học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị” [3, tr. 256-257]. Việc đào tạo ra thế hệ học sinh, sinh viên đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước không chỉ giới về trình độ chuyên môn mà còn vững vàng về lý tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức cách mạng trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay trở thành một nhiệm vụ trọng tâm, là một đòi hỏi bức thiết.

GDCT là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường cao đẳng nghề ở nước ta hiện nay. Trong đó tập trung giáo dục những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối xây dựng và phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước,... góp phần quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và xây dựng niềm tin vững chắc cho những lớp người kế tục trung thành với lý tưởng cách mạng mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã lựa chọn đó là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Chính vì vậy, để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong thời gian tới, các trường cao đẳng nghề cần tiếp tục đổi mới phương pháp GDCT phù hợp với yêu cầu Đảng ta đề ra, đó là: “Đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [4, tr.136].

## 02. Vai trò của giáo dục chính trị trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trường cao đẳng nghề nước ta hiện nay

Trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã đề ra chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2020 - 2030, trong đó có vấn đề về “đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [4, tr.37]. Có thể nói, nội dung của Văn kiện này đã thể hiện rõ ràng chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2020 - 2030, ở đó, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là chìa khóa để thực hiện tất cả các nhiệm vụ được đặt ra. Từ Văn kiện nêu trên của Đảng, có thể nhận thấy một số vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với xây dựng và phát triển con người toàn diện của đất nước trong tình hình mới. Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước tùy thuộc vào yêu cầu thực tiễn và trình độ của người học để biên soạn chương trình, nội dung môn GDCT cho phù hợp với định hướng về nội dung, chương trình của các cơ quan thuộc tổ chức Đảng.

GDCT được coi là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường cao đẳng nghề, nhằm hình thành ý thức chính trị cho sinh viên trên cơ sở trang bị những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, GDCT là môn học không chỉ có ý nghĩa đối với việc hình thành nhân cách của con người mới xã hội chủ nghĩa, mà còn là động lực quan trọng trong quá trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong giai đoạn hiện nay. Sở dĩ, GDCT có vai trò đặc biệt quan trọng như thế là do:

Thứ nhất, GDCT mà nòng cốt là trang bị kiến thức triết học Mác – Lênin với chức năng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận nhận thức khoa học nhằm trang bị cho sinh viên nhận thức đúng đắn về thế giới xung quanh và vị

thế của con người trong thế giới đó. Đồng thời, xác định vị thế con người, về cơ bản là đồng nghĩa với việc xác định mối quan hệ của nó với toàn bộ thế giới xung quanh, bao gồm giới tự nhiên và xã hội. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã chú trọng giáo dục kiến thức triết học cho trẻ em từ bậc tiểu học, trong đó có Mỹ, Nga, Hàn Quốc và nhiều nước khác. Việc phổ cập triết học cho trẻ em đòi hỏi phải có phương pháp phù hợp, để “công chúng nói chung cũng như sinh viên đại học (không chuyên ngành triết học) cũng có thể tiếp thu được những kiến thức cơ bản về triết học” [5, tr.3]. Ở nước ta, môn giáo dục công dân chưa phải là môn triết học, do đó sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông và bước vào bậc học cao hơn, sinh viên thường có tâm lý lo sợ môn học này, bởi tính trừu tượng của nó. Trên thực tế, học tập và liên hệ với thực tiễn mà môn học này yêu cầu đều gắn liền với sự tìm hiểu quy luật của thế giới và sự vận hành của nó trong tự nhiên cũng như xã hội.

Thứ hai, vấn đề nảy sinh đối với thực tế đào tạo nghề là người học luôn có kỳ vọng tiếp thu tốt và đạt tới trình độ chuyên môn, cả về lý thuyết và thực hành để giải quyết vấn đề sinh kế của bản thân. Sự liên kết đào tạo giữa các trường cao đẳng nghề với các cơ sở đào tạo cũng như các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp có mục đích sử dụng lao động Việt Nam ở nước ngoài đã tạo ra những cơ hội tốt để cho người học phấn đấu để người lao động giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống. Tuy nhiên, sự đòi hỏi chất lượng lao động của các doanh nghiệp nước ngoài không chỉ có trình độ tay nghề cao, mà còn phải có sự hiểu biết về văn hóa, luật pháp, tập quán các nước sở tại, do đó việc chú trọng đến giáo dục, bồi dưỡng văn hóa ứng xử, tư tưởng nhân văn trong các môn GDCT ở các trường cao đẳng nghề đang trở nên cần thiết và cấp bách. Nói cách khác, việc chú trọng nâng cao ý thức chính trị cho sinh viên các trường cao đẳng nghề chỉ có thể thông qua GDCT nhằm nâng cao trí lực và tâm lực của người học, khơi dậy ở họ tinh thần yêu nước, sự tự tôn dân tộc thông qua các hành vi ứng xử có văn hóa của con người Việt Nam ở mọi lúc, mọi nơi.

Thứ ba, có thể nói, đa phần sinh viên các trường cao đẳng nghề ở nước ta hiện nay là những người do hoàn cảnh cá nhân và những điều kiện nào đó mà họ không thể tiếp tục học ở các cơ sở giáo dục đại học, song vào học ở các cơ sở giáo dục đại học không phải là con đường thuận lợi và phù hợp cho tất cả mọi người. Thực tế cuộc sống cho thấy, sau khi tốt nghiệp và được làm việc ở các cơ sở sản xuất, dù là doanh nghiệp nhà nước hay tư

nhân, phần lớn những người được đào tạo nghề trở thành những hạt nhân của nguồn nhân lực chất lượng cao. Sự trang bị ý thức chính trị cũng giúp họ nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò của lực lượng lao động sau khi tốt nghiệp - giai cấp công nhân Việt Nam, lực lượng chính trị ngày càng lớn mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính họ là những người tiếp xúc trực tiếp với khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại, vì thế họ là nguồn nhân lực quan trọng trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

## 03. Thực trạng GDCT ở các trường cao đẳng nghề nước ta hiện nay và những nguyên nhân cơ bản của nó

Chương trình, giáo trình GDCT ở các trường cao đẳng nghề ở nước ta hiện nay được triển khai theo Tài liệu dạy, học Giáo dục chính trị chương trình đào tạo trình độ cao đẳng (năm 2020) [6] do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội biên soạn. Việc biên soạn tài liệu này, có thể nói là bước đầu thực hiện sự đổi mới trong GDCT thông qua việc tách khỏi cuốn giáo trình chung là Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin từng được áp dụng chung cho cả hệ đại học và cao đẳng trước đây.

Tuy nhiên, do bước đầu biên soạn tài liệu này với tư cách là môn học tích hợp dưới tên gọi là GDCT, cho nên không thể tránh được những khiếm khuyết nhất định. Trong bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến một số hạn chế về mặt kết cấu, nội dung của Tài liệu làm cho việc dạy và học môn học này chưa đạt được hiệu quả mong muốn theo tinh thần “đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục”.

Bằng cách tích hợp các môn học chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, v.v., Tài liệu dạy, học Giáo dục chính trị chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có một số vấn đề vẫn chưa ổn, cần phải bàn thêm. So với giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dùng cho hệ đại học không chuyên lý luận chính trị), cuốn Tài liệu dạy và học... nói trên do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp biên soạn có nội dung rộng hơn. Cụ thể, trong Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin được kết cấu thành 3 mục: Khái niệm về chủ nghĩa Mác –

Lênin; Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (gồm triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học); Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của chủ nghĩa Mác – Lênin với dung lượng 20 trang, tổng thời lượng cho bài này là 13 tiết bao gồm lý thuyết, thảo luận và tự học.

Như vậy, chỉ riêng cấu trúc Bài 1, một bài học mang tính căn bản của toàn bộ môn học Giáo dục chính trị bởi “vai trò của nó là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” mà chỉ chiếm 13/75 tiết của toàn bộ Tài liệu..., theo chúng tôi, là nguyên nhân của thực trạng kém hiệu quả của giáo dục chính trị ở hệ cao đẳng. Điều đó cho thấy, việc biên soạn Tài liệu là không phù hợp với sự truyền đạt và nắm bắt chủ nghĩa Mác – Lênin, dù người dạy có nỗ lực đến mấy, sinh viên cũng không thể nắm bắt được những khái niệm cơ bản của môn học.

Bài thứ 2, về tư tưởng Hồ Chí Minh cũng với thời lượng tương tự như Bài 1, song về mặt nội dung, theo chúng tôi cần có sự chọn lọc thích hợp để phù hợp với việc biên soạn tài liệu mang tính tích hợp. Theo đó, tư tưởng đạo đức, phong cách làm việc và bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau và học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cần được xem là nội dung chủ đạo của Tài liệu. Sự tích hợp nhiều nội dung từ cuốn Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2015 [7, tr.288]. Nhìn chung, những nội dung được đưa vào Bài 2 cũng không phù hợp với thời lượng được phân bổ.

Ngoài hai bài học nêu trên, còn lại bảy bài về các vấn đề liên quan đến đường lối cách mạng Việt Nam, xây dựng nhà nước pháp quyền, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự tu dưỡng cá nhân để trở thành người lao động tốt, công dân tốt. Có thể nói, chương trình đã tích hợp được những nội dung cơ bản của GDCT, nếu được thực hiện đầy đủ với những phương pháp dạy và học tốt sẽ góp phần “hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” [6].

Tuy nhiên, để người học nắm bắt và “trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay... vận dụng được các kiến thức được học vào giải quyết các vấn

đề của cá nhân, xã hội, cũng như rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống...” [6] để trở thành công dân tốt, người lao động tốt, theo chúng tôi, cần có sự nghiên cứu, điều chỉnh không chỉ về mặt nội dung, phương pháp giảng dạy và đặc biệt là sự phân bổ thời lượng (tín chỉ) cho phù hợp hơn.

### 03. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả của GDCT cho sinh viên các trường cao đẳng nghề hiện nay

Trong thông tư do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cũng như bản hướng dẫn dạy và học chương trình GDCT cho sinh viên các trường cao đẳng, không có chữ nào đề cập trực tiếp đến mối liên hệ giữa GDCT và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, song ở mức độ nhất định, một cách gián tiếp, đều hướng tới mục tiêu của đào tạo nguồn nhân lực đó. Cụ thể, đó là đào tạo con người phát triển toàn diện, có nhận thức đúng đắn về thế giới quan và có nhân sinh quan cách mạng, có đạo đức, lối sống lành mạnh để góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tựu trung lại, GDCT là môn học hữu ích, giúp thế hệ trẻ đang theo học trình độ cao đẳng có ý thức chính trị, nắm bắt một số khái niệm cơ bản về đạo đức, pháp luật, có trình độ khoa học kỹ thuật cũng như kỹ năng sống và lao động tốt. Điều đó hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay ở nước ta.

Thực tiễn cuộc sống đòi hỏi, con người phải luôn thích ứng liên tục trong hoạt động sống của mình, đồng thời đó cũng là nơi xuất phát các yêu cầu mới cần phải ứng phó một cách sáng tạo, thể hiện tính tích cực của ý thức xã hội. Tài liệu dạy, học Giáo dục chính trị chương trình đào tạo trình độ cao đẳng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, coi môn học GDCT là bắt buộc và nằm trong chương trình đào tạo hệ cao đẳng là sự ứng phó có mục tiêu cụ thể và hoàn toàn phù hợp với nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, mọi lý thuyết đều phải chịu sự kiểm định của thực tiễn và phải có những chỉnh lý, bổ sung cả về nội dung lẫn phương pháp cho phù hợp với yêu cầu “đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục” hiện nay. Vì vậy, qua nghiên cứu và trực tiếp giảng dạy môn GDCT ở

các trường cao đẳng nghề, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả của lĩnh vực giáo dục này.

Thứ nhất, cần nghiên cứu, chỉnh lý Tài liệu cho phù hợp với đào tạo trình độ cao đẳng, đặc biệt là cao đẳng nghề. GDCT cho sinh viên các trường cao đẳng nói chung, cao đẳng nghề nói riêng là nhiệm vụ cần thiết, trước hết là trang bị thế giới quan và phương pháp luận, sau nữa là hình thành ý thức, bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho người học. Do đó, chủ thể GDCT, được hiểu là các cấp quản lý, các cơ sở đào tạo và những giảng viên trực tiếp tham gia vào lĩnh vực này cần phải hiểu rõ tầm quan trọng của bộ môn chính trị; từ đó tạo nên cảm hứng cho người học, giúp họ hiểu về phát triển nhận thức của mình.v.v. Chung quy lại, tầm quan trọng của bộ môn GDCT được thể hiện ở chỗ giúp cho người học phát triển tư duy sáng tạo và nhân cách của mình. Để làm được điều đó, trước hết vai trò của các chủ thể giáo dục trực tiếp là những giảng viên, họ phải là người có nhân cách đạo đức tốt, hết sức nhạy bén trong quá trình biên soạn giáo trình, giáo án, cập nhật các vấn đề liên quan đến bài học và truyền thụ những kiến thức của môn GDCT với phương pháp dễ hiểu, dễ nhớ, tạo hứng thú cho sinh viên về môn học này. Điều này đã được C.Mác nêu trong Luận cương về Phoiohắc: “Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục, rằng do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi, - cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục” [1, tr. 10].

Thứ hai, kiến nghị với cơ quan chủ quản và cơ sở đào tạo về điều chỉnh thời lượng cho từng bài học của Tài liệu song hành với đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục chính trị ở các trường cao đẳng nghề để học viên, sinh viên không gặp trở ngại trong quá trình học tập bộ môn này. Như vậy, việc tăng hay giảm tùy thuộc vào nội dung được biên soạn một cách thích hợp nhất với sinh viên cao đẳng nghề. Tăng là bổ sung những kiến thức triết học, chính trị - xã hội và đạo đức liên quan đến ngành nghề đặc thù; giảm là cân đối về thời lượng và một số nội dung để bớt đi áp lực học tập. Đặc biệt, trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cần đưa nội dung về kỹ thuật và công nghệ trong tiến trình lịch sử, tức giới thiệu các cuộc cách mạng công nghiệp đã và đang diễn ra để người học hiểu rõ đặc thù, thực chất của các cuộc cách mạng đó.

Thứ ba, trong GDCT cho sinh viên các trường cao đẳng nghề, cần chú trọng hơn nữa đến giáo dục đạo đức và bồi dưỡng ý thức chính trị. Chương trình giáo dục đạo đức là xây dựng đạo đức mới làm nền tảng cho sự hình thành ý thức chính trị. Đạo đức mới được hình thành và phát triển từ các giá trị tốt đẹp của đạo đức truyền thống, gắn liền với đạo đức cách mạng với những nội dung hết sức cụ thể mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Ngày nay, trong xu thế hội nhập và phát triển, vấn đề xây dựng và phát huy sức mạnh của hệ giá trị dân tộc, gia đình có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức quan trọng. Do đó, giáo dục ý thức đạo đức cho sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng để đào tạo ra những công dân tốt, người lao động tốt.

Thứ tư, cần đưa nội dung GDCT vào tiêu chí đánh giá, lựa chọn trường điểm. Chúng tôi cho rằng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trường cao đẳng nghề đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và cao hơn nữa, là đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phải là lĩnh vực đào tạo con người có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt và kỹ năng làm việc với tay nghề cao. Vì vậy, việc đánh giá, lựa chọn trường điểm không thể không tính đến các hoạt động giảng dạy và học tập bộ môn này thông qua các hình thức tọa đàm, thực tế, v.v.

Thứ năm, cần đưa vào nội dung GDCT, có thể thay vì bài số 9 (Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt) bằng bài thu hoạch có sự gợi ý của giáo viên hướng dẫn chọn chủ đề. Bài thu hoạch này có thể được tính làm bài kiểm tra điều kiện hoặc điểm thi hết môn nhằm nâng cao ý thức đạo đức và chính trị của sinh viên trong học tập và góp phần nâng cao nhận thức về tính cấp thiết của đào tạo nguồn nhân lực cao trong bối cảnh hiện nay.

## 05. Kết luận

GDCT ở các trường cao đẳng nước ta hiện nay, về thực chất là thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm cung cấp những tri thức cơ bản về thế giới quan và nhân sinh quan, bồi dưỡng ý thức chính trị cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra. Việc nắm bắt cơ hội và đối phó với những thách thức trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi giáo dục, đào tạo phải chú trọng đến việc phát triển con người toàn diện, góp phần vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Chính vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà môn học GDCT được coi là bắt buộc và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức biên soạn, ban hành tài liệu tích hợp các môn gồm triết học, kinh tế - chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam để dạy và học.

Tuy nhiên, với nội dung hết sức đa diện, phong phú và phức tạp, kéo theo thời lượng giảng dạy và học tập rất hạn chế, theo chúng tôi, chưa thật phù hợp với thực tế học tập cho đối tượng sinh viên cao đẳng. Nếu là môn học bắt buộc thì phải có sự biên soạn hết sức cô đọng nhưng lại không quá trừu tượng, bởi đối

tượng mà các trường cao đẳng đào tạo là những sinh viên và ngay cả các cơ sở đào tạo, đều muốn dành sự ưu tiên cho các môn học chuyên ngành, cốt để họ hoàn thành các môn học đó để khi ra trường, họ trở thành những người có kỹ năng làm việc tốt. Chính vì vậy, để sinh viên sau này trở thành những người phát triển toàn diện thì trình độ, năng lực chuyên môn giỏi, lành nghề là chưa đủ, mà còn phải đào tạo họ thành những người sống có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đất nước. Để làm được điều đó, không có cách nào khác là phải “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”.

Những giải pháp mà chúng tôi nêu ra ở trên xuất phát từ thực tiễn đào tạo ở các trường cao đẳng nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, trên cả nước nói chung. Tuy nhiên, đó cũng chỉ là những giải pháp chủ yếu, mang tính kỳ vọng và điều chúng ta có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, sự tiếp tục đổi mới “căn bản và toàn diện nền giáo dục” của đất nước sẽ tạo đà cho các trường cao đẳng đổi mới và hoàn thiện hơn chương trình GDCT; điều đó góp phần nâng cao hiệu quả của việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao “vừa hồng vừa chuyên” đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước ta, trong điều kiện mới hiện nay./.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. C.Mác và Ph.Ăng-ghen (1995): Toàn tập, t.3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
5. Kang Sung Ryul (2015): Lịch sử triết học phương Đông viết cho thanh thiếu niên, Lương Mỹ Vân và

- Kim Sang Ho dịch, Nxb. Thế giới.
6. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2018): Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015): Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng không chuyên ngành Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

## TÍNH TRIẾT HỌC CỦA NGHỆ THUẬT SỐNG TỐI GIẢN

TS. TRẦN THỊ NGỌC ANH \*

Trong xã hội hiện đại, khi sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng cao, tinh hiệu quả của công việc được cải thiện từng giờ, của cái trong xã hội dồi dào, mức sống ngày một sung túc, số người chạy theo xu hướng hưởng thụ càng nhiều. Tuy nhiên, lại có xu hướng sống tối giản. Sống tối giản trở thành một phong cách, được nâng lên thành nghệ thuật, chứa đựng tư tưởng triết học về nhân sinh quan. Bài viết bước đầu tìm hiểu tính triết học của nghệ thuật sống tối giản, trình bày một số vấn đề mang tính lý luận về nghệ thuật tối giản: khái niệm, đặc trưng (tinh hai mặt, tinh đa dạng, phong phú), những biểu hiện, tầm quan trọng, giúp ta có góc nhìn mới, rút ra những triết lý của lối sống tối giản, từ đó nêu ra một vài kinh nghiệm xây dựng lối sống này, được áp dụng ngày càng phổ biến trong cuộc sống hiện đại ngày nay.

----- Từ khóa -----  
Sống tối giản, nghệ thuật sống tối giản, triết học của nghệ thuật sống tối giản

----- Nhận bài -----  
09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

## 01. Sống tối giản – đôi nét về lịch sử và khái niệm

Minimalism (chủ nghĩa tối giản) được biết đến với tên tuổi của kiến trúc sư người Đức Ludwig Mies van der Rohe (1886 – 1969). Ông là một trong những bậc thầy của nền kiến trúc hiện đại thế giới. Với phong cách này, trong kiến trúc tối giản, bố cục và nội dung đối lập với nhau, theo nguyên tắc “Less is more”, ông đã để lại rất nhiều công trình để đời như Crown Hall, Farnsworth House, IBM Plaza, 860-880 Lake Shore Drive, Seagram Building...và những thiết kế nổi bật như Barcelona chair, Brno chair...

Tuy nhiên, theo Kyle Chayka, tác giả quyển The Longing for Less: Living with Minimalism, chủ nghĩa tối giản có nguồn gốc còn nguyên thủy hơn rất nhiều, có lẽ đã ẩn chứa trong các giáo lý của Phật giáo. Những phạm trù vô ngã, vô thường, tính Không của Phật giáo hướng con người đến một cuộc sống giản dị nhất có thể, khuyến khích con người biết buông bỏ và sống tiết dục, đơn giản, bữa ăn đạm bạc, cuộc sống chay tịnh. Tư tưởng vô vi của Đạo Lão cũng có thể coi là một trong những khởi nguồn sâu xa của nghệ thuật sống tối giản. Lão Tử, Trang Tử chủ trương sống một đời

thanh thản, rũ bỏ mọi danh lợi, vinh hoa, sống an lành, thuận theo tự nhiên. Sau này, có những nhà tư tưởng thời phong kiến của Trung Quốc, Việt Nam...cũng rũ áo từ quan, xa chốn bụi trần, về quê nhà vui thú điền viên.

Vào thập niên 60, 70 của thế kỷ XX, phong cách Minimalism đã dần phát triển và được nhóm nghệ sĩ trẻ ưa chuộng khi muốn đưa ra những giải pháp mới nhằm chống lại những quy tắc ngột ngạt của mỹ thuật. Nổi bật trong khoảng thời gian này là những tên tuổi như Agnes Martin, nhà điêu khắc Donald Judd, nghệ sĩ Frank Stella. Phong cách tối giản ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực liên quan đến nghệ thuật như hội họa, kiến trúc và những lĩnh vực sáng tạo khác. Đến những năm 1970, Dieter được xem là người có ảnh hưởng lớn nhất đến xu hướng minimalism bởi những thiết kế đơn giản nhưng lại rất thân thiện với người dùng. Ban đầu trào lưu này chỉ phát triển trong hai lĩnh vực chính là điện ảnh và kiến trúc, sau đó được lan rộng ra thế giới, trở thành một phong trào nghệ thuật ở nhiều lĩnh vực. Cuộc sống tối giản trong nghệ thuật được đặc trưng bởi việc khám phá các yếu tố cần thiết nhất trong các loại hình khác nhau, giúp loại bỏ những chi tiết rườm rà, dư thừa, nhằm diễn đạt giá trị của các tác phẩm một cách rõ ràng và cô đọng nhất. Dần dần nó đã trở nên phổ biến như triết lý cho một cách sống.

Và đó cũng là một phong cách sống được ưa chuộng của người Nhật. Từ thời kỳ Edo (1603-1868), người Nhật đã có các luật lệ ngăn chặn sự khoe khoang của cải, vật chất và tài sản. Thêm nữa, nước Nhật thường xuyên đối mặt với thảm họa động đất, và có tới xấp xỉ 50% nguyên nhân thương vong là do đồ đạc rơi vỡ, nhà cửa đổ nát. Điều ấy khiến người Nhật buộc phải tối giản nội thất cũng như ngoại thất nhiều hơn. Dần dần, Danshari đã trở thành lối sống và là biểu tượng trong sinh hoạt của người Nhật. Sasaki Fumio – tác giả của cuốn sách "Lối sống tối giản của người Nhật" đã phân tích kỹ điều đó.

Chủ nghĩa tối giản không còn là khái niệm xa lạ với chúng ta, cũng không chỉ gói gọn trong việc thay đổi cách bài trí ngôi nhà mà còn hướng đến việc thay đổi mọi mặt trong đời sống, đặc biệt là phong cách sống. Ngày nay, chủ nghĩa tối giản trở nên phổ biến ở nhiều nơi và có thời gian còn trở thành một trào lưu gây sốt. Nhiều nhân vật có tầm ảnh hưởng đã chọn theo đuổi và lan tỏa lối sống này, đẩy lên cao thành nghệ thuật tối giản.

Có một số khái niệm gắn nhau: lối sống tối giản, trào lưu tối giản, phong cách tối giản, chủ nghĩa tối giản, nghệ thuật sống tối giản...

Có khá nhiều tranh luận về lối sống tối giản, song cũng chưa đưa đến một sự thống nhất hoàn toàn. Tuy nhiên, có thể hiểu lối sống tối giản là lối sống ít hướng đến giá trị vật chất mà hướng đến sự đơn giản nhất có thể. Sasaki Fumio – tác giả của cuốn sách Lối sống tối giản của người Nhật khẳng định: Lối sống tối giản là cách sống cắt giảm vật dụng xuống còn mức tối thiểu. Và cùng với cuộc sống ít đồ đạc, ta có thể để tâm nhiều hơn tới hạnh phúc [1, tr.14].

Theo Joshua Becker- tác giả của quyển sách nổi tiếng Sống tối giản thì lối sống tối giản được hiểu là lối sống có mục đích rõ ràng và từng đồ vật trong nhà đều mang trong mình một ý nghĩa nhất định của nó. Mục tiêu của chủ nghĩa tối giản là xóa bỏ gánh nặng trong cuộc sống để ta có thể đạt được nhiều thành tựu [2, tr.62]. Chủ nghĩa tối giản có thể được áp dụng vào mọi mặt trong đời sống: công việc, suy nghĩ, các mối quan hệ,... và số lượng người theo đuổi nó không ngừng tăng lên trên phạm vi toàn cầu.

Triết lý sống tối giản là triết lý sống cho rằng, càng buông bỏ, càng sống với ít sự phức tạp, bạn sẽ càng cảm thấy hạnh phúc nhiều hơn. Khi đó, hạnh phúc của bạn không phụ thuộc vào bất kỳ điều gì ngoài chính bản thân. Cái đẹp của phong cách, của sự hài hòa, của sự duyên dáng và nhịp nhàng phụ thuộc vào sự đơn giản. Đơn giản là

đỉnh cao của phức tạp; Đơn giản là sự tinh tế cao nhất... là những slogan của những người đam mê phong cách này.

Nghệ thuật sống tối giản là sự tối giản không còn nằm trong ý niệm, mà nó thấm sâu vào từng hơi thở của cuộc sống, thành kỹ năng kỹ xảo trong mọi công việc, mọi hành vi, mọi phương pháp, được hướng tới một vẻ đẹp đơn sơ mà sâu lắng, giản dị mà không kém phần sang trọng, tinh tế. Tối giản mang lại cảm hứng lớn cho cái Đẹp. Khi đạt đến trình độ này, con người như thoát khỏi mọi ràng buộc, được bay bổng trong tự do. Tối giản không phải là mục đích, đó là phương tiện giúp ta nhận chân giá trị cuộc đời mình, để ta hiểu thực sự mình cần gì trong cuộc đời. Ngay khi cuộc sống còn khó khăn, nhiều tai ương, bất hạnh..., người ta vẫn hoàn toàn có thể vươn tới đỉnh cao của nghệ thuật này.

## 02. Tính hai mặt của nghệ thuật sống tối giản

Mặt tích cực: Nghệ thuật sống tối giản vừa giúp tiết kiệm mọi mặt, vừa nâng cao chất lượng sống.

Sống tối giản có nghĩa là sở hữu ít hơn, mang lại cho mình nhiều tự do tài chính. Thay vì liên tục tiêu xài, những người theo xu hướng tối giản thường sống theo nguyên tắc của họ, dành nhiều thời gian hơn cho những sở thích cá nhân ít tốn kém mà làm giàu đời sống tinh thần, chẳng hạn như: trò chuyện với bạn bè, đọc sách, nghe nhạc, học một kỹ năng, hòa mình vào thiên nhiên, trồng cây, nuôi thú cưng, chăm sóc gia đình, sử dụng những nguyên liệu sống đa dạng nhưng thân thiện, dễ kiếm tìm, không đắt đỏ. Chính vì vậy, ta sẽ tiết kiệm được nhiều thứ như:

Thứ nhất: tiết kiệm chi phí. Lợi ích đầu tiên là lợi ích về tài chính. Việc sở hữu ít đồ vật gắn với việc giúp bạn tiêu ít tiền hơn. Không cần chạy theo những thói xa xỉ, mua sắm đồ đạc đắt đỏ, mà tài chính ấy sẽ dành cho những việc nâng cao chất lượng cuộc sống: đầu tư vào sức khỏe, học tập, giải trí, đi du lịch cùng gia đình và bạn bè, tăng thêm kết nối và trau dồi hiểu biết.

Thứ hai: Tiết kiệm thời gian. Việc sở hữu ít đồ vật còn giúp bạn bớt nhiều thời gian để chăm sóc, sắp xếp, sử dụng, và lau dọn chúng. Đi mua sắm thường xuyên khiến bạn mất rất nhiều thời gian. Trong thời đại tiêu dùng như hiện nay, có nhiều người nghiện mua sắm, đến mức, thời gian dành cho công việc này chiếm một tỷ trọng rất lớn trong

quỹ thời gian sống của họ. Sống tối giản cũng khiến ta không tiêu tốn thời gian vào những việc vô bổ, những mối quan hệ xã giao, những suy nghĩ rắc rối, phức tạp.

Thứ ba: tiết kiệm sức khỏe. Sở hữu ít đồ vật là cách giúp bạn ít căng thẳng hơn. Trong một diện tích dù rộng đến đâu nhưng lại chất ngất đồ đạc sẽ khiến không gian sống thực sự của bạn bị ngộp thở. Trong trí não của bạn bộn bề các mối lo lắng, suy nghĩ rắc rối, phức tạp như trên sẽ khiến bạn bị bao vây bởi chúng mà khó thoát ra được. Nếu bạn lược bớt đi, điều đó cho bạn cải thiện sức khỏe của mình, loại bỏ stress, thoải mái, vui vẻ, nhẹ nhõm hơn, bạn sẽ cảm nhận được sự lành mạnh và lòng yêu đời.

Thứ tư: tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. Việc sử dụng ít vật dụng sẽ giúp bạn góp một phần thiết thực vào việc bảo tồn tài nguyên tự nhiên, các vấn đề về môi trường được quan tâm và ưu tiên hơn. Những người theo lối sống này thường sử dụng các vật liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường, sống hài hòa với tự nhiên, hay tìm mọi cơ hội đưa thiên nhiên vào không gian sống của mình: ánh sáng tự nhiên, gió trời, không khí tươi, cây cối và các con vật nuôi thân thiện...

Nói tóm lại, sống tối giản sẽ làm cho chúng ta hạnh phúc hơn, tự do hơn. Càng phức tạp, càng rối rắm, càng nặng nề mất tự do. Triết lý của lối sống tối giản chính là ở chỗ đó.

Mặt hạn chế của lối sống tối giản

Thứ nhất, tự hạn chế mối quan hệ xung quanh mình

Với cách tiết chế mua sắm, chủ nhân sẽ khá ngại ngần khi mở rộng giao lưu, xây dựng các mối quan hệ mới. Thường họ sẽ không muốn mang đến sự phiền toái cho những người xung quanh và cho chính bản thân mình. Họ sẽ co mình lại, chui vào vỏ bọc theo họ là an toàn hơn cả. Dần dần, rất có thể họ sẽ bị cô độc, lạc lõng nếu không biết cân bằng.

Thứ hai, không thực sự thích hợp với đời sống gia đình có đông đúc thành viên.

Lối sống tối giản phù hợp với những người sống độc thân hơn là với gia đình, đặc biệt là những gia đình lớn. Tất nhiên, khi sống độc thân, nhu cầu tiêu dùng sinh hoạt của bạn có khả năng không thể nhiều bằng có thêm các thành viên, ở nhiều lứa tuổi, đa dạng các nhu cầu, chông chéo về thời gian sống, nghỉ ngơi và làm việc.

Có thể khắc phục điều này bằng cách, chúng ta sẽ vừa tạo cho mình một không gian riêng, một phong cách yêu thích, vừa tôn trọng những thành viên khác trong sự hài hòa nhất định. Đó là chỉ khó

khăn trong một không gian sống vật chất hữu hạn mà thôi, còn trong đời sống tinh thần thì không có giới hạn.

Tính hai mặt này thể hiện rõ nét tính triết học của nghệ thuật tối giản.

## 03. Tính đa dạng của nghệ thuật sống tối giản thể hiện ở nhiều khía cạnh trong cuộc sống

Tối giản trong trang trí nội thất, ngoại thất và trang phục

Đây là biểu hiện đầu tiên và cũng dễ nhận thấy nhất của một chủ thể sống tối giản. Minimalism giúp có một không gian sống rộng rãi và thoáng đãng giữa chốn thị thành đất đỏ bằng việc bỏ đi những vật dụng không sử dụng, ít sử dụng và học cách sắp xếp nơi ở, nơi làm việc gọn gàng, ngăn nắp. Không khí và ánh sáng trong phòng được lưu thông. Phong thủy hài hòa. Áo quần trang nhã, phù hợp, lịch sự, không lòe loẹt, cầu kỳ. Chúng ta có thể thấy lại hình ảnh của Steve Jobs – một trong những người sáng lập công ty công nghệ Apple Inc danh tiếng- luôn năng động và trẻ trung trong duy nhất một mẫu trang phục: quần Jean xanh màu chàm truyền thống kết hợp với áo thun đen. Và chỉ có thế. Là người chịu ảnh hưởng to lớn từ văn hóa Thiền Nhật bản, Steve Jobs luôn đưa tinh thần tối giản vào các sản phẩm của mình. Chúng không bao giờ có những chi tiết dư thừa.

Tối giản trong việc thu thập thông tin

Trong một xã hội đầy ắp thông tin như hiện nay, mỗi giây, mỗi phút lại có một lượng khổng lồ những thông tin mới, có thật, có ảo, có tốt, có xấu. Chọn lọc những thông tin hữu ích để theo dõi, không thu thập thông tin tràn lan, không mục đích, tránh mất thời gian vô ích và làm cùn mòn trí nhớ do bội thực thông tin. Từ chối các tin tức "lá cải" vô bổ, tiêu cực, nặng nề; thay vào đó tập trung tới những điều tích cực, bổ ích khiến tinh thần trở nên vui vẻ, thoải mái hơn.

Tối giản trong các mối quan hệ xã hội

Từ bỏ những mối quan hệ vô thưởng vô phạt, tập trung thời gian cho những mối quan hệ thân thiết, chất lượng hơn số lượng. Quý hồ tinh bất quý hồ đa. Tối giản những mối quan hệ giúp ta có được những sự gắn kết bền chặt, không vụ lợi, từ đó có cuộc sống hạnh phúc hơn.

Tối giản trong lựa chọn các hình thức và chương trình giải trí

Chọn lọc những chương trình bên cạnh việc giải trí còn đem lại giá trị nhân văn, giá trị kiến thức, giá trị thẩm mỹ cao, bồi dưỡng tâm hồn con người thêm giàu có, bằng những hình thức lành mạnh. Tránh xa các hình thức và chương trình độc hại. Để lựa chọn được như vậy, thực sự cần một trình độ nhất định, một nền tảng văn hóa căn bản mà giới trẻ ngày nay còn rất thiếu.

Tối giản trong tâm hồn

“Dọn dẹp” tâm hồn cho thanh sạch, gạt bỏ những suy nghĩ tiêu cực, xấu xí, phức tạp làm tâm trí mệt mỏi, Minimalism không chỉ tác động đến cuộc sống hàng ngày mà nó còn giúp thanh lọc cả đời sống tinh thần. Có lẽ, đây là mục tiêu cao cả nhất mà lối sống này hướng tới, cũng là biểu hiện rõ nét nhất cho thấy tính triết học của nghệ thuật sống này.

#### 04. Một số lầm tưởng về nghệ thuật sống tối giản

Tối giản thường hay bị đánh đồng với đơn điệu và chi phí thấp

Thiết kế nội thất theo phong cách tối giản, để cao việc có ít đồ đạc trong cùng một không gian đã tạo nên những hiểu lầm về mức đầu tư cho nó.

Tối giản bị cho là nhạt nhẽo, chỉ ưu tiên hai màu: trắng và đen, đó phải luôn luôn là màu chủ đạo. Hai màu trắng và đen có thể mang đến cảm giác đơn giản và mang tính nghệ thuật cao nhưng không có nghĩa bạn phải bao trùm bản thân, căn nhà của mình, các đồ dùng, trang phục, bài trí,... chỉ bằng hai màu ấy. Bạn có thể sử dụng bất cứ màu sắc yêu thích nào, miễn sao thấy vui vẻ và thoải mái là được. Mỗi món đồ được chọn lựa đều phải đạt chất lượng, có thẩm mỹ và trong một sự sắp đặt hoàn hảo. Mức đầu tư cho những nội thất như vậy không hề thấp, và đặc biệt chủ nhân phải chọn lựa kỹ càng, có gu thẩm mỹ cao, tạo những điểm nhấn trong phong cách nên nó không hề đơn điệu.

Tối giản cũng bị đồng nghĩa với việc lược bỏ tất cả một cách cực đoan

Không nên đánh đồng sống tối giản (Minimalism) với sự tiết kiệm, dè sẻn, hà tiện (Frugal) làm khổ cực bản thân, hay lối sống khắc kỷ (Stoicism) hà khắc với bản thân, siết chặt kỷ luật và tiêu diệt những ham muốn. Chúng ta chỉ lược bỏ những điều phiền não, ảnh hưởng tiêu cực và quá tải mà thôi. Tối giản không đồng nghĩa với việc lược bỏ hết tất cả. Mà là phải biết từ bỏ. Họ đã nhầm lẫn bởi, “đối tượng muốn loại bỏ” của lối sống tối giản không phải là sự mua sắm mà chính

là sự mua sắm vô kế hoạch, mua sắm để có cảm giác viên mãn.

Một cách hiểu nhầm nữa là sống tối giản không thúc đẩy sự phát triển của xã hội, vì không kích cầu cho sự sản xuất hàng hóa. Có người nghĩ, sống tối giản là không được mua sắm, là tiết kiệm đến mức bần xỉn, keo kiệt, vậy thì sẽ không thể thúc đẩy sản xuất xã hội. Chúng tôi không nhất trí với cách nghĩ này, bởi vì những món đồ người sống tối giản lựa chọn nhiều khi có một giá thành không hề thấp. Họ đơn giản là lựa chọn rất kỹ lưỡng, theo một tiêu chí chất lượng cao, cần và đủ, mà không chạy theo số lượng. Họ giàu có về những giá trị khác. Sự giàu có ấy thể hiện ở những phong cách tối giản sau đây.

#### 05. Những phong cách sống tối giản phổ biến

Phong cách tối giản tối đa

Đây là kiểu người có xu hướng giảm tối đa có thể, và đây cũng là phong cách phổ biến nhất. Triết lý tối giản của họ sẽ được biểu đạt ở mọi lĩnh vực của cuộc sống. Những người theo cách này thường có quan niệm càng ít càng tốt, chỉ đáp ứng nhu cầu cần và đủ. Nhưng điều này không có nghĩa là họ bỏ qua sự tận hưởng của bản thân. Ngược lại, người theo phong cách tối giản tối đa sẽ hay lựa chọn những vật dụng cao cấp và một cuộc sống chất lượng. Chúng phải đáp ứng điều kiện tốt nhất, nhiều chức năng nhất và sử dụng lâu dài nhất có thể. Họ không tham gia các bữa tiệc tùng lê thê, không chấp nhận những mối quan hệ hời hợt, không làm những việc thừa thãi.

Phong cách tối giản nghệ thuật

Người có phong cách tối giản nghệ thuật hướng đến không gian sống thoáng đãng, dễ chịu, cá tính, không lặp lại. Phong cách này đặc biệt chú trọng đến ánh sáng trong nhà thiên về tự nhiên cũng như cách bài trí nội, ngoại thất có chủ ý nghệ thuật. Màu sắc chủ đạo họ hay dùng là các gam màu đối lập của sáng và tối. Người sống tối giản theo hướng nghệ thuật thường có cách thiết kế độc đáo, có gu riêng, có điểm nhấn, đậm nét cá tính ngay từ chi tiết nhỏ. Họ thích tận hưởng cuộc sống nhẹ nhàng, thanh thoát, bay bổng với những ý tưởng sáng tạo rực rỡ. Cuộc sống của họ, tưởng chừng đơn giản mà lại vô cùng đa dạng, phong phú và luôn tươi mới.

Phong cách tối giản bảo vệ môi trường

Chủ nghĩa tối giản theo phong cách này sẽ tận dụng tối đa đồ dùng hàng ngày. Họ hạn chế việc xả rác, nhất là các rác thải khó phân hủy. Đồng thời, họ sẽ lựa chọn các thực phẩm hữu cơ, những đồ dùng có nguồn gốc thiên nhiên, ví dụ như bàn ghế mây tre đan, những bức tranh được ghép bởi lá và hoa khô, những lối đi trải sỏi... Không gian xung quanh họ cũng sẽ được kết hợp với nhiều cây xanh hơn khi có điều kiện.

Phong cách tối giản đạm bạc

Người sống tối giản đạm bạc hướng tới mục tiêu tiết kiệm tiền bạc theo đúng nghĩa đen. Không hẳn do điều kiện kinh tế eo hẹp, mà đơn thuần, họ là người không quá coi trọng vật chất, không thích cuộc sống rườm rà. Đồ hiệu đắt tiền, nhà sang, xe đẹp... đối với họ không có nhiều ý nghĩa. Nhu cầu vật chất của họ đơn sơ, niềm vui của họ có lẽ dành cho những lĩnh vực tinh thần khác.

Phong cách tối giản trải nghiệm

Đặc điểm chung của những người sống theo phong cách này là “thích xê dịch”. Hiểu một cách đơn giản là họ lược bỏ bớt đồ đạc đi để có thể tiện di chuyển. Nếu bạn mong muốn có thể đi du lịch nhiều nơi hoặc muốn thường xuyên thay đổi chỗ ở, thích những cảm giác mới mẻ thì bạn sẽ phù hợp với phong cách sống này. Nhiều người trẻ ở các nước Âu, Mỹ rất chuộng kiểu trải nghiệm như vậy. Trên con đường trải nghiệm, họ sẽ gạt hái cho mình nhiều điều bổ ích. Tuy là tối giản, nhưng phong cách này lại có yêu cầu cao về điều kiện thể chất. Việt Nam ta có câu tục ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn, tuy nhiên, trào lưu này chưa nhiều, vì quan niệm văn hóa truyền thống của nước ta hay gắn với quê hương, bản quán, thích sự ổn định, an cư lạc nghiệp.

Phong cách tối giản trong tinh thần

Người sống tối giản tinh thần cắt giảm các mối quan hệ vô bổ, những ràng buộc nặng nề, những lễ nghi phiền toái, những sự bày vẽ màu mè, rườm rà...nhằm đem đến cho bản thân sự thoải mái, tự do cao nhất. Đây chính là đỉnh cao của lối sống này mang đến, thể hiện rõ nhất khát vọng vươn lên của con người, vượt thoát mọi rào cản, ràng buộc, toát lên một triết lý sống an nhiên, giản dị.

#### 06. Cách thức để bắt đầu xây dựng lối sống tối giản

Dùng cảm loại bỏ những thứ không cần thiết một cách kiên quyết

Một trong những tiêu chí cốt lõi nhất của chủ nghĩa tối giản là cắt giảm những thứ bạn không

cần. Để bắt đầu, hãy xác định những gì cần thiết để phục vụ mục đích trong cuộc sống của bạn. Hãy tự hỏi xem làm thế nào để có thể cắt giảm những thứ không mang lại giá trị cho cuộc sống của mình, rồi loại bỏ chúng hoàn toàn một cách kiên quyết, dứt khoát. Đồ đạc, vật dụng, quan hệ xã giao phiền phức, sự nhạt nhẽo, vô vị,... Thực hiện được bước đầu này sẽ khá khó khăn, nhất là trong thời buổi hiện nay, có nhiều người đang sống trong ngập tràn hàng hóa, một xã hội tiêu thụ, quá thừa vật dụng nhưng quá ít niềm vui.

Lấy chất lượng thay vì số lượng

Chủ nghĩa tối giản không có nghĩa là bạn không bao giờ đi mua sắm, nó chỉ có nghĩa là bạn có chủ ý hơn với việc đầu tư của mình. Đầu tư vào những món đồ chất lượng, các mối quan hệ chất lượng, những ý tưởng chất lượng...để tăng cường chất lượng sống.

Tăng cường tái sử dụng

Khi bắt đầu dọn dẹp, hãy xem xét những sản phẩm nào có thể được tái sử dụng. Đặt những giá trị lợi ích tiện dụng, xinh đẹp và độc đáo. Nếu không, cần phòng lại giống như một nhà kho, tâm trạng lại chật hẹp, gò bó hơn.

Sắp xếp mọi thứ gọn gàng, ngăn nắp

Khi bạn đã bắt nhịp được với phong cách tối giản, hãy sắp xếp mọi thứ vào đúng vị trí của nó một cách khoa học để đảm bảo có thể lưu trữ chính xác những gì bạn cần. Khi không gian tối giản của bạn được đặt vào đúng vị trí, hãy tự chịu trách nhiệm cất các món đồ sau khi sử dụng xong. Như các file tài liệu được lưu một cách khoa học trong máy tính. Như ông thầy lang có những ô tủ, mỗi ô chứa một vị thuốc riêng biệt, nghệ thuật sắp đặt của bạn sẽ được rèn giũa mỗi ngày, cẩn trọng và chính xác.

Đầu tư vào trải nghiệm

Một thực tế phổ biến trong chủ nghĩa tối giản là ưu tiên trải nghiệm. Một số người đánh giá cao những kỷ niệm được tạo ra từ các chuyến đi hoặc các lớp học kỹ năng sống hơn là có các thiết bị điện tử hoặc những món thời trang mới nhất. Tối giản có thể cắt giảm chi phí ngân sách hiệu quả, vì thế bạn sẽ có nhiều thời gian hơn để chi cho những thứ khác làm giàu có hơn sự trải nghiệm của mình. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Cuộc sống là một hành trình, không phải là đích đến. Xét cho cùng, đích đến của chúng ta như nhau, chỉ khác hành trình mà thôi.

Bỏ qua những gì ngoài tầm kiểm soát

Buông bỏ những thứ bạn không thể kiểm soát, có thái độ bình thản đón nhận những sự việc diễn ra theo quy luật, lược đi những lo lắng quá đà về

tương lai...Tập trung vào những thứ bạn thích và trong khả năng của mình. Một khi bạn đã thu hẹp được những gì quan trọng nhất đối với mình, dồn năng lượng vào đó để có những thành tựu, từng bước một."Một khi buông bỏ được những thứ không quan trọng, ta có thể thoải mái theo đuổi tất cả những điều thật sự quan trọng với mình" [3]. Có nhiều thứ trong hoàn cảnh này rất hữu dụng, nhưng trong hoàn cảnh khác, vẫn giữ nó thì lại là gánh nặng làm chậm cả hành trình.

Hãy bắt đầu ngay để thực hiện những điều này. Một điều rất hiển nhiên là, chúng ta đều luôn có cơ hội bắt đầu, ngay từ bây giờ, không khi nào là muộn.

Tuy nhiên, đó cũng chỉ là lý thuyết. Để đạt đến nghệ thuật sống tối giản, chúng ta cần một sự nỗ lực mạnh mẽ và bền bỉ không ngừng.

## 07. Kết luận

Mỗi người là một cá nhân khác nhau, có sở thích, môi trường, gia đình, văn hóa,... khác nhau. Vì vậy, phong cách sống như thế nào là tùy thuộc sự lựa chọn của mỗi cá nhân. Không có một tiêu chí nào để so sánh sự tối giản giữa các cá nhân. Tuy nhiên, không thể phủ nhận những ích lợi tuyệt vời mà nghệ thuật sống tối giản mang lại, mà điều tuyệt vời nhất của nghệ thuật này chính là một tinh thần triết học sâu sắc, nhân văn, khiến cho cuộc sống có ý nghĩa hơn.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Joshua Becker (2020): *Sống tối giản*, Thục Quyên (dịch), Nxb. Tổng hợp, TPHCM.
2. Joshua Fields Millburn, Ryan Nicodemus (2020): *Chủ nghĩa tối giản*, Nguyễn Thị Hồng Phương (dịch), Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội
3. Sasaki Fumio (2022): *Lối sống tối giản của người Nhật*, Như Nữ (dịch) Paperback, Nxb. Lao động, Hà Nội.
4. Nguyễn Thuý Linh (2002): *Lối sống tối giản có điều gì hấp dẫn khiến giới trẻ phải theo đuổi?* Tạp chí Phái mạnh - ELLE Man.
5. Kyle Chayka (2020): *The Longing for Less: Living with Minimalism*, Bloomsbury Publishing USA

# NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. NGUYỄN DUY CƯỜNG \*



Tạp chí Nghiên cứu Triết học đăng bài tham luận của TS. Nguyễn Duy Cường tại Đại hội Triết học thế giới lần thứ XXV vừa diễn ra tại Roma (Italia) từ ngày 1 - 8/8/2024 dưới chủ đề bao trùm "Triết học vượt qua các rào cản". Từ giác độ những người nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam, Bài tham luận đã khái quát tình hình đầy bất trắc, khó tiên liệu trên thế giới và Việt Nam những năm gần đây; đó cũng là điều kiện, môi trường hoạt động của những người công tác triết học chúng ta. Từ đó bài viết đã phân tích cụ thể 3 rào cản khách quan và chủ quan đang đứng trước hoạt động triết học ở Việt Nam. Tác giả cũng tin tưởng rằng, thời gian qua đội ngũ triết học Việt Nam đã bước đầu và dần dần được tập hợp lại dưới mái nhà chung là Hội triết học, nhờ hoạt động tích cực của các cấp Hội được trợ lực bởi các tổ chức, cá nhân chính thức cũng như phi chính thức, những rào cản đó sẽ dần được tháo bỏ để triết học Việt Nam phát triển lành mạnh, vượt bậc trong thời gian tới đáp ứng những kỳ vọng chính đáng của xã hội và của chính mình.

### ----- Từ khóa -----

Đại hội triết học thế giới, Hội triết học, nghiên cứu và giảng dạy triết học, rào cản, khát vọng cống hiến, trách nhiệm xã hội

### ----- Nhận bài -----

09/08/2024; biên tập: 10/08/2024; phản biện: 18/08/2024; duyệt đăng: 26/08/2024.

*Kính thưa Quý ông, Quý bà lãnh đạo Liên đoàn quốc tế các hội triết học!*

*Thưa các bạn đồng nghiệp!*

Tôi xin kính gửi tới toàn thể Đại hội Triết học thế giới lần thứ XXV lời cảm ơn chân thành đã mời chúng tôi tham dự sự kiện quan trọng này với chủ đề Triết học vượt qua các khó khăn. Chúng tôi tới đây trước hết để tìm hiểu, tiếp thu, lắng nghe và học tập những nội dung mà các nhà triết học thế giới trình bày, đồng thời chúng tôi cũng giải bày một số ý kiến của chúng tôi về những rào cản trong việc nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam hiện nay, để các bạn đồng nghiệp tham vấn và tận tình giúp đỡ chúng tôi.

Kính thưa toàn thể Đại hội, Tổ quốc chúng tôi đã trải qua cả ngàn năm binh lửa, chiến đấu quật cường, anh dũng hy sinh vô bờ bến mới giành được độc lập, toàn vẹn lãnh thổ cách nay mới gần nửa thế kỷ. Hàng ngàn năm đã qua với triết lý đoàn kết cộng đồng, phát huy cao độ tinh thần yêu nước, quyết tâm gìn giữ độc lập dân tộc, mang lại tự do, hòa bình và thống nhất giang sơn về một mối. Và cũng với triết lý đại đoàn kết, không có gì quý hơn độc lập tự do đó, sau khi giành lại non sông liền một dải, chúng tôi đã bắt tay ngay vào khôi phục và xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Sau hàng ngàn năm đấu tranh vô cùng gian nan cực khổ, mục tiêu mà nhân dân chúng tôi đặt ra không chỉ là độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào riêng mình, mà còn là hòa bình cho nhân loại. Mục tiêu trước mắt và lâu dài của chúng tôi là đất nước được xây dựng hùng cường; nhân dân được ấm no, giàu có; xã hội công bằng, có đời sống dân chủ thực sự; và phấn đấu trở thành một nước văn minh ngang tầm với nhiều nước văn minh khác của nhân loại. Với số dân trên một trăm triệu người, Việt Nam đã thành lập hàng trăm trường đại học. Dù là loại hình trường đại học nào thì tất cả các trường đều tiến hành nghiên cứu và giảng dạy những cơ sở nền tảng của triết học tiếp biến, thu nhận nhằm tạo lập cho được một lý luận triết học phục vụ đắc lực mục tiêu xây dựng nước Việt Nam thống nhất, độc lập, tự do, dân giàu; Tổ quốc hùng mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, kỷ cương, xứng đáng bước vào hàng ngũ các nước văn minh. Đối với chúng tôi hiện nay, đây là nhiệm vụ cực kỳ to lớn và khó khăn.

Mọi người Việt Nam đều hiểu rằng, giai đoạn mình đang sống, lao động và học tập hiện nay, có lẽ là thời kỳ khó khăn nhất trong lịch sử nhân loại. Những vấn đề hòa bình và chiến tranh, những vấn

đề chế độ chính trị và nhân quyền, sự giàu có và đói nghèo, an ninh môi trường và thời đại chuyển đổi số ... đang từng ngày lay động con tim, khối óc hàng triệu người, trong đó có những nhà triết học. Vài thập kỷ gần đây, các đại hội, hội nghị triết học chuyên đề thế giới đã quan tâm sâu sắc tới mối tương quan giữa truyền thống và hiện đại, các vấn đề quyền con người và hệ vấn đề về số phận mỗi dân tộc... Tất cả chúng đã được đặt ra và thảo luận ở nhiều đại hội triết học trước đây mà chúng tôi chưa được tham dự; ngay cả những vấn đề thật sự lớn lao về sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội đã được nhiều nhà triết học thế giới đưa tin rất sớm. Không ít nhà triết học nổi tiếng đã phát hiện ra các cách thức phát triển xã hội sai lầm, không theo quy luật khi nó chủ trương hi sinh hiện thực cho lý tưởng, hi sinh hôm nay vì ngày mai, hi sinh cá nhân cho tập thể. Nhiều nhà triết học khi đó đã phê phán chủ nghĩa cực quyền và cổ vũ chế độ pháp quyền trong một xã hội dân chủ. Có thể nói, hoạt động triết học thế giới trong thế kỷ XX và hơn hai thập niên đầu thế kỷ XXI vừa qua cực kỳ phong phú và sôi động. Nhiều học thuyết đã xuất hiện từ sự phát triển mau chóng của đời sống xã hội và những học thuyết này không hề nhất thành bất biến mà thay đổi rất sinh động kế tiếp lẫn nhau, cách tân và có tính cách mạng.

Một làn sóng duy vật đã hình thành ở nửa sau thế kỷ XX, hiện nay trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, các phong trào xã hội phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, nó đang tích cực khám phá những con đường mới cho triết học tiếp tục vận động tiến lên về phía trước. Triết học của nhân loại trong vòng mấy chục năm trở lại đây đang ra sức làm phong phú và xác lập một hệ phương pháp mới, xây dựng một hệ thống khái niệm, phạm trù sâu rộng, tinh vi, khái quát và phản ánh đúng quy luật phát triển của đời sống, đi sâu vào nội tâm, tâm linh của con người, và dự báo sự xuất hiện của một nền văn minh mới.

Khó khăn thứ nhất. Trước sự phát triển như vũ bão của triết học thế giới như vậy, chúng tôi đang vấp phải những khó khăn về trình độ tri thức, về thông tin, về tổ chức nghiên cứu và giảng dạy triết học ở ngay các viện nghiên cứu, các trường đại học và cả ở việc đào tạo các nhà triết học có trình độ trên đại học. Chúng tôi đã cố gắng rất nhiều để tiếp thu, để hòa nhập vào các kênh thông tin chân

xác và mạnh mẽ, tuy nhiên do nhiều lý do khác nhau mà không ít thành quả triết học của nhân loại chúng tôi vẫn chưa thể cập nhật, vẫn chưa đưa kịp vào hệ thống giáo dục và nghiên cứu triết học của chúng tôi. Đó là một khó khăn lớn trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam hiện nay.

Khó khăn thứ hai trong nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam hiện nay là vấn đề kiểm soát nguồn thông tin toàn quốc và toàn cầu. Nhiều người làm công tác triết học ở Việt Nam đang cố gắng hết sức mình để xây dựng một hệ thống lý luận nền tảng của con đường làm cho nhân dân giàu có, đất nước hùng mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Họ đang học tập, tìm tòi nghiên cứu các triết thuyết phù hợp với sự phát triển thực tế ở Việt Nam. Một số nhà lý luận triết học đã công bố những tư tưởng quan trọng và tiến bộ về việc làm cho đất nước chúng tôi được phát triển đàng hoàng hơn, to đẹp hơn thì ở đâu đó trên các mạng thông tin xuất hiện rất nhiều những phản biện. Có những lời khen, có những lời góp ý, bổ sung; nhưng cũng không ít những ý kiến phản ứng gay gắt mang tính thiếu xây dựng hoặc xuyên tạc những luận điểm triết học quan trọng làm nền tảng cơ bản cho sự phát triển đất nước chúng tôi. Các khái niệm, các tư tưởng triết học có tính thế giới quan sâu rộng. Các phạm trù, khái niệm mới của tư duy lý luận phản ánh những thành tựu khoa học mới của đất nước, của nhân loại và chúng được suy tưởng trên các hình thức logic có tính hệ thống chặt chẽ, chứa đựng các lớp tin đa tầng bậc. Khi những ý kiến xuyên tạc, bịa đặt chống lại các tư tưởng triết học nền tảng phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam to đẹp hơn, đàng hoàng hơn, thì những ý kiến, quan điểm đó đã dựa trên những hệ chuẩn khác, một hiện thực khác và cả những tư tưởng một nền văn minh khác. Hệ vấn đề của nền văn minh, theo chúng tôi, không hề trùng khít lên hệ vấn đề của các khoa học triết học. Trong mỗi tổ chức xã hội của nền văn minh vẫn có các mâu thuẫn, có các lực điều hòa.

Nhiều nhà triết học hiện nay đã lấy các chuẩn mực, các thước đo của nền văn minh nào đó để phê phán những tư tưởng triết học của một dân tộc nào đó là hoàn toàn không công bằng. Thực tế rất nhiều vấn đề triết học về môi trường, về sinh học xã hội, về hòa bình và phát triển chỉ có thể giải quyết trên tầm toàn nhân loại có ý nghĩa toàn cầu, nhưng đồng thời vẫn phải được giải quyết thỏa đáng ở tầm châu lục, tầm quốc gia-dân tộc. Vì lý do ấy, các nhà triết học tiên phong, tiến bộ cần tham gia vào việc kiểm soát các thông tin, các

chuẩn mực giá trị triết học để chặn đứng những đả kích vô lối mang nhiều tính kích động làm mất ổn định xã hội ở một nước nào đó, ở một thời điểm nào đó.

Trên đất nước chúng tôi, các hoạt động triết học vừa gắn với các chuẩn mực lành mạnh, đúng đắn và tiến bộ có tính chất toàn cầu, đồng thời các hoạt động ấy không hề tách khỏi các hệ tư tưởng, các thế giới quan khác nhau và cả những truyền thống triết lý của dân tộc. Trong thời đại tin học hiện nay, thông tin rõ ràng là một hệ thống đa chiều. Nguồn tin, cơ chế phát tin có ảnh hưởng to lớn đến bản chất của các hoạt động triết học ở mỗi dân tộc. Triết học có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn, có các phạm trù, khái niệm bao quát, có cả những dự báo tương lai. Nhiều người đã lợi dụng điều này để cản trở rất nhiều tư tưởng triết học của không ít các dân tộc đang vươn lên xây dựng đất nước mình. Vì lý do đó, chúng tôi nghĩ rằng trên lĩnh vực triết học, trong thời đại thông tin này chúng ta cần xây dựng những nguyên tắc cơ bản để cổ vũ cho các hoạt động triết học đúng đắn phát triển.

Khó khăn thứ ba mà đã mấy chục năm qua chúng tôi chưa giải quyết được để phát triển triết học và đóng góp thêm các giá trị của mình vào triết học quốc tế là đội ngũ nghiên cứu và giảng dạy triết học của chúng tôi còn quá mỏng mặc dù chúng tôi đã có hàng chục trường đại học mà trường nào cũng giảng dạy và nghiên cứu triết học. Sau những năm tháng chiến đấu quyết liệt và vô cùng gian khổ, gần nửa thế kỷ vừa qua chúng tôi đã toàn tâm toàn lực cùng với sự giúp đỡ tận tình của nhiều nước trên thế giới đã khắc phục những mất mát, những tàn phá của các cuộc chiến tranh khốc liệt nhất trong lịch sử 4000 năm của dân tộc. Với khẩu hiệu biến chiến trường thành thương trường, đoàn kết và làm bạn với nhân dân toàn thế giới, chúng tôi đã tập trung toàn bộ sức người, sức của để xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Nhận thức rất rõ vai trò của triết học trong việc khôi phục lại đất nước, chúng tôi đã cố gắng xây dựng một đội ngũ nghiên cứu và giảng dạy triết học để góp phần đưa đất nước vượt lên.

Tuy nhiên, ý đồ thì rõ ràng nhưng thực hiện được ý đồ ấy là cả một chặng đường gian nan lâu dài. Hàng loạt vấn đề triết học lớn đã và đang trải ra trước mắt chúng tôi: nào nghiên cứu lại lịch sử triết học của dân tộc mình và của thế giới; nào cần gấp gấp tiếp cận được những thành tựu triết học mới của loài người; nào hãy tập trung xây dựng ngay một kho dữ liệu thông tin triết học mạnh có thể truy cập nhanh để không lạc hậu với sự phát triển như vũ bão của thời đại. Được như vậy mới

có thể hy vọng rút ngắn khoảng cách triết học giữa chúng tôi với nền văn minh nhân loại, không thì đó mãi chỉ là khát vọng chưa thể thực hiện được.

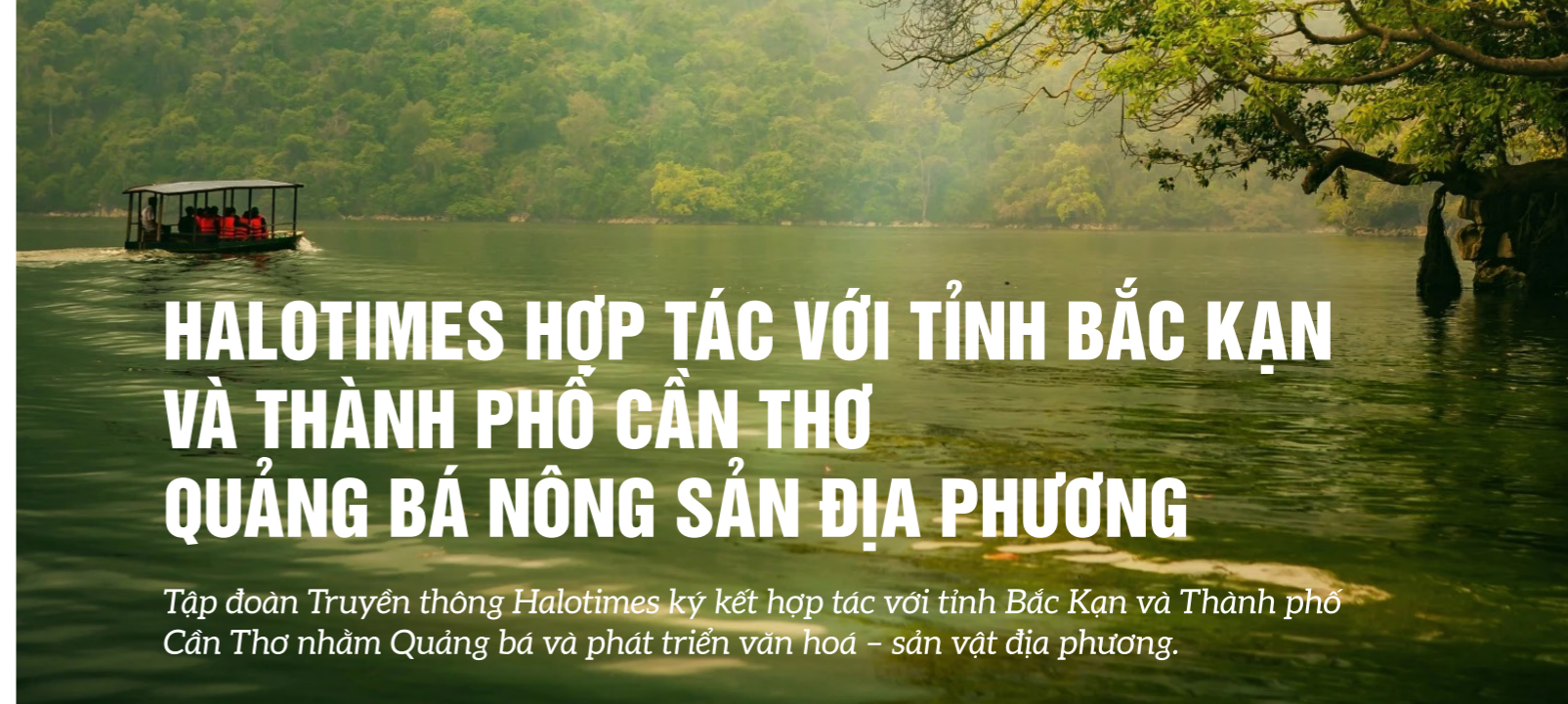
Mỗi năm các trường đại học của chúng tôi đào tạo được một đội ngũ làm triết học khá hùng hậu. Tuy nhiên, việc sử dụng đội ngũ này vào nghiên cứu triết học lại chưa phải là hiệu quả, tối ưu nhất. Có quá ít những cơ sở tiếp nhận sinh viên mới tốt nghiệp. Rất nhiều sinh viên không có việc làm phù hợp ngành nghề mình được đào tạo vì thế không thể tập hợp họ lại để thực hiện các nghiên cứu triết học. Khác với nhiều quốc gia khác, nghiên cứu và giảng dạy triết học phần nhiều mang tính cá nhân rất cao. Ở đất nước chúng tôi việc nghiên cứu và giảng dạy triết học vẫn mang tính nhà nước là chính, nó chưa có một cơ chế hoạt động riêng tư, độc lập, tự chủ. Nhiều năm trước đây cùng với việc nghiên cứu và giảng dạy triết học theo hệ thống công, chúng tôi đã đề xuất cơ chế phát huy khả năng độc lập, tự nghiên cứu và giảng dạy triết học của những cá nhân có năng lực tư duy tốt và bản lĩnh chính trị - tư tưởng vững vàng. Tuy nhiên, trong cơ chế kinh tế thị trường của chúng tôi, nhu cầu tiếp thu triết học của xã hội rất ít, do đó việc nghiên cứu và giảng dạy triết học theo sở thích cá nhân đã không được thực hiện. Vì thế sự phát triển triết học rộng rãi và và thuận lý khá khó phát triển.

Thực tế trong cơ chế thị trường hiện nay, nhu cầu tìm hiểu, tiêu dùng triết học không cao và tiền công lao động triết học cũng rất khiêm tốn. Vì lý do ấy, rất ít người say mê nghiên cứu triết học so với các hình thức sản xuất tinh thần khác. Nếu lao động nghiên cứu triết học năm năm hoặc mười năm mới có một sản phẩm triết học thì nhiều lĩnh vực sản xuất tinh thần nhẹ nhàng hơn, ngắn hơn như âm nhạc chẳng hạn thì thu nhập từ sản phẩm âm nhạc cao gấp trăm lần so với sản xuất triết học, vì thế rất ít người dám dấn thân sản xuất triết học.

Hội triết học ở Việt Nam cũng đang xây dựng chương trình nghiên cứu và tổ chức các hội thảo về một số vấn đề cấp bách trong việc xây dựng nền tảng triết học cho sự phát triển đất nước. Muốn như vậy phải đầu tư về mặt trí tuệ, một mặt phải thông hiểu những sáng tạo rất cao, rất mới của ngành triết học đã đành mà còn phải nhận thức sâu về thời đại chuyển đổi số, trí thông minh nhân tạo và nguồn lực tài chính.

Và Hội chúng tôi đang nỗ lực làm việc theo hướng này để hiện thực khát vọng cống hiến và thực hiện trách nhiệm xã hội của những người nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Việt Nam.

Tới dự hội nghị triết học thế giới lần này, chúng tôi hy vọng mình sẽ tìm hiểu và tiếp thu được nhiều kinh nghiệm mới, sáng kiến hay để góp phần vào nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy kết hợp ở Việt Nam hiện nay.



## HALOTIMES HỢP TÁC VỚI TỈNH BẮC KẠN VÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ QUẢNG BÁ NÔNG SẢN ĐỊA PHƯƠNG

Tập đoàn Truyền thông Halotimes ký kết hợp tác với tỉnh Bắc Kạn và Thành phố Cần Thơ nhằm Quảng bá và phát triển văn hoá – sản vật địa phương.

Đưa sản phẩm OCOP lên sàn TMĐT xuyên biên giới

Ngày 26/8, Hội nghị ký kết hợp tác giữa Công ty TNHH Truyền thông Halotimes và tỉnh Bắc Kạn đã diễn ra tại thành phố Bắc Kạn.

Phát biểu tại hội nghị, ông Lê Văn Thương - Tổng giám đốc Công ty TNHH Truyền thông Halotimes, cho hay, Halotimes là đơn vị phát triển đa lĩnh vực. Về lĩnh vực công nghệ, Halotimes tự hào là doanh nghiệp đa hệ sinh thái, đã cung cấp dịch vụ đến 192 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Trong đó, mạng xã hội du lịch Hahalolo và mạng xã hội du lịch Soctrip phát triển mạnh mẽ. Trên Soctrip có OTA - Dịch vụ du lịch trực tuyến, Social - Mạng xã hội và E-Commerce - Thương mại điện tử.

Ngoài ra, Halotimes đầu tư vào các phương tiện truyền thông, hợp tác với các tạp chí để xây dựng đội ngũ tri thức tại Việt Nam. Song song với đó, Halotimes còn hợp tác với giới văn nghệ sĩ để xây dựng đội ngũ truyền thông, quảng bá tới công chúng. Đồng thời, công ty xây dựng trung tâm sản xuất nội dung, sở hữu và xử lý một khối lượng nội dung thông tin đồ sộ.

Và đặc biệt, để giải quyết được vấn đề quan trọng nhất, Halotimes tin rằng, người dân phải sống được bằng sản phẩm của mình làm ra, bằng sản vật của địa phương ấy. “Chúng ta hô hào rằng làm các sản phẩm du lịch xanh, các sản phẩm gắn liền với văn hóa nhưng người dân không kiếm ra tiền, doanh nghiệp cũng không thu lợi được từ sản phẩm ấy thì hô hào, quảng bá hay làm tất cả mọi thứ thì đều không giải quyết được gốc rễ vấn đề”, ông Lê Văn Thương nhấn mạnh.

Ông Lê Văn Thương cho biết: “Đã có rất nhiều chương trình tọa đàm nói về vấn đề làm sao để đào tạo người nông dân, địa phương tự marketing, bán hàng. Nhưng một thử thách lớn của chúng ta là tất cả các sàn TMĐT tại Việt Nam mà người dân đang ưa chuộng hiện nay đều không phải của Việt Nam. Đó là trở ngại của chúng tôi, cũng là lý do mà chương trình hành động “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam” ra đời.

Chúng tôi mong muốn tìm ra biện pháp, để cùng với các tỉnh, các địa phương giải quyết các vấn đề mà người nông dân đang gặp phải. Nếu người dân thuận lợi bán được hàng, được sản phẩm do chính mình làm ra trên quê hương mình, đó là phát triển du lịch. Chỉ khi người dân thu được lợi ích, doanh nghiệp thu được lợi ích thông qua những hoạt động này thì mới tạo ra được những giá trị phát triển bền vững”.



### Chiến dịch "Mẹ Việt Nam gia đình Việt Nam"

Chiến dịch truyền thông "Mẹ Việt Nam – Gia đình Việt Nam" do các đơn vị truyền thông phối hợp tổ chức gồm: Tạp chí Triết học, Tạp chí Du lịch TP. HCM, Tạp chí Xưa và Nay, Tạp chí Gia đình mới, Trang Thông tin điện tử tổng hợp Yolo24h, Mạng xã hội du lịch Soctrip, Công ty truyền thông Halotimes.

Nói về các chương trình hành động của chiến dịch "Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam", ông Lê Văn Thương cho biết, sẽ tổ chức một chuỗi các chương trình truyền hình thực tế, đưa các nghệ sĩ, các KOL về với từng địa phương, làng nghề tại Việt Nam để đồng hành người dân, vừa đưa nông sản lên sàn TMĐT và biến mỗi người dân trở thành 1 hướng dẫn viên du lịch, người bán hàng dưới sự hướng dẫn của những chuyên gia trong lĩnh vực này.

### Halotimes ký kết hợp tác quảng bá và phát triển văn hoá – sản vật địa phương

Ngày 11/09 tại Học viện Chính trị khu vực IV, Thành phố Cần thơ đã diễn ra Hội nghị ký kết hợp tác Quảng bá và phát triển văn hoá – sản vật địa phương giữa Tập đoàn Truyền thông Halotimes và Thành phố (TP) Cần Thơ.

Đại diện Sở Công thương TP. Cần Thơ thực hiện ký kết hợp tác này, cùng với sự chứng kiến của đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn TP. Cần Thơ, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch TP. Cần Thơ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP Cần Thơ và Thành đoàn TP. Cần Thơ.

"Chúng tôi kết hợp người nổi tiếng và những chuyên gia livestream bán hàng về từng vùng, từng địa phương để đồng hành người dân trong quá trình này... Đặc biệt, tạo ra một nghề nghiệp mới cho người dân, họ không cần phải lên thành phố, không cần qua thương lái mà ở ngay địa phương này cũng có thể kiếm được thu nhập hàng chục, thậm chí hàng trăm triệu..."

Điều này sẽ thúc đẩy người dân kiên trì bám làng, cố gắng làm giàu trên đất quê hương mình. Từ những trường hợp đó, chúng ta có thể sản sinh ra những doanh nghiệp triệu đô, làm giàu từ nông sản...", ông Lê Văn Thương khẳng định.

Lễ ký kết, hợp tác với tỉnh Bắc Kạn là sự khởi đầu, để đi vào chi tiết hơn, BTC chương trình sẽ tiếp cận với các làng nghề, các doanh nghiệp đang kinh doanh trong lĩnh vực này để đồng hành. Như vậy, mới tạo ra được doanh nghiệp địa phương phát triển, người dân địa phương làm giàu...

### THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG HỘI

Phát biểu tại hội nghị, ông Lê Văn Thương – CEO Tập đoàn truyền thông Halotimes, cho biết: "Sau thành công của Hội nghị ký kết hợp tác với tỉnh Bắc Kạn, hôm nay chúng tôi rất vui khi tiếp tục triển khai ký kết với Thành phố Cần Thơ với mong muốn tìm ra biện pháp, để cùng với các tỉnh, các địa phương giải quyết các vấn đề mà người nông dân đang gặp phải. Nếu người dân thuận lợi bán được hàng, được sản phẩm do chính mình làm ra trên quê hương mình. Chỉ khi người dân thu được lợi ích, doanh nghiệp thu được lợi ích thông qua những hoạt động này thì mới tạo ra được những giá trị phát triển bền vững".



Ông Lê Văn Thương, CEO Tập đoàn truyền thông Halotimes phát biểu tại hội nghị.



Hội nghị với tỉnh Bắc Kạn.



Toàn cảnh hội nghị.

Giải pháp mà Halotimes đưa ra là xây dựng chuỗi cung ứng trên toàn cầu. Bên cạnh đó, Halotimes sẽ kết hợp chặt chẽ với địa phương, cho ra một định vị thương hiệu, rõ ràng nguồn gốc xuất xứ. Bởi nông sản, các sản phẩm xanh, OCOP là sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của người tiêu dùng. Ngoài ra, khi định vị được thương hiệu sản phẩm cũng sẽ tác động tới việc quảng bá văn hóa.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, cùng với sự hỗ trợ của các ngành chức năng, các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản phẩm OCCOP, Halotimes cũng hy vọng sẽ thực hiện nhiều chiến dịch giúp nông dân ở các địa phương linh hoạt sử dụng mạng xã hội để bán hàng nông sản.

# CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CHI HỘI TRIẾT HỌC CƠ SỞ KHU VỰC MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN



Tham dự và chủ trì tại buổi lễ có GS,TS Lê Hữu Nghĩa, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam; GS,TS Phạm Văn Đức, nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Triết học Việt Nam. Về phía lãnh đạo Học viện Chính trị khu vực III, có PGS,TS Đoàn Triệu Long, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện, Ủy viên Hội đồng lý luận Trung ương; PGS,TS Lê Văn Đính, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Học viện; cùng các đại biểu là các nhà giáo, nhà khoa học đến từ các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tại buổi lễ, thừa ủy quyền của Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam, TS Vũ Mạnh Dũng, Chánh Văn phòng Hội Triết học Việt Nam đã công bố Quyết định thành lập Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, nhiệm kỳ 2024-2029 và công nhận Ban Chấp hành chi hội với 9 thành viên, do PGS,TS Đoàn Triệu Long, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Chính trị khu vực III, làm Chi hội trưởng. Chi hội được thành lập với 22 thành viên đầu tiên là các nhà giáo, nhà khoa học

đến từ Học viện Chính trị khu vực III; Trường Chính trị các tỉnh, thành khu vực miền Trung - Tây Nguyên; Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, Đại học Quy Nhơn...

Trao Quyết định và phát biểu tại buổi lễ, GS,TS Phạm Văn Đức, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Triết học Việt Nam chúc mừng Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đây là Chi hội Triết học thứ tám thuộc Hội Triết học Việt Nam được thành lập. Đồng chí nhấn mạnh về vai trò, trách nhiệm quan trọng của Chi hội là cùng với Hội Triết học Việt Nam nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, phối hợp các cơ quan có thẩm quyền trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có tri thức và tư duy triết học cao. Đồng thời, GS,TS Phạm Văn Đức đề nghị hoạt động của Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên phải tuân thủ theo Điều lệ Hội Triết học; chú trọng đến các nhiệm vụ trọng tâm về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ hội viên trong hoạt động nghề nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong nghiên cứu và giảng dạy Triết học thông qua các chương trình bồi dưỡng, tọa đàm trao đổi chuyên môn, hội thảo khoa học.

Tại buổi lễ, thừa ủy quyền của Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam, TS Vũ Mạnh Dũng, Chánh Văn phòng Hội Triết học Việt Nam đã công bố Quyết định thành lập Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, nhiệm kỳ 2024-2029 và công nhận Ban Chấp hành chi hội với 9 thành viên, do PGS,TS Đoàn Triệu Long, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Chính trị khu vực III, làm Chi hội trưởng. Chi hội được thành lập với 22 thành viên đầu tiên là các nhà giáo, nhà khoa học đến từ Học viện Chính trị khu vực III; Trường Chính trị các tỉnh, thành khu vực miền Trung - Tây Nguyên; Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, Đại học Quy Nhơn...

Trao Quyết định và phát biểu tại buổi lễ, GS,TS Phạm Văn Đức, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Triết học Việt Nam chúc mừng Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đây là Chi hội Triết học thứ tám thuộc Hội Triết học Việt Nam được thành lập. Đồng chí nhấn mạnh về vai trò, trách nhiệm quan trọng của Chi hội là cùng với Hội Triết học Việt Nam nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, phối hợp các cơ quan có thẩm quyền trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có tri thức và tư duy triết học cao. Đồng thời, GS,TS Phạm Văn Đức đề nghị hoạt động của Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên phải tuân thủ theo Điều lệ Hội Triết học; chú trọng đến các nhiệm vụ trọng tâm về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ hội viên trong hoạt động nghề nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong nghiên cứu và giảng dạy Triết học thông qua các chương trình bồi dưỡng, tọa đàm trao đổi chuyên môn, hội thảo khoa học.

Thay mặt Ban Chấp hành Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, PGS,TS Đoàn Triệu Long, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện Chính trị khu vực III gửi lời cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Trung ương Hội Triết học Việt Nam; đồng thời, PGS,TS Đoàn Triệu Long bày tỏ niềm vinh dự khi được bầu làm Chi hội trưởng và hứa sẽ nỗ lực phấn đấu, đoàn kết, đồng lòng, cùng với các thành viên Ban Chấp hành lãnh đạo Chi hội hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích và thực hiện đầy đủ các nội dung, chủ đề của Hội Triết học Việt Nam để ra.

Tại buổi lễ, Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên đã thông qua kế hoạch, chương trình hoạt động nhằm tăng cường sự đoàn kết, tập hợp rộng rãi các nhà khoa học, giảng viên Triết học đã và đang công tác tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên để trao đổi, học hỏi lẫn nhau về chuyên môn. Chi hội cũng sẽ chủ động liên hệ

với các Học viện, các nhà trường, Ban Tuyên giáo các địa phương để chia sẻ các tài liệu, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau, nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác nghiên cứu, giảng dạy Triết học, góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Tại buổi lễ, Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên đã thông qua kế hoạch, chương trình hoạt động nhằm tăng cường sự đoàn kết, tập hợp rộng rãi các nhà khoa học, giảng viên Triết học đã và đang công tác tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên để trao đổi, học hỏi lẫn nhau về chuyên môn. Chi hội cũng sẽ chủ động liên hệ với các Học viện, các nhà trường, Ban Tuyên giáo các địa phương để chia sẻ các tài liệu, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau, nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác nghiên cứu, giảng dạy Triết học, góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.



Ban Chấp hành Chi hội Triết học cơ sở khu vực miền Trung - Tây Nguyên ra mắt tại buổi lễ

# ĐẠI HỘI TRIẾT HỌC THẾ GIỚI LẦN THỨ XXV

GS.TS.  
PHẠM VĂN ĐỨC\*

Kể từ ngày 1 đến ngày 8 tháng 8 năm 2024, Đại hội Triết học Thế giới lần thứ XXV diễn ra tại Rome, Ý. Đến dự Đại hội, ngoài các đại diện của các hội và các thành viên của Liên đoàn quốc tế các hội triết học (FISP), còn có khoảng 4000 những người nghiên cứu và giảng dạy triết học, các sinh viên triết học thuộc các châu lục trên thế giới.

Ngoài phiên khai mạc, bế mạc, Đại hội có các phiên toàn thể, hội thảo chuyên đề và các tiểu ban chuyên môn. Phát biểu tại phiên khai mạc, GS. Luca Scatino Maria, Chủ tịch Liên đoàn quốc tế các hội triết học, khẳng định rằng, “quyết định tổ chức Đại hội Triết học Thế giới tại Rome được đưa ra trong những ngày đen tối của đại dịch Covid-19. Trong khi vận mệnh xã hội, kinh tế, chính trị, công nghệ và văn hóa chung của thế giới chúng ta đang bị đe dọa, thì Hội Triết học Ý, Đại học Sapienza và cộng đồng triết học Ý đã cùng nhau chung tay đem lại cho chúng ta - những nhà triết học từ khắp nơi trên thế giới - một hy vọng thực sự để duy trì truyền thống lâu đời.

Nhìn thoáng qua chương trình toàn thể của Đại hội, chúng ta có thể nhận thấy một nỗ lực chung nhằm đưa những suy tư lý luận, mang tính triết học vào thực tế cuộc sống của thời đại. Các học giả hàng đầu trên thế giới với nhiều nền tảng tri thức khác nhau sẽ thảo luận về các vấn đề đạo đức, xã hội và tâm linh cấp bách. Họ sẽ góp phần xóa bỏ các giới hạn chật chội, cứng nhắc và giải quyết các mối quan tâm cấp bách của công chúng như bất bình đẳng, đa dạng văn hóa và giới tính, tính bền vững trong sự phát triển trên quy mô toàn cầu”.

Thực ra, tại Bắc Kinh năm 2018, Đại hội Triết học thế giới lần thứ XXIV đã quyết định chọn Úc là nước tổ chức Đại hội triết học lần thứ XXV vào năm 2023. Tuy nhiên, do đại dịch covid 19 và một số lý do khách quan khác nữa, Úc xin từ chối không đăng cai tổ chức. Vì vậy, Ý là nước thay thế được chọn đăng cai tổ chức và phải lùi lại 1 năm so với kế hoạch.

Khi nói đến địa điểm và chủ đề của Đại hội, bà Suwanna Satha-Anand, Tổng thư ký Liên đoàn quốc tế các hội triết học cho rằng, từ thời Cổ đại, Rome đã kết nối với thế giới và nền văn minh xa xôi thông qua giao thương trên biển và trên bộ và trao đổi văn hóa. Trong phiên họp cuối cùng của Đại hội tại Bắc Kinh, chúng ta đã ý thức được một cách sâu sắc rằng, sự phát triển của triết học trong thế kỷ này không chấp nhận những chia rẽ triết học lâu đời giữa Đông và Tây, Cổ đại và Hiện đại, Châu Âu và Phần còn lại. Theo quan điểm này, Rome là địa điểm hoàn hảo cho Đại hội Thế giới lần thứ XXV, vì Rome luôn là ngã tư của thế giới và vào năm 2024, Rome một lần nữa, mời tất cả mọi người từ khắp các khu vực trên toàn cầu vào vòng tay của mình.

Tôi tin rằng, Đại hội Triết học Thế giới lần thứ 25 này sẽ là một viên ngọc quý khác trong số những kho báu của FISP cũng như các cộng đồng triết học toàn cầu và hơn thế nữa. Chúng ta hy vọng sẽ giúp mọi người hiểu rõ hơn về tình trạng của con người và phi con người trong thế kỷ bất ổn và dễ bị tổn thương này.

Chương trình Đại hội ngoài 15 phiên toàn thể và Hội thảo chuyên đề bao gồm 89 tiểu ban chuyên môn. Do tổ chức ở Ý nên chi phí đi lại quá lớn, số lượng các học gia Việt Nam tham dự không nhiều. Ngoài GS.TS. Phạm Văn Đức, Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn quốc tế các hội triết học nhiệm kỳ 2018 – 2024 và TS. Nguyễn Duy Cường, cán bộ giảng dạy của Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, còn có GS.TS. Hồ Sĩ Quý, PGS.TS. Nguyễn Văn Dân, TS. Hồ Mạnh Tùng, TS. Đỗ Trung Kiên gửi bài tham dự.



Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 39 thành viên từ 47 người được các hội giới thiệu. Điều đặc biệt là, tại phiên họp đầu tiên của Ban chấp hành vẫn chưa bầu được Chủ tịch mới. GS.Luca Scatino Maria vẫn là người tạm quyền điều hành cho đến khi bầu được Chủ tịch mới. Bên cạnh đó, trong phiên họp toàn thể của các hội, ngày 4 tháng 8 năm 2024, các hội của 3 nước trình bày đề án xin đăng cai tổ chức Đại hội Triết học thế giới lần thứ XXVI vào năm 2028. Nhiệm kỳ đại hội này chỉ kéo dài 4 năm do nhiệm lần thứ XXV kéo dài đến 6 năm. Đó là các nước Ethiopia, UAE và Nhật Bản. Mỗi nước trình bày đề án giới thiệu tiềm năng và thế mạnh của mình trong thời gian 30 phút. Các đại biểu hỏi, chất vấn khoảng trên dưới 30 phút, sau đó bỏ phiếu. Kết quả Nhật Bản được quyền đăng cai tổ chức Đại hội Triết học thế giới lần thứ XXVI vào năm 2028 tại Tokyo.

Ngoài các hoạt động khoa học, những người tham dự Đại hội có dịp thăm quan các di tích lịch sử văn hóa tại thành phố Rome cổ kính và tráng lệ. Chương trình Đại hội đã diễn ra đúng kế hoạch và kết thúc tốt đẹp. Đại hội lần thứ XXVI sẽ trở lại với châu Á và với khoảng cách không quá xa về địa lý, hy vọng những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy triết học của Việt Nam sẽ tham dự đông đảo hơn.

----- " -----  
1 Xem: Hồ Sĩ Quý. Về Đại hội Triết học thế giới lần thứ XXV (Rome, Italy 1-8/8/2024) và Đại hội Triết học thế giới lần thứ XXIV (Bắc Kinh, Trung Quốc 13-20/8/2018). Tạp chí Nghiên cứu Triết học, số 1/ 2024, tr. 79 – 97.

# 4 ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH

## ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH

### RESEARCH AND CREATIVE IMPLEMENTATION OF HO CHI MINH'S THOUGHT: A KEY CONTRIBUTION TO THE PROTECTION AND DEVELOPMENT OF MARXISM-LENINISM IN THE CURRENT PERIOD

ASSOC. PROF., DR. HOANG ANH

Ho Chi Minh had an independent and creative approach in studying revolutionary doctrines and the scientific theories of classical theorists to creatively implement and develop them in the context of the Vietnamese revolution. This perspective of his provides a significant lesson for us today in researching and creatively applying Ho Chi Minh's thought to protect and develop Marxism-Leninism in line with the current era. We must thoroughly understand and implement what is correct and principled, and follow the guidance provided. However, for aspects that the classical Marxist-Leninist theorists and President Ho Chi Minh could not have anticipated or clearly expressed, we need to research and supplement them to align with his views, ensuring that Marxism-Leninism and Ho Chi Minh's thought remain scientific and revolutionary doctrines. This article outlines the necessity of creatively applying Ho Chi Minh's thought to the Vietnamese revolution as an important contribution to protecting and developing Marxism-Leninism in the present stage.

**Keywords:** Creative implementation of Ho Chi Minh's thought, protecting and developing Marxism-Leninism

### ISSUES ARISING IN THE NEED OF IMPLEMENTING HO CHI MINH'S EDUCATIONAL PHILOSOPHY IN EDUCATION AND TRAINING IN THE MEKONG DELTA TODAY

DR. HUYNH VAN TANH

Education and training plays a particularly important role in the current renovation process of the country in general and the development of the Mekong Delta in particular. Education and training are not only the foundation of personal development but also a prerequisite for the progress and prosperity of the nation. That has been affirmed and summarized in the educational philosophy of President Ho Chi Minh. This article aims to evaluate the issues raised by the creative application of Ho Chi Minh's educational philosophy in education and training in the Mekong Delta today.

**Keywords:** Ho Chi Minh's thought, education and training, Mekong Delta.

### PROMOTING SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE SPIRIT OF THE RESOLUTION OF THE 13TH PARTY CONGRESS

DR. NGO VAN NHAN

Sustainable development and ensuring sustainable development have become a global trend. The perspective on sustainable development is a consistent, comprehensive, and overarching approach of the Party in leading the renovation process and advancing the industrialization and modernization of the country. This article provides an overview of sustainable development and focuses on analyzing the Party's perspective on ensuring sustainable development, as well as discussing some strategic solutions aimed at promoting sustainable development in line with the spirit of the Resolution of the 13th Party Congress

**Keywords:** Development, sustainable development, 13th Party Congress Resolution, solutions for ensuring sustainable development

### BUILDING AND PROMOTING THE ROLE OF CULTURAL CAPITAL IN ACHIEVING THE GOALS OF "RICH PEOPLE, STRONG NATION, JUST, DEMOCRATIC, AND CIVILIZED SOCIETY"

ASSOC. PROF. , DR. CAO THU HANG

The 13th National Party Congress affirmed the continued implementation of the system of goals of "rich people, strong nation, just, democratic, and civilized society" as an important characteristic of the socialist society that Vietnam is building. There are many different sources of capital to successfully implement Party Congress's goals, among which cultural capital has a vital role because this is a sustainable endogenous capital source, easy to reproduce, accumulate, inherit and ensures harmony in implementing the above-mentioned goals. Therefore, building and promoting cultural capital is an essential task for achieving the goal of "rich people, strong nation and a just, democratic, and civilized society" in Vietnam today.

**Keywords:** Cultural capital, the system of goals, "rich people, strong nation, just, democratic, and civilized society

## HO CHI MINH'S GUIDANCE ON SELF-EDUCATION, LIFELONG LEARNING, AND ITS APPLICATION BY OUR PARTY

DR. NGUYEN THI TUYET MAI

This article affirms that "self-education" and "lifelong learning" are fundamental aspects of Ho Chi Minh's educational philosophy. He himself embodies and exemplifies a spirit of perseverance, never backing down from difficulties to educate himself and strive for personal advancement in life. His valuable guidance on "self-education" and "lifelong learning" serves as a philosophical foundation for our Party and State in building a learning society and promoting lifelong learning.

**Keywords:** Self-education; lifelong learning; Ho Chi Minh; Communist Party of Vietnam

## VU LAN'S FILIAL PIETY FESTIVAL

ASSOC. PROF. , DR. TRAN ĐANG SINH  
DR. NGUYEN THU THUY

Vu Lan Festival is one of the important festivals of Vietnamese Buddhism, with special significance in the spiritual life of Vietnamese people in general and Vietnamese Buddhists in particular. Vu Lan Festival is considered Parents' Day. Buddhists recite the Repaying Parents' Prayer, listen to monks preach about filial piety and the duties of children, and pray for the safety of grandparents and parents. Vu Lan season becomes the season of children's filial piety towards their parents. Vu Lan Festival - Repaying filial piety contributes to affirming the traditional humanistic values of the nation: Filial Piety, Humanity.

**Keywords:** Vu Lan Festival, Filial Piety, Buddhism

## SOME CUSTOMS OF THE PEOPLE OF HAI DUONG PROVINCE INFLUENCED BY THE WORSHIP OF SAINT TRAN AT KIEP BAC TEMPLE

M.A. VU THI MAN

The worship of Saint Tran is a form of folk belief that has a profound impact on the spiritual life and customs of the people in Hai Duong, particularly their local traditions. Throughout history and in the present day, through the Kiep Bac Temple festival and religious practices, the people of Hai Duong have carried on customs influenced directly by this belief. Their devotion is not only motivated by the sentiment of "drinking water and remembering its source" but also by the desire for Saint Tran's blessings and protection for a life of abundance, peace, and happiness. This is expressed through various rituals such as prayers for fertility, selling vows, prayers for peace, and rituals to ward off evil spirits...

**Keywords:** Belief, Saint Tran, customs, traditions

## DENG XIAOPING'S THOUGHT OF EDUCATION STRATEGY

PHD(C). ĐO THANH VAN

Since the implementation of the reform and opening-up policy, China has faced a continuously changing and increasingly complex domestic and international situation. Deng Xiaoping advanced the reform and opening-up policy, focusing on education as a breakthrough point to promote reform and opening-up. Deng Xiaoping's thought of education strategy refers to his scientific policies and viewpoints on socialist education issues, and it is an integral part of his theory of building socialism with Chinese characteristics. In practice, Deng Xiaoping applied the basic principles of Marxism and Mao Zedong thought to develop scientific and innovative policies on major educational issues, laying the foundation for the reform and development of education in China over the past 45 years of reform and opening-up.

**Keywords:** Education thought; education strategy; education reform; Deng Xiaoping; development of education in China.

## SOFTEN THE LIGHT, BLEND IN WITH THE DUST: FROM LAOZI, TRAN NHAN TONG TO BAMBOO DIPLOMACY

PHAM MINH ĐỨC  
ASSOC. PROF. , DR. NGUYEN ANH TUAN

The concept of the future refers not only to what will be but also to the ongoing effects of the past on the present. Laozi himself and the philosophy of "soften the light, blend in with the dust" left a great mark on history. For Laozi, the "Dao" affects everything in the universe without direct intervention, so that all things develop according to their nature. This philosophy was followed by Tran Nhan Tong, who combined it with Buddhist teachings and Vietnamese spirit to strike a balance between personal and social duties.

The "soften the light, blend in with the dust" philosophy distinctly colours Vietnam's bamboo diplomacy: unwavering yet flexible. Vietnam stands firm in its stands and respects the independence and interests of other nations but is open to friendship with all countries. Despite inevitable competition and conflicts, Vietnam always upholds the principle of "great righteousness." With its active participation in many international forums, Vietnam contributes to global issues on climate change and sustainable development to build a future in which every nation can develop independently and freely.



**Keywords:** Laozi; Tran Nhan Tong; Soften the light, blend in with the dust; Bamboo Diplomacy

## BUDDHISM AND HUMAN RIGHTS

DR. PHAM THANH HANG

Human rights currently attract special attention from the United Nations and the international community, aiming to provide people with a life of prosperity, freedom, equality, and happiness. At both the international and national levels, there are widely recognized and legally enshrined provisions that ensure the implementation of universal values of human rights. Buddhism, as a major religion in the world and in Vietnam, offers its own perspectives and interpretations on human rights, providing needed foundations for the basic and most important rights of man.

**Keywords:** Buddhism, human rights, religion.

## POLITICAL EDUCATION FOR STUDENTS IN VOCATIONAL COLLEGES FOR DEVELOPING HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES IN OUR COUNTRY TODAY

NGUYEN XUAN TOAN

Political education is a mandatory subject in the training programs at colleges, including vocational colleges, aimed at developing political consciousness, character and morality among students, thus contributing to the development of human resources for the country, especially high-quality human resources to meet the demands of the Fourth Industrial Revolution. This article analyzes various issues related to the objectives, contents, and methods of political education, as well as the current state of political education in vocational colleges. Based on this analysis, it proposes several suggestions to enhance the effectiveness of political education, contributing to the "fundamental and comprehensive renovation of education and training" to develop high-quality human resources in our country today.

**Keywords:** Political education, political consciousness, high-quality human resources, vocational colleges, Fourth Industrial Revolution

## BARRIERS IN THE RESEARCH AND TEACHING OF PHILOSOPHY IN CONTEMPORARY VIETNAM

DR. NGUYEN DUY CUONG

This article publishes the paper presented by Dr. Nguyen Duy Cuong at the XXV World Congress of Philosophy held in Rome, Italy, from August 1-8, 2024, under the overarching theme "Philosophy across Boundaries." From the perspective of those scholars researching and teaching philosophy in Vietnam, the paper outlines the unpredictable and challenging global and national conditions of recent years. These conditions also define the working environment for our researchers and teachers of philosophy. The article specifically analyzes three objective and subjective barriers currently facing philosophical activities in Vietnam. The author also expresses confidence that, thanks to the active efforts of the Vietnam Philosophical Association and support from both official and unofficial organizations and individuals, these barriers will gradually be removed. This will enable Vietnamese philosophy to develop healthily and make significant progress in the future, meeting the legitimate expectations of the society and the field itself.

**Keywords:** World Congress of Philosophy, Philosophical Association, research and teaching of philosophy, barriers, aspiration to contribute, social responsibility

## THE PHILOSOPHICAL ASPECT OF MINIMALIST LIVING ART

DR. TRAN THI NGOC ANH

In our modern society, with advancements in production, increase of productivity, improvement of work efficiency, and abundant social wealth, living standards are becoming more prosperous, and more people are pursuing a trend of consumption. However, there is also a trend towards minimalist living. Minimalist living has become a style, elevated to an art form, and embodies a philosophical view on human existence. This article begins to explore the philosophical aspect of minimalist living art, discussing some theoretical issues related to minimalist art: its concept, characteristics (duality, diversity, richness), manifestations, importance, offering a new perspective on it. The article tries to clarify the philosophy of the minimalist lifestyle and suggests a few experiences/ lessons for adopting this lifestyle, which is increasingly popular in today's modern life.

**Keywords:** Minimalist living, art of minimalist living, philosophy of minimalist living art

VIETNAM JOURNAL  
OF PHILOSOPHICAL RESEARCH